

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

LÊ KHẮC NGUYỄN ANH

**HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP XÃ ĐÁP ỨNG
YÊU CẦU XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
Ở HẢI PHÒNG HIỆN NAY**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
CHUYÊN NGÀNH CHÍNH TRỊ HỌC
Mã số: 62 31 02 01**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

- 1. PGS, TS Vũ Thị Loan**
- 2. TS Tống Đức Thảo**

HÀ NỘI - 2019

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả

Lê Khắc Nguyên Anh

MỤC LỤC

Trang

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN	
ĐẾN ĐỀ TÀI.....	9
1.1. Tình hình nghiên cứu về hệ thống chính trị và hệ thống chính trị cấp xã	9
1.2. Những công trình nghiên cứu về xây dựng nông thôn mới và phát triển khu vực nông thôn	16
1.3. Những vấn đề được rút ra qua nghiên cứu các công trình.....	33
CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ XÃ	
NÔNG THÔN MỚI.....	37
2.1. Hệ thống chính trị xã	37
2.2. Xã nông thôn mới	57
2.3. Hệ thống chính trị xã nông thôn mới.....	68
CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH	
TRỊ XÃ NÔNG THÔN MỚI Ở THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG HIỆN NAY.....	74
3.1. Chương trình xây dựng nông thôn mới ở thành phố Hải phòng	74
3.2. Xã đạt chuẩn nông thôn mới ở thành phố Hải Phòng.....	83
3.3. Hệ thống chính trị xã nông thôn mới ở Hải Phòng hiện nay	88
CHƯƠNG 4: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ	
THỐNG CHÍNH TRỊ XÃ NÔNG THÔN MỚI Ở HẢI PHÒNG.....	119
4.1. Những yếu tố tác động đối với hệ thống chính trị xã trong điều kiện nông thôn mới hiện nay	119
4.2. Giải pháp nâng cao hoạt động của hệ thống chính trị xã nông thôn mới ở Hải Phòng	125
4.3. Một số biện pháp đảm bảo tính đồng bộ và thực hiện có hiệu quả các giải pháp đã đề ra	150
KẾT LUẬN	152
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH VÀ BÀI BÁO CỦA TÁC GIẢ ĐÃ	
CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....	154
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	155
PHỤ LỤC.....	161

DANH MỤC BẢNG BIỂU VÀ BIỂU ĐỒ

	<i>Trang</i>
Bảng 1: Số lượng các xã của các huyện ở Hải Phòng.....	74
Bảng 2: Các xã nông thôn mới ở Hải Phòng.....	83
Bảng 3: Tỷ lệ cán bộ làm công tác đảng ở xã nông thôn mới có trình độ chuyên môn và các chứng chỉ đáp ứng yêu cầu công việc qua các năm	103
Biểu đồ 1: Những phẩm chất chính quyền xã cần có để thực sự vững mạnh, phục vụ tốt yêu cầu phát triển nông thôn mới hiện nay	113

DANH MỤC PHỤ LỤC

	<i>Trang</i>
Phụ lục 1: Bảng hỏi hệ thống chính trị cấp xã trong xây dựng nông thôn mới	161
Phụ lục 2: Danh sách các xã đạt chuẩn, các xã xây dựng Nông thôn mới năm 2018, 2019.....	168
Phụ lục 3: Các xã nông thôn mới tiến hành khảo sát.....	170
Phụ lục 4: Một số hình ảnh lấy số liệu khảo sát.....	171
Phụ lục 5: Bản đồ hành chính thành phố Hải Phòng	173

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CNH	:	Công nghiệp hóa
HĐH	:	Hiện đại hóa
HĐND	:	Hội đồng nhân dân
HTCT	:	Hệ thống chính trị
MTTQ	:	Mặt trận Tổ quốc
NXB	:	Nhà xuất bản
NTM	:	Nông thôn mới
NCS	:	Nghiên cứu sinh
TP	:	Thành phố
TNCS	:	Thanh niên cộng sản
UBND	:	Ủy ban nhân dân

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hệ thống chính trị (HTCT) là nội dung căn cốt của chính trị học - quyền lực chính trị thông qua HTCT được xác lập trên thực tế. Thông qua HTCT, dân chủ được hiện thực hóa, quyền lực thực sự thuộc về nhân dân. HTCT là tổ hợp có tính chỉnh thể các cơ quan quản lý nhà nước, các đảng chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội được xây dựng trên các quyền và các chuẩn mực xã hội, phân bố theo một kết cấu chức năng nhất định, vận hành theo những nguyên tắc, cơ chế và quan hệ cụ thể, nhằm thực thi quyền lực chính trị. HTCT Việt Nam bao gồm tổ chức Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân).

HTCT ở cơ sở là một bộ phận của HTCT nước ta, là kết cấu theo cấp hành chính của HTCT, theo quan hệ dọc từ cấp trung ương - tỉnh - huyện - cơ sở. HTCT cơ sở là HTCT ở xã, phường, thị trấn, trong đó *HTCT xã là cấp cơ sở ở nông thôn*; phường, thị trấn là cấp cơ sở ở đô thị.

Xã là cấp có vai trò quan trọng nhất, là cấp chấp hành. HTCT cấp xã là cầu nối trực tiếp với nhân dân, nắm bắt và phản ánh tâm tư nguyện vọng của nhân dân, tổ chức và vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tăng cường đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, huy động mọi khả năng phát triển kinh tế - xã hội, tổ chức cuộc sống dân cư. Do đó, kết quả phát triển kinh tế - xã hội của mỗi xã phụ thuộc vào năng lực, hiệu quả hoạt động của HTCT ở xã đó.

Chương trình xây dựng nông thôn mới (NTM) là chương trình trọng điểm quốc gia nhằm công nghiệp hóa (CNH), Hiện đại hóa (HĐH) nông nghiệp, nông thôn; không chỉ hướng tới mục tiêu kinh tế mà bao gồm cả mục tiêu chính trị, xã hội nhằm phát triển khu vực nông thôn rộng lớn này một cách toàn diện trên tất cả các mặt; nó đòi hỏi sự chung tay của toàn xã hội, trong đó người nông dân có vai trò chủ thể và HTCT xã có vai trò lãnh đạo. Thực tiễn xây dựng NTM những năm qua ở nước ta đã chứng minh rất rõ ràng rằng, xã nào HTCT vững mạnh, xã đó sẽ phát

huy được vai trò làm chủ của nông dân, huy động được tối đa các nguồn lực, đạt được các tiêu chí, về đích sớm. Ngược lại, ở những xã HTCT hoạt động thụ động, yếu hoặc xảy ra những vấn đề phức tạp (mất đoàn kết, khiếu kiện...), xã đó sẽ rất khó khăn để hoàn thành các tiêu chí và về đích rất chậm. Chính vì vậy, có thể khẳng định, HTCT cấp xã là một nhân tố quan trọng, có ý nghĩa quyết định sự thành công của quá trình xây dựng NTM. Mặt khác, chương trình NTM cũng là môi trường, điều kiện để HTCT cấp xã đổi mới, trưởng thành, phát triển hơn trong việc thực hiện vai trò, trọng trách của mình.

Kết quả đạt được của quá trình xây dựng NTM trong những năm qua đã làm thay đổi diện mạo nông thôn rất rõ ràng, sâu sắc. Đặc biệt, ở những xã được công nhận đạt chuẩn NTM với việc hoàn thành 19 tiêu chí cụ thể (sau đây gọi chung là xã NTM) đã khắc họa nên một chân dung khác biệt về chất so với trước đây. Trước hết về kinh tế, cơ cấu kinh tế được xác định là nền tảng cho xây dựng NTM giúp năng suất lao động, giá trị sản phẩm nông nghiệp được nâng cao, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, ổn định đời sống của người dân... Cùng với kinh tế, các vấn đề về kết cấu hạ tầng, điều kiện sản xuất, môi trường sống, an sinh xã hội được tập trung củng cố làm cho bộ mặt nông thôn không ngừng được cải thiện, tiến gần với thành thị, quá trình “đô thị hóa nông thôn” diễn ra nhanh và bền vững.

Ở xã NTM tính tích cực chính trị của người dân và vai trò các thiết chế của HTCT xã được phát huy. Từ chỗ trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước, người nông dân đã thực sự là chủ thể trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của từng xã. HTCT, đội ngũ cán bộ xã được tôi luyện, thấy rõ được trách nhiệm và vai trò lãnh đạo, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, nhà nước. Hơn nữa, mối quan hệ giữa người dân với HTCT, với cán bộ, chính quyền xã càng chặt chẽ, rõ ràng. Có thể nói, thành tựu đạt được của chương trình xây dựng NTM là to lớn, góp phần thúc đẩy quá trình CNH, HĐH, đổi mới phát triển đất nước. HTCT cấp xã là một trong những yếu tố quyết định làm nên sự thành công đó.

Mặc dù vậy, không phải xã được công nhận đạt chuẩn NTM là đã đạt được sự phát triển hoàn thiện, mà đó chỉ là nền tảng để tiếp tục phát triển ở mức độ cao

hơn. Để xã NTM tiếp tục phát triển bền vững vẫn còn không ít những vấn đề đang đặt ra. Đó là vấn đề phát triển sản xuất - kinh doanh (xác định được cơ cấu kinh tế phù hợp nhất, quy mô sản xuất, đất đai, vốn, kỹ thuật, thị trường, quản lý kinh tế...); vấn đề chính trị - xã hội (dân chủ, đời sống, việc làm, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng đời sống mới, bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa, y tế, giáo dục...); vấn đề môi trường (nước sạch, vệ sinh, rác thải, ô nhiễm, nghĩa trang...). Đặc biệt, sự trưởng thành của nông dân trong xây dựng NTM tạo sức ép không nhỏ lên HTCT xã. Các xã NTM tiếp tục phải nâng cao chất lượng các tiêu chí và phấn đấu đạt xã “Nông thôn mới kiểu mẫu”. Đây cũng chính là những yêu cầu, đòi hỏi mới đối với HTCT xã phục vụ xây dựng NTM. Vì thế, HTCT ở xã NTM cần tiếp tục củng cố, kiện toàn để đáp ứng yêu cầu mới đó. *Đây có thể coi là logic của sự vận động chính trị trong quá trình xây dựng NTM, CNH, HĐH nông thôn ở nước ta hiện nay. Đó là quá trình vận động, phát triển liên tục, không ngừng.*

Cũng như cả nước, Hải Phòng đang tiến hành công cuộc xây dựng và phát triển thành phố theo hướng CNH, HĐH, trong đó HĐH nông thôn là một nhiệm vụ quan trọng của cả HTCT.

Thành phố Hải Phòng có 143 xã, 1.369 thôn, 8 huyện. Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp - nông dân - nông thôn, có 139 xã thuộc 7 huyện triển khai Chương trình xây dựng NTM giai đoạn 2011-2020 với mục tiêu đến năm 2020, Hải Phòng có 100% số xã đạt chuẩn quốc gia về xây dựng NTM.

Đến hết tháng 12 năm 2018, 89 xã đã được công nhận đạt chuẩn xã NTM (64,02%). Xã NTM Hải Phòng có những đặc trưng: i) Cơ cấu kinh tế nông nghiệp có nhiều thay đổi theo hướng CNH, HĐH; ii) Cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng thay đổi; iii) Đời sống người nông dân được nâng cao mọi mặt, vật chất, tinh thần, việc làm, thu nhập của nông dân ngày càng ổn định; iv) Người nông dân ngày càng chủ động, tự quyết định nhiều vấn đề liên quan đến kinh tế, chính trị, xã hội.

Những kết quả chương trình xây dựng NTM đạt được đem lại cho nông thôn Hải Phòng nhiều thay đổi, chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện. Tuy nhiên các xã NTM

ở Hải Phòng đang đứng trước yêu cầu phải tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí và xây dựng xã “Nông thôn mới kiểu mẫu”, đồng thời phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức, những vấn đề đặt ra cần giải quyết, đòi hỏi người dân và HTCT cấp xã phải có quyết tâm chính trị cao. Nhằm phát huy những kết quả đã đạt được, để xây dựng xã NTM từng bước hiện đại, có cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, phát triển nông thôn theo hướng bền vững đòi hỏi HTCT xã phải không ngừng củng cố, đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu mới.

Như vậy, sự vận động, phát triển của thực tiễn xây dựng NTM luôn đặt ra yêu cầu phải đổi mới HTCT cấp xã. Đồng thời việc củng cố, hoàn thiện, phát triển cũng là yêu cầu tự thân, là việc làm thường xuyên, có ý nghĩa sống còn của HTCT.

Với những lý do nêu trên, nghiên cứu sinh chọn vấn đề: “*Hệ thống chính trị cấp xã đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới ở Hải Phòng hiện nay*” làm đề tài nghiên cứu của mình, nhằm đưa ra một số giải pháp nâng cao tổ chức và hoạt động HTCT các xã đã đạt chuẩn NTM ở thành phố Hải Phòng nói riêng và cả nước nói chung.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu

Trên cơ sở vị trí, đặc điểm của HTCT cấp xã ở nông thôn (sau đây gọi là HTCT xã), luận giải yêu cầu hoàn thiện HTCT xã nhằm đáp ứng những vấn đề đặt ra khi xã đã hoàn thành các tiêu chí chương trình xây dựng NTM, qua thực tiễn của một địa phương cụ thể (thành phố Hải Phòng).

2.2. Nhiệm vụ

- Làm rõ một số vấn đề lý luận về HTCT xã; đặc điểm xã NTM (xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM); tổ chức và hoạt động của HTCT xã NTM.

- Làm rõ thực trạng, sự cần thiết, yêu cầu đặt ra nhằm hoàn thiện và đổi mới HTCT ở xã NTM thành phố Hải Phòng hiện nay.

- Đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm đổi mới tổ chức và hoạt động HTCT xã NTM phục vụ yêu cầu xây dựng xã “Nông thôn mới kiểu mẫu” ở thành phố Hải Phòng.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Những vấn đề lý luận và thực tiễn về HTCT các xã đạt chuẩn NTM (gọi tắt là xã NTM).

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Nội dung: tổ chức và hoạt động của HTCT xã NTM đáp ứng yêu cầu xây dựng “Nông thôn mới kiểu mẫu”.

- Không gian: tại các xã đạt chuẩn NTM thuộc 7 huyện trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Thời gian: từ 2010 đến 2018 và hướng đến 2025.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Đề tài được thực hiện dựa trên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về HTCT cấp xã, về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, mối quan hệ của giai cấp nông dân trong liên minh giai cấp công nhân - nông dân và đội ngũ trí thức.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tác giả vận dụng các phương pháp chung, các phương pháp liên ngành và chuyên ngành: Lịch sử - logic; phân tích, tổng hợp; thống kê, định lượng, định tính, so sánh, văn bản học, phân tích hành vi, phỏng vấn, tọa đàm...

Phương pháp lịch sử - logic

Trên quan điểm lịch sử, tác giả nghiên cứu các tài liệu về đặc điểm hình thành, phát triển, đặc trưng văn hóa, tập quán... của nông thôn Việt Nam nói chung, các xã ở Hải Phòng nói riêng. Lịch sử hình thành và phát triển tạo nên những nét đặc trưng chi phối tổ chức và hoạt động của HTCT cấp xã. Việc xác định những đặc điểm các xã NTM cần được phân tích một cách hệ thống, logic những vấn đề có liên quan.

Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu

Đây là phương pháp cần thiết trong quá trình tiếp cận nghiên cứu, giảm thiểu chi phí, xem xét nhìn nhận vấn đề từ nhiều hướng, nhiều kết quả để liên kết, loại

trừ, cập nhật, phân loại, phân nhóm các tài liệu, dữ liệu, hệ thống hóa các tài liệu này đưa vào phân tích, tổng hợp vấn đề giúp việc định hình và khái quát chủ đề nghiên cứu, kết nối các thành quả nghiên cứu có trước, phát hiện những mâu thuẫn, những khoảng trống để kiểm tra, bổ sung.

Nguồn tài liệu được thu thập bao gồm báo cáo, thống kê tình hình kinh tế - xã hội, làm sáng tỏ khái niệm, đặc điểm, vị trí, vai trò, địa vị pháp lý của HTCT cấp xã... Các tài liệu sau khi thu thập trước hết được phân loại theo khu vực (các cấp đơn vị hành chính cấp xã, huyện), sau đó được phân cấp nhỏ hơn theo từng vấn đề nghiên cứu. Trên cơ sở nguồn tài liệu quy mô và đa dạng đó, các nghiên cứu khác nhau với hướng tiếp cận đặc thù sẽ được tổng hợp và phân tích theo từng vấn đề về tổ chức và hoạt động của HTCT cấp xã đáp ứng yêu cầu NTM, để đưa ra những nhận định ban đầu nhưng rất quan trọng về tổ chức và hoạt động của HTCT cấp xã đáp ứng yêu cầu NTM ở Hải Phòng hiện nay. Đó là nguồn thông tin đầu vào cho các phân tích định tính và định lượng của luận án. Nghiên cứu sinh đã lường trước được một số khó khăn của phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu như số liệu thống kê chưa đồng bộ, những tài liệu chuyên ngành ít, chất lượng thông tin trong mỗi tài liệu còn chưa được kiểm chứng và thiếu tính cập nhật. Do vậy, phương pháp này được áp dụng song song với các phương pháp cần thiết khác trong quá trình thực hiện luận án của nghiên cứu sinh.

Phương pháp so sánh

So sánh các loại hình xã (xã nông thôn truyền thống, xã chưa đạt chuẩn NTM và xã đạt chuẩn NTM) và HTCT ở các loại hình xã đó để rút ra những vấn đề cần thiết phải đổi mới HTCT xã NTM ở Hải Phòng hiện nay.

Phương pháp quan sát

Nghiên cứu sinh quan sát cách thức sinh hoạt của người dân tại địa bàn nghiên cứu trong một thời gian nhất định, nhằm tìm hiểu về thói quen sinh hoạt, sự thích nghi lối sống mới: xây dựng nhà ở, tổ chức không gian sống, tổ chức không gian sinh kế và các mối quan hệ gia đình, xã hội để phần nào đánh giá được những tác động của chương trình xây dựng NTM đối với biến đổi xã hội của cộng đồng dân cư Hải Phòng trong bối cảnh mới, qua đó có thêm cơ sở cho những phân tích,

đánh giá phục vụ nghiên cứu của luận án.

Ngoài ra, trong quá trình nghiên cứu, tác giả sẽ sử dụng có hiệu quả các phương pháp thống kê, tổng hợp... để xác định được những cơ sở dữ liệu, nguồn thông tin có độ chính xác và tin cậy cao nhất.

Phương pháp điều tra xã hội học

Điều tra phỏng vấn được thực hiện ở cả hai hình thức là phỏng vấn sâu và điều tra bằng phiếu. Khảo sát định lượng được thu thập từ việc điều tra bằng bảng hỏi bao gồm các nhà lãnh đạo, quản lý HTCT các cấp của TP Hải Phòng và cộng đồng dân cư ở 7 huyện An Dương, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Kiến Thụy, Thủy Nguyên, Cát Hải và An Lão với 300 phiếu hỏi. Kết quả khảo sát được xử lý bằng chương trình SPSS 20.0. Các phép phân tích được dùng trong nghiên cứu là: Phân tích thống kê mô tả gồm có phép tính tần suất (%). Phân tích tương quan: được tiến hành dựa trên hệ số tương quan Cramer's V giữa các biến số để thấy được mối liên hệ giữa các biến số độc lập với các biến phụ thuộc. Khi kiểm định hệ số Cramer's V mà Approx Sig ≤ 0.05 thì mối tương quan giữa các biến được chấp nhận và có ý nghĩa thống kê.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

5.1. Ý nghĩa khoa học

Làm rõ thêm cơ sở lý thuyết cho việc nghiên cứu HTCT cấp xã ở NTM với tiếp cận chính trị học và liên ngành, góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận xây dựng đường lối đổi mới HTCT nói chung, HTCT xã NTM nói riêng; xác định đặc điểm NTM với những yêu cầu đặt ra để đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng tổ chức và hoạt động của HTCT cấp xã phục vụ xây dựng “Nông thôn mới kiểu mẫu”.

5.2. Ý nghĩa thực tiễn

Đánh giá một cách toàn diện hơn, cập nhật hơn về đặc điểm xã NTM hiện nay, về thực trạng tổ chức và hoạt động của HTCT ở xã NTM thành phố Hải Phòng và những yêu cầu đặt ra hiện nay.

Đề xuất một số giải pháp chủ yếu để xây dựng và nâng cao chất lượng tổ chức và hoạt động của HTCT cấp xã phục vụ xây dựng “Nông thôn mới kiểu mẫu” ở thành phố Hải Phòng.

Kết quả đạt được của luận án có thể làm tài liệu tham khảo cho các cơ sở nghiên cứu khoa học, các trường đào tạo trong nhóm ngành khoa học chính trị, khoa học xã hội và nhân văn.

Vận dụng các giải pháp vào thực tiễn góp phần xây dựng HTCT xã “Nông thôn mới kiểu mẫu”.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài các phần mở đầu, kết luận, mục lục, danh mục các công trình đã công bố của tác giả liên quan tới luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung chính của luận án sẽ được trình bày trong 4 chương sau:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan tới đề tài

Chương 2: Cơ sở lý luận về hệ thống chính trị xã nông thôn mới

Chương 3: Thực trạng hoạt động của hệ thống chính trị xã nông thôn mới ở thành phố Hải Phòng hiện nay

Chương 4: Một số giải pháp nâng cao chất lượng tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị xã nông thôn mới ở Hải Phòng hiện nay

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

Xây dựng NTM và HTCT xã NTM là những chủ đề được giới nghiên cứu trong nước và quốc tế đặc biệt quan tâm. Trong những năm qua đã có nhiều công trình nghiên cứu đến các vấn đề chung của nông nghiệp, nông thôn, nông dân và HTCT ở nông thôn. Mỗi công trình có một hướng tiếp cận nghiên cứu riêng. Những kết quả nghiên cứu hợp thành bức tranh đa dạng và phong phú về vấn đề phát triển nông nghiệp, nông thôn và vai trò của HTCT cấp xã đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM hiện nay.

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP XÃ

1.1.1. Tình hình nghiên cứu về hệ thống chính trị

Nghiên cứu về HTCT luôn là vấn đề được các nhà khoa học trong và ngoài nước quan tâm. Các công trình được công bố có giá trị cả về lý luận và thực tiễn. Để phục vụ nghiên cứu đề tài luận án, tác giả đã tiếp cận một số công trình sau:

Các tác giả nước ngoài

- Với các sách của Row E. (1974), *Modern Politics* (Chính trị hiện đại), London, Routledge and Kegan Paul; Tocqueville A. (1996), *Democracy in America* (Dân chủ ở Mỹ), ed. By J.P. Mayer, trans. By George Lawrence, New York: Harper & Row và các bài tạp chí của: Almond G. (1956), “Comparative Political System” (hệ thống chính trị so sánh), *The journal of Politics* (8), p.p. 12-15; Pye L. (1968), “Political Culture” (Văn hóa chính trị), *International Encyclopedia of the Social Sciences*, Vol. 12, London, Macmillan; Harrigan J.J. (1995), “Political Culture and Public opinion” (Chính trị Văn hóa và ý kiến cộng đồng), *Politics and the American future, Dilemmas of Democracy*, The Mc Graw - Hill Companies, Inc, p.p. 80-105; Sodaro M.J. (1995), “Political Culture and Political Psychology” (Văn hóa chính trị và chính trị tâm lý), *Comparative politics: A global Introduction*, The George Washington University, The Mc Graw - Hill Companies. Inc, Aimis Custom Publishing, p.p. 361-385.

- 02 công trình của Beresford và Riedel.M. Beresford and Dang Phong, 1998.

“Authority relations and economic decision-making in Vietnam”, NIAS, Denmark và Riedel, J and Turley, W.S.1998. The politics and economics of transition to an open market economy in Vietnam, OECD. Nội dung của hai công trình này xoay quanh sự tương tác của cơ chế ra quyết định chính sách và quá trình cải cách kinh tế của Việt nam trong thời kỳ Đổi mới. Các phân tích của các nghiên cứu về HTCT Việt Nam cũng chưa mang tính hệ thống, và còn ít tính đến các điều kiện lịch sử, văn hóa và đặc thù của HTCT nước ta.

- Nghiên cứu của Information Office of the State Council of the People's Republic of China (2007) với tiêu đề “*Hệ thống chính trị Trung Quốc*” cung cấp cái nhìn tổng thể về mô hình thể chế chính trị Trung Quốc, mà ở đó Đảng Cộng sản Trung Quốc đóng vai trò đảng cầm quyền.

- Nghiên cứu về cách thức kiểm soát quyền lực trong Đảng của Gong.T (2008): *The party discipline inspection in China: Its evolving trajectory and embedded dilemmas* (Công tác kiểm tra kỷ luật đảng ở Trung Quốc: Vòng xoáy và sự tiến thoái lưỡng nan).

Các nghiên cứu trên về những thể chế chính trị mang bản sắc riêng, với sự dẫn dắt của các chủ thuyết khác nhau và bị chế định bởi bản sắc văn hóa, truyền thống chính trị dân tộc. Việc nghiên cứu HTCT các nước tập trung theo hướng xây dựng những lý thuyết về sự phát triển và các khuynh hướng trong lý luận so sánh các HTCT, khác với Việt Nam về mặt ý thức hệ, song có những điều có thể tham khảo được cho đổi mới bộ máy Đảng, chính quyền cơ sở ở nông thôn, vừa cung cấp một số thông tin, vừa giúp tác giả bổ sung tri thức và tầm nhìn rộng hơn, sâu hơn về thiết chế, thể chế, quan hệ, tính hệ thống, các yếu tố tác động đến tổ chức và thực thi quyền lực ở nước ta hiện nay.

Các tác giả trong nước

Vấn đề HTCT được đông đảo các nhà khoa học trong nước nghiên cứu với nhiều công trình phong phú, dưới nhiều góc độ khác nhau, cụ thể như:

- Nguyễn Đức Bình và tập thể tác giả (1999), *Đổi mới và tăng cường hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới* làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về HTCT: khái niệm, những bộ phận hợp thành, đặc trưng phổ biến và sự

thể hiện của nó trong thời kỳ quá độ ở nước ta, các nguyên tắc tổ chức và vận hành của hệ thống đó, cần những nhà lãnh đạo chính trị với tư chất và bản lĩnh như thế nào?, giải pháp đổi mới HTCT vì mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

- Nguyễn Văn Huyền (chủ biên) (2010), *Đảng cộng sản cầm quyền - nội dung, phương thức cầm quyền của đảng*, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng là một nguyên tắc hoạt động cơ bản, là trụ cột cơ chế vận hành của cả HTCT, là điều kiện đảm bảo quyền lực chính trị thuộc về nhân dân. Nội dung, phương thức cầm quyền, phạm vi quyền lực của Đảng để không trái với nguyên tắc pháp quyền và không đi ngược với quyền tự do, dân chủ của nhân dân... yêu cầu đổi mới, nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân.

- Nguyễn Đăng Thành, Vũ Hoàng Công, Nguyễn An Ninh (đồng chủ biên) (2017), *Đổi mới bộ máy của Đảng, bộ máy của nhà nước trong điều kiện mới*, khẳng định hoạt động lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước là nhân tố quan trọng hàng đầu tạo nên những thành tựu của công cuộc phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Cuốn sách là kết quả nghiên cứu của tập thể tác giả tiến hành từ năm 2011 - 2015, làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của đổi mới bộ máy Đảng, bộ máy Nhà nước trong điều kiện mới, thực trạng bộ máy Đảng, bộ máy nhà nước ở Việt Nam - Những vấn đề cần tiếp tục đổi mới, một số giải pháp tiếp tục đổi mới bộ máy Đảng, bộ máy Nhà nước trong điều kiện mới.

- Tô Huy Rúa (2012), *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng vì công cuộc đổi mới*. Cuốn sách đã tập hợp các bài nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn của tác giả, từ những vấn đề lý luận chung đến phân tích các vấn đề cụ thể, đặc biệt trong bối cảnh Đảng ta đang đẩy mạnh việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI “ Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”.

- Ba Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp quốc gia “*Đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay*”, “*Mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị qua 30 năm đổi mới ở Việt Nam: Một số vấn đề phương pháp luận*” và “*Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa qua 30 năm đổi mới ở nước ta*”, do Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức tại Hà Nội năm 2013.

Các công trình nghiên cứu kể trên đã đi sâu nghiên cứu việc thực hiện sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền, nội dung, phương thức cầm quyền và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, gắn với với việc tăng cường củng cố, hoàn thiện HTCT ở cơ sở. Các tác giả cũng đã chỉ ra phương hướng và giải pháp nhất định nhằm bảo đảm thực hiện sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước cho phù hợp. Đó là những tư liệu quý để tác giả tham khảo, phát triển, bổ sung phục vụ cho đề tài nghiên cứu luận án của mình. Tuy nhiên, các đề tài này mới chỉ đưa ra ở cấp Trung ương, cấp tỉnh, chưa đề cập cụ thể, chi tiết về nội dung, phương thức cầm quyền của Đảng đối với chính quyền cấp xã.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu về hệ thống chính trị cấp xã ở nông thôn

Các tác giả trong nước

- Công trình “Cộng đồng làng xã Việt Nam hiện nay” của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh do Nguyễn Văn Sáu và Hồ Văn Thông chủ biên là công trình nghiên cứu về nông dân, nông nghiệp, nông thôn trong sự nghiệp đổi mới đất nước khá sớm (năm 2001). Những kết quả nghiên cứu chứa đựng nhiều giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc, toàn diện về khu vực nông thôn sau 15 năm đổi mới:

Thứ nhất, các tác giả đã tập trung nghiên cứu, luận giải về đặc điểm của làng xã Việt Nam, đó là những đơn vị quần cư sinh sống của một cộng đồng nông dân vốn được hình thành trên cơ sở một thị tộc đã phát triển. Nhiều làng tập hợp thành một xã. Xã là đơn vị hành chính mà chính quyền trung ương đặt ra để quản lý. Như thế, làng xã là đơn vị cơ sở của thiết chế chính trị nông thôn. Đa số những người trong làng thường có quan hệ huyết thống. Quan hệ giữa các thành viên trong làng được quy định bằng những giá trị truyền thống. Vì thế, đời sống cộng đồng làng xã vừa mang tính pháp lý (do những quy định của giai cấp thống trị xã hội), vừa mang nặng quan hệ tình nghĩa với nhau (lệ làng). Hiện nay, làng xã Việt Nam đã có nhiều thay đổi, đó là những thay đổi căn bản về cơ cấu kinh tế, đời sống được nâng cao, thiết chế tổ chức cộng đồng được củng cố, trình độ dân trí được nâng lên, nông dân ngày càng ý thức hơn về vai trò làm chủ của mình...

Thứ hai, các tác giả đã khẳng định vai trò của HTCT cấp xã trong việc phát

triển kinh tế - xã hội và xây dựng đời sống cộng đồng, phát huy dân chủ, nâng cao đời sống nhân dân, đảm bảo an sinh và trật tự an toàn xã hội.

Thứ ba, công trình đã đánh giá thực trạng của các tổ chức đảng, chính quyền cấp xã và đưa ra một số mô hình có tính đại diện một số xã trong cả nước, đồng thời đề xuất một số giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động của các tổ chức trên nhằm đáp ứng yêu cầu mới trong xây dựng nông thôn.

Thứ tư, công trình đã khẳng định nhu cầu dân chủ ở cơ sở, sự cần thiết phải xây dựng Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Thứ năm, từ tổng kết, phân tích mô hình thực tiễn tác giả đã khẳng định việc hoàn thiện HTCT cấp xã - khâu then chốt để tổ chức tốt đời sống cộng đồng ở làng xã Việt Nam hiện nay.

- Vũ Hoàng Công (2002), *Hệ thống chính trị cơ sở - Đặc điểm, xu hướng và giải pháp*, nêu lên những vấn đề cơ bản của HTCT Việt Nam nói chung, HTCT cơ sở (cấp xã) nói riêng; từ đó rút ra những đặc điểm, những vấn đề bức xúc và kiến nghị những giải pháp cơ bản trong việc củng cố, nâng cao hiệu quả của HTCT cấp cơ sở.

- Trần Nho Thìn (2000), *Đổi mới tổ chức và hoạt động của uỷ ban nhân dân xã*. Công trình này đã khái quát những vấn đề chung nhất về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của UBND xã trong hệ thống cơ quan Nhà nước; phân tích so sánh địa vị pháp lí của UBND xã theo pháp luật hiện hành, nêu ý kiến hoàn thiện sự điều chỉnh của pháp luật, phương hướng đổi mới cơ cấu tổ chức của UBND xã; phân tích các yếu tố xã hội, phong tục tập quán và kinh nghiệm tổ chức quản lí làng xã trong lịch sử; đặc điểm của đội ngũ cán bộ xã. Từ đó xác định phương hướng, nội dung và những giải pháp đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của UBND xã trong điều kiện cải cách nền hành chính quốc gia.

- Công trình của Hoàng Chí Bảo, chủ biên (2004), *hệ thống chính trị ở cơ sở nông thôn nước ta hiện nay* có giá trị sâu sắc cả lý luận và thực tiễn, gắn sát với đề tài luận án. Nghiên cứu của tác giả tập trung luận giải về khái niệm, đặc điểm, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động, mối quan hệ, các yếu tố tác động... HTCT cấp xã; chỉ ra thực trạng HTCT cấp xã và đề xuất một số giả

pháp nhằm nâng cao chất lượng HTCT cấp xã ở nước ta hiện nay. Những kết quả nghiên cứu được thực hiện vào những năm đầu thế kỷ 21, khi Quy chế dân chủ cơ sở vừa ban hành, có ý nghĩa cung cấp luận cứ để Trung ương ban hành nghị quyết Trung ương 5.

- Bộ Nội vụ - Viện nghiên cứu khoa học tổ chức nhà nước (2004), *Hệ thống chính trị cơ sở - thực trạng và một số giải pháp đổi mới*, cung cấp tư liệu và những luận cứ khoa học - thực tiễn về HTCT cơ sở theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5, khóa IX, làm rõ khái niệm, đặc điểm, vị trí, vai trò, bộ phận hợp thành, xu hướng biến đổi của HTCT cơ sở, thực trạng HTCT cơ sở, giải pháp đổi mới và nâng cao chất lượng của HTCT cơ sở.

- Nguyễn Văn Sáu, Hồ Văn Thông, chủ biên (2005), *Thế chế dân chủ và phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam* đã phân tích các vấn đề từ quan điểm lý luận đến lịch sử và thực tiễn, đồng thời cũng đưa ra một số phương hướng và giải pháp chủ yếu nhằm tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng HTCT cấp xã nước ta hiện nay.

- Nguyễn Đăng Dung (2007), *Bàn về cải cách chính quyền nhà nước ở địa phương*, Hà Quang Ngọc (2005), *Cải cách cơ cấu tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương* đã bàn khá cụ thể về vấn đề này ở cấp địa phương bao hàm cả tỉnh và huyện.

- Dương Bạch Long (2011), *Chính quyền cấp xã và việc tổ chức, điều hành hoạt động của UBND cấp xã*. Tác phẩm đã giới thiệu chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, chế độ làm việc và các kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành của UBND cấp xã.

- Võ Hoàng Anh (2004), *Tổ chức và hoạt động của Chính quyền xã ở các tỉnh Nam Bộ - Thực trạng và một số giải pháp trong giai đoạn hiện nay*, Đề tài khoa học cấp bộ. Đề tài đề cập đến một số vấn đề mang tính lý luận về tổ chức và hoạt động của chính quyền xã, các đặc điểm về kinh tế - xã hội, tập trung phân tích thực trạng về tổ chức và hoạt động của chính quyền xã ở các tỉnh Nam Bộ; đi sâu vào thực tiễn công tác quản lý nhà nước, cải cách hành chính, về phát huy quyền dân chủ cơ sở trên địa bàn xã ở 18 tỉnh Nam Bộ, trên cơ sở đó đã phác họa được những nét cơ bản về tình hình tổ chức và hoạt động của chính quyền xã ở các tỉnh Nam Bộ

hiện nay. Đề tài đã đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với chính quyền xã ở các tỉnh Nam Bộ.

- Nguyễn Minh Phương, chủ biên (2015), *Quản lý phát triển xã hội của chính quyền cơ sở một số nước trên thế giới*, cung cấp luận cứ khoa học hoàn thiện tổ chức và chức năng, nhiệm vụ phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội của chính quyền cơ sở, từ bài học kinh nghiệm được rút ra trong nghiên cứu mô hình tổ chức, hoạt động và nhiệm vụ phát triển, quản lý phát triển xã hội của chính quyền cơ sở một số nước trên thế giới. Đây là một phần kết quả nghiên cứu của đề tài cấp nhà nước “Chính quyền xã với quản lý phát triển xã hội ở nước ta hiện nay” thuộc Chương trình Khoa học và công nghệ cấp nhà nước KX.02/11-15 “Nghiên cứu khoa học phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam đến năm 2020”.

Các công trình nghiên cứu trên đây đã từng bước làm sáng tỏ những vấn đề về HTCT, vấn đề xây dựng HTCT nông thôn của các giai đoạn lịch sử, đặc biệt là trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước. Tuy nhiên, vẫn chưa có đề tài nào đề cập đến HTCT cấp xã trong việc phục vụ xây dựng NTM tiếp tục phát triển sau khi đã hoàn thành các tiêu chí, được công nhận xã đạt chuẩn NTM.

Các tác giả nước ngoài

- Vương Tề Ngạn - Trung tâm nghiên cứu chính sách, Bộ Dân chính Trung Quốc, *Thúc đẩy xây dựng chính trị dân chủ cơ sở nông thôn, thực hiện quản lý của chính quyền cơ sở và tự trị của quần chúng thúc đẩy lẫn nhau một cách tích cực*. Bài viết đưa ra một bức tranh về quan hệ xã, thôn, thực hiện quản lý của chính quyền và sự tự trị của nông dân, tạo nên sự thúc đẩy tích cực trong xây dựng nông thôn, từ đó phát huy tính tích cực của nông dân trong hình thức nông dân tự quản...

- Về cải tổ cơ cấu bộ máy địa phương và thể chế địa phương, nhiều nghiên cứu đã cung cấp cái nhìn tổng quan về mô hình bộ máy chính quyền địa phương, quá trình tinh giản hóa bộ máy quản lý, các đợt tiến hành phân quyền địa phương, mà điểm cốt lõi là xây dựng một cơ cấu gọn nhẹ và đảm bảo năng lực quản lý thông suốt từ Chính phủ đến người dân (Chu Bình (2010): *Chính quyền địa phương Trung Quốc đương đại*).

- Từ cải cách cơ cấu, kéo theo nó là biến đổi các chức năng, chuyển từ một chính quyền đề cao các chức năng chuyên chính sang chính quyền tổ chức *cung ứng dịch vụ công* cho người dân ở các khu vực địa phương, đảm bảo phúc lợi xã hội, phát triển xã hội hài hòa, xử lý các xung đột nảy sinh tại địa phương trong quá trình cải cách (Diệp Khắc Lâm, Hầu Tương Bằng (2011): *Tổng luận chuyển biến chức năng và cải cách cơ cấu chính quyền địa phương Trung Quốc*).

- Một đặc sắc trong cải cách bộ máy chính quyền địa phương ở Trung Quốc là tăng cường quyền cho các *khu vực tự trị*, giải quyết hợp lý hơn mối quan hệ giữa chính quyền khu tự trị và chính quyền Trung ương, theo đó là thiết kế một bộ máy chính quyền đủ năng lực thực thi các *quyền tự trị dân tộc* mà Hiến pháp trao cho đối với các khu vực như Tây Tạng, Tân Cương, Hồi Ninh Hạ, Nội Mông, dân tộc Choang Quảng Tây (Hồ Hiến Bằng (2011): *Nghiên cứu chính quyền địa phương dân tộc tự trị*).

Các vấn đề cải tổ cơ cấu chính quyền cấp huyện và mối quan hệ của nó với cấp hương cũng được đề cập trong nhiều nghiên cứu của các học giả Trung quốc, gắn với quá trình phát huy các điều lệ dân chủ ở cơ sở, các thể lệ chuyển đổi mô hình kinh tế ở cơ sở.

Kinh nghiệm của Trung Quốc về đổi mới bộ máy đảng, bộ máy nhà nước, giải quyết mối quan hệ đảng - chính quyền gắn với tăng cường năng lực cầm quyền của Đảng, rất đáng tham khảo cho trường hợp Việt Nam .

1.2. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÀ PHÁT TRIỂN KHU VỰC NÔNG THÔN

1.2.1. Những công trình nghiên cứu nước ngoài

Trong những năm gần đây các công trình nghiên cứu của nước ngoài về nông dân khá ít, tại các nước có nền kinh tế phát triển như Mỹ, Nhật, Pháp... đã trải qua thời kỳ CNH, HĐH nông nghiệp, tỷ trọng lao động trong nông nghiệp giảm nhanh, nhường chỗ cho công nghiệp và dịch vụ (hiện nay nông dân Mỹ chiếm hơn 0,7% dân số; nông dân Nhật Bản chiếm 7,4%;...), nông dân có nhiều đất đai, hầu hết có mức sống cao với nhiều triệu phú là nông dân. Các nghiên cứu về nông dân tập trung vào bảo hộ sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ nông dân, xây dựng và cải thiện nền dân chủ.

- Đáng chú ý là nghiên cứu của tác giả David Colman và Trevor Youg (1994), *Nguyên lý kinh tế nông nghiệp - thị trường và giá cả trong các nước đang phát triển* đã phân tích nhiều nội dung liên quan đến phát triển nông nghiệp hàng hoá gắn với phúc lợi của nông dân ở các nước đang phát triển. Điểm nổi bật của tác phẩm là xem xét sự liên hệ, tác động tương quan giữa các chính sách đến thương mại nông sản trong điều kiện nền nông nghiệp hàng hoá. Nhiều nội dung cuốn sách đã nêu cách thức lượng hoá để xác định sự ảnh hưởng của các chính sách, phương pháp quản lý đến phát triển nông nghiệp và thương mại nông sản. Những nội dung của cuốn sách đã cung cấp nhiều thông tin bổ ích cho việc nghiên cứu giải quyết những vấn đề phát triển nông nghiệp, nâng cao đời sống nhân dân của các nước đang phát triển.

- Tác giả Frans Ellits (1994), với nghiên cứu *Chính sách nông nghiệp trong các nước đang phát triển* đã nêu lên những vấn đề cơ bản của chính sách nông nghiệp ở các nước đang phát triển thông qua việc nghiên cứu lý thuyết và khảo cứu thực tiễn ở nhiều nước Châu Á, Châu Phi và Châu Mỹ La Tinh. Cuốn sách đã đề cập những vấn đề về chính sách phát triển vùng, hỗ trợ đầu vào, đầu ra cho sản xuất nông nghiệp, chính sách thương mại nông sản và những vấn đề phát sinh trong quá trình đô thị hoá. Điều đặc biệt cần lưu ý là công trình này đã xem xét nền nông nghiệp của các nước đang phát triển trong quá trình chuyển sang sản xuất hàng hoá gắn liền với thương mại nông sản trên thế giới, đồng thời cũng nêu lên những mô hình thành công và thất bại trong việc phát triển nông nghiệp, nông thôn và giải quyết vấn đề nông dân.

- Harry T.O Shima với *Tăng trưởng kinh tế Châu Á gió mùa* đã luận giải có sức thuyết phục về vai trò của nền nông nghiệp lúa nước và văn minh cầm đũa của các nước Châu Á trong quá trình công nghiệp hoá, con đường phát triển nông nghiệp và nông thôn, các chính sách mà các quốc gia Châu Á áp dụng có nhiều gợi mở về mặt lý luận và thực tiễn mà người nghiên cứu đề tài này quan tâm.

- Kanamori H. (1994) trong cuốn sách *Thành công của Nhật Bản* đề cập kinh nghiệm giải quyết thành công của Nhật Bản trong các lĩnh vực, trong đó có nông nghiệp nông thôn; Nguy Kiệt - Hà Diệu trong cuốn sách *Bí quyết cất cánh của bốn*

con rồng nhỏ (1993) phân tích của bốn con rồng châu Á; Lý Thành, (chủ biên) *40 năm kinh nghiệm Đài Loan...* cũng đặt ra nhiều gợi mở về lý luận cho việc nghiên cứu vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân của Việt Nam.

- Tập thể tác giả Benedict J. Kerkvliet, James Scott *Một số vấn đề về nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở các nước và Việt Nam*, Nguyễn Ngọc và Đỗ Đức Định sưu tầm và giới thiệu (2000). Trong cuốn sách này, các tác giả đã nghiên cứu về vai trò và đặc điểm của nông dân, thiết chế nông thôn ở một số nước trên thế giới. Đặc biệt lưu ý là những kết quả nghiên cứu của cuốn sách về làng truyền thống ở Việt Nam; quan hệ làng xóm - Nhà nước ở nước ta trong quá trình Đổi mới. Điều này có giá trị tham khảo cho việc giải quyết những vấn đề của chính sách phát triển nông thôn nước ta hiện nay.

Nhìn chung việc nghiên cứu của thế giới về nông dân và những vấn đề liên quan đến vai trò chính trị của nông dân, đặc biệt là ở châu Âu được bắt đầu từ rất sớm, có nhiều nội dung mang ý nghĩa tham khảo

Trung Quốc và Việt Nam là hai quốc gia có nhiều điểm tương đồng trên tất cả các lĩnh vực. Do đó, tìm hiểu kinh nghiệm, tham khảo những kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học, các học giả Trung Quốc là hết sức cần thiết và có ý nghĩa thiết thực.

- Hội thảo lý luận lần thứ tư giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc (tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, tháng 11/2008) về chủ đề: “*Những vấn đề lý luận và thực tiễn về nông nghiệp, nông dân, nông thôn - Kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc*”, Ban Tuyên giáo Trung ương đã tổ chức xuất bản cuốn “*Vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn - Kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc*”. Ngoài hai bài phát biểu đại diện Việt Nam và Trung Quốc, quyển sách gồm 28 bài nghiên cứu về nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam, Trung Quốc. Các tác giả đã chỉ ra ở Trung Quốc, trong tiến trình CNH, tình trạng biểu tình, khiếu kiện, phản đối việc lấy đất nông nghiệp... có xu hướng gia tăng. Tình hình chính trị nóng bỏng đó đặt ra vấn đề “nông thôn, nông nghiệp, nông dân” lên thành trung tâm nghị sự của toàn đảng, toàn dân. Trung Quốc đề ra khẩu hiệu “lấy nông thôn làm trọng điểm”, “xây dựng nông thôn xã hội chủ

nghĩa”, “người dân là số một”, khẳng định vị thế chính trị của nông dân nói riêng và người dân nói chung. Dựa trên quan điểm chính trị mới, các chính sách được ban hành nhằm phát triển kinh tế nông thôn và nông nghiệp, tăng thu nhập cho nông dân, chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn, thị trường hóa kinh doanh lương thực. Bên cạnh đó, Trung Quốc còn tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng, ban hành Luật sở hữu mới, Quỹ xóa đói giảm nghèo, trợ cấp trực tiếp cho nông dân, bỏ thuế. Cuối năm 2005, Trung Quốc ban hành kế hoạch phát triển NTM. Qua đó đã làm rõ hơn phương hướng, chiến lược nông nghiệp, nông dân, nông thôn nhằm nâng cao đời sống của nông dân.

- Trần Văn Tích - Văn phòng Tiểu ban lãnh đạo công tác nông thôn Trung ương Trung Quốc, *Giải phóng tư tưởng, đi sâu cải cách hơn nữa, thúc đẩy nông nghiệp phát triển ổn định, nông dân tăng thu nhập liên tục* đã nêu bật những thành tựu và kinh nghiệm cơ bản cải cách nông thôn Trung Quốc. Trong đó chú trọng làm tốt công tác tư tưởng, đảm bảo lợi ích, tôn trọng và phát huy tinh thần sáng tạo của nông dân...

- Chu Hòa Bình - Bộ Văn hóa Trung Quốc, *Tăng cường xây dựng văn hóa nông thôn, nâng cao trình độ văn hóa của nông dân, đóng góp cho xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa* đã đề cao vai trò của văn hóa đối với phát triển kinh tế - xã hội nói chung và nông thôn nói riêng. Việc nâng cao trình độ văn hóa cho nông dân là nhiệm vụ quan trọng, là nhân tố con người trong xây dựng NTM...

Các nước Nhật Bản, Malaysia, Hàn Quốc, Thái Lan đều là những quốc gia có quá trình phát triển nông nghiệp với những thành tựu rực rỡ, rất đáng nghiên cứu, chia sẻ.

- Tưởng Kiến Trung (2009), *Nguồn gốc, những kinh nghiệm quý báu và ý nghĩa của phong trào xây dựng nông thôn mới ở Hàn Quốc*; Hàn Quốc là quốc gia tiến hành CNH bắt đầu từ thập niên 60 của thế kỷ XX, với mục tiêu chính trị là phải nắm bắt được khu vực nông thôn, nông dân. Phong trào “làng mới” phát triển thành công, nông dân làm quen với cách làm việc tập thể thì hợp tác xã phát triển mạnh mẽ và trở thành người bạn đồng hành gắn bó, không thể thiếu được của nông dân, giúp cho nông dân thay đổi căn bản về tư duy, cách làm nông nghiệp. Đặc biệt, Hàn

Quốc đã thành lập Ủy ban Trung ương phát triển nông thôn do Tổng thống trực tiếp chỉ đạo. Nhà nước đầu tư vốn phát triển “làng mới”, thành lập các trung tâm đào tạo cán bộ quản lý, khoa học kỹ thuật, được ủy ban mời họp bàn về các chương trình phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn... Nhờ những chính sách này mà Hàn Quốc đã đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế nông nghiệp, nông thôn cao ở Đông Bắc Á.

- Ở Thái Lan, vấn đề phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn có liên quan chặt chẽ đến sự ổn định chính trị của nước này. Là nước có nền nông nghiệp phát triển ở Đông Nam Á, Thái Lan có nhiều chính sách cho nông dân, tùy thuộc vào quan điểm chính trị của chính quyền trung ương. Chính phủ của thủ tướng Thạc Xin và sau này là em gái ông đã ban hành nhiều chính sách xóa đói, giảm nghèo và phát triển nông thôn nên đã tranh thủ được sự ủng hộ của đông đảo nông dân trên cả nước. Hai cuộc đảo chính diễn ra với sự ủng hộ của các tầng lớp thị dân và doanh nhân đã làm thay đổi chính quyền, nhưng không đảo ngược được xu thế của đông đảo cử tri nông dân, nông thôn ủng hộ các lực lượng chính trị đứng về phe của gia đình Thủ tướng Thạc Xin.

- Ở Nhật Bản, tỷ lệ dân nông thôn còn rất ít, chiếm <5% dân số nhưng vai trò của cử tri nông dân vẫn được bảo đảm theo địa bàn bầu cử, cho phép 01 lá phiếu bầu của nông dân có giá trị bằng 03 phiếu bầu ở thành thị trong bầu cử Hạ viện; bằng 06 lá phiếu bầu trong bầu cử Thượng viện. Do đó những quyết định quan trọng về chính sách cho nông thôn đều không thể coi nhẹ quyền lợi của cư dân nông thôn. Đây chính là lý do vì sao quốc gia này có chính sách rất cứng rắn trong vấn đề liên quan đến tự do hóa thương mại trong nông nghiệp.

- *Malaysia*, Ibrahim Ngah - Đại học Công nghệ Malaysia 2011, Kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới ở Malaysia (Hội thảo về xây dựng nông thôn mới tại Hà Nội tháng 10/2011) cho biết Chính phủ nước này xác định nông dân là nền tảng phát triển quốc gia, cơ sở để phát triển nông thôn là phát triển vốn xã hội (giáo dục, sức khỏe), tăng cường quản trị cấp địa phương, đầu tư nghiên cứu và khuyến nông, cung cấp các thể chế hỗ trợ như giao thông, tài chính... Đặc biệt, phát triển nông thôn luôn được coi là chương trình nghị sự quan trọng của

Malaysia. Rất nhiều nỗ lực và nguồn lực đã được đầu tư để cải thiện phúc lợi của người dân nông thôn, bao gồm phát triển cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất. Kinh nghiệm của Malaysia đã chỉ ra rằng, các phương pháp tiếp cận và việc xây dựng các mô hình phát triển nông thôn cần được triển khai đặc thù theo địa phương với thời gian phụ thuộc vào tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, nguồn lực tài chính... của mỗi địa phương.

Những công trình trên cho phép rút ra một số vấn đề cần quan tâm trong nghiên cứu xây dựng NTM ở Việt Nam hiện nay là:

Thứ nhất, nhà nước phải có nhận thức đầy đủ, đúng đắn về vai trò của nông dân, nông nghiệp, nông thôn trong quá trình cải cách, phát triển đất nước. Phát triển khu vực nông thôn là chỗ dựa cho các cải cách tới đích nhanh chóng và thắng lợi;

Thứ hai, bất kỳ ở giai đoạn nào của quá trình phát triển đất nước, coi trọng nông dân, phát huy tính tích cực chính trị của nông dân là yêu cầu khách quan và cấp thiết. Khi nhà nước có chính sách phát triển nông dân, nông nghiệp đúng đắn sẽ góp phần quan trọng ổn định chính trị, đảm bảo an ninh lương thực, phát triển kinh tế hợp lý, bền vững;

Thứ ba, mặc dù quá trình CNH, đô thị hóa làm cho tỷ lệ nông dân trong cơ cấu dân số ngày càng giảm, cơ cấu kinh tế nông nghiệp thay đổi nhưng địa vị chính trị của nông dân ngày càng được củng cố, nâng cao;

Thứ tư, dưới tác động của CNH, nông dân, nông nghiệp nông thôn đã phát triển, có những thay đổi về chất trên tất cả các mặt, từ nhận thức, tư duy đến cách thức sản xuất, thói quen, lối sống... đặt ra những yêu cầu mới đối với trách nhiệm, phương thức quản lý cũng như những chính sách thích hợp của các cấp chính quyền nhà nước từ trung ương đến địa phương;

Thứ năm, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội ở khu vực NTM nhất thiết phải cải cách để đáp ứng những đòi hỏi mới, đồng thời cũng là nhu cầu tự thân của chính tổ chức đó trong quá trình tồn tại, phát triển.

Bên cạnh đó, những khác biệt về quan điểm chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, truyền thống cho thấy những yếu tố tác động có ý nghĩa rất lớn trong sự phát triển của mỗi quốc gia, tạo nên sự khác biệt, nét đặc thù của các quá trình chính trị

nói chung, các quá trình chính trị của khu vực nông thôn, nông nghiệp, nông dân nói riêng.

1.2.2. Những công trình nghiên cứu trong nước

Không nằm ngoài xu hướng nghiên cứu nông nghiệp, nông thôn trên thế giới, ở Việt Nam trong những thập kỷ gần đây, đặc biệt từ khi đất nước thực hiện công cuộc đổi mới, việc nghiên cứu nông nghiệp, nông thôn từ truyền thống đến hiện đại của các học giả trong nước có bước phát triển vượt bậc. Đối tượng nghiên cứu là toàn bộ đời sống nông thôn trên bình diện cả nước, từng vùng miền hoặc từng địa bàn cụ thể, bao gồm cả những nghiên cứu có tính tổng hợp, cả những nghiên cứu có tính chuyên biệt, trong đó, vấn đề xây dựng NTM là một nội dung trọng tâm, thu hút sự quan tâm đặc biệt của giới nghiên cứu cũng như các nhà quản lý, phát triển nông nghiệp, nông thôn hiện nay. Chúng ta có thể phân ra thành các chủ đề nghiên cứu về nông nghiệp, nông thôn như sau:

Thứ nhất, nhóm nghiên cứu về kinh nghiệm phát triển nông nghiệp, nông thôn của các quốc gia trên thế giới

- Nguyễn Kim Bảo, chủ biên (2004), *Gia nhập WTO, Trung Quốc làm gì? được gì?* đã phân tích, đánh giá về những kinh nghiệm của Trung Quốc, những kết quả bước đầu cũng như những vấn đề đặt ra cần được giải quyết về phát triển kinh tế - xã hội nói chung và phát triển nông nghiệp, nông thôn nói riêng, đưa ra những kinh nghiệm có giá trị tham khảo cho Việt Nam. Đặc biệt, tác giả chỉ ra những thách thức, những khó khăn trong phát triển kinh tế, phát triển nông nghiệp trước và sau khi Trung Quốc gia nhập tổ chức thương mại thế giới.

- Các tác giả Nguyễn Thế Nhã và Hoàng Văn Hoan (1995), *Vai trò của Nhà nước trong phát triển nông nghiệp của Thái Lan*, đã đi sâu phân tích quá trình hoạch định và chỉ đạo thực hiện chính sách nông nghiệp của Thái Lan từng thời kỳ. Trong đó một số nội dung được các tác giả đề cập có giá trị tham khảo rất tốt cho Việt Nam như chính sách phát triển các hợp tác xã nông nghiệp, chính sách xuất khẩu nông sản, chính sách tín dụng và đặc biệt là những chính sách liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế của ngành nông nghiệp.

- Mai Ngọc Cường, chủ biên (2006) *Chính sách xã hội nông thôn - kinh*

nghiệm Cộng hoà Liên bang Đức và thực tiễn Việt Nam, đã làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến phương pháp luận xây dựng chính sách xã hội nông thôn Việt Nam trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm của Cộng hoà Liên bang Đức. Từ thực trạng Việt Nam kết hợp với kinh nghiệm Cộng hoà Liên bang Đức, đưa ra những khuyến nghị bước đầu xây dựng chính sách về việc làm, xoá đói giảm nghèo, an sinh xã hội, các chính sách cung cấp dịch vụ xã hội cơ bản trong nông thôn Việt Nam những năm tới.

- Đỗ Tiến Sâm, chủ biên (2008), *Vấn đề tam nông ở Trung Quốc thực trạng và giải pháp* đã làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực trạng liên quan đến phương pháp luận xây dựng chính sách tam nông (nông thôn, nông nghiệp, nông dân) của Trung Quốc. Tam nông và vấn đề tam nông ở Trung Quốc đã và đang được nghiên cứu nhiều ở Trung Quốc và nước ngoài nhưng lại chưa được tìm hiểu nhiều ở Việt Nam.

Thứ hai, nhóm nghiên cứu chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

- Phạm Xuân Nam (chủ biên) xuất bản năm 1997, *Phát triển nông thôn* là một công trình nghiên cứu chuyên sâu về phát triển nông thôn. Trong công trình này, tác giả đã phân tích khá sâu sắc một số nội dung về phát triển kinh tế - xã hội nông thôn nước ta như dân số, lao động, việc làm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế; vấn đề sử dụng và quản lý nguồn lực tài nguyên thiên nhiên; vấn đề phân tầng xã hội và xoá đói giảm nghèo... Trong khi phân tích những thành tựu, yếu kém và thách thức đặt ra trong phát triển nông nghiệp, nông thôn, công trình chỉ ra yêu cầu hoàn thiện hệ thống chính sách và cách thức chỉ đạo của Nhà nước trong quá trình phát triển nông thôn nước ta.

- Công trình của Nguyễn Sinh Cúc (2003), *Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam thời kỳ đổi mới*. Đây là công trình nghiên cứu dài hơi rất công phu của tác giả bởi ngoài những phân tích có tính thuyết phục về quá trình đổi mới nông nghiệp Việt Nam sau gần 20 năm, công trình còn cung cấp hệ thống tư liệu về phát triển nông nghiệp, nông thôn nước ta như là một Niên giám thống kê nông nghiệp thu nhỏ. Công trình đã luận giải rõ quá trình đổi mới, hoàn thiện chính sách nông nghiệp, nông thôn nước ta trong những năm đổi mới, những thành tựu và những vấn đề đặt

ra trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn của nước ta. Những gợi mở về những vấn đề cần giải quyết của phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam như vấn đề đầu tư, phân hoá giàu nghèo, nâng cao khả năng cạnh tranh, xuất khẩu nông sản... đã được tác giả phân tích với nhiều luận cứ có tính thuyết phục.

- Nguyễn Văn Bích và Chu Tiến Quang (1996) với *Chính sách kinh tế và vai trò của nó đối với phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam* đã luận giải nhiều nội dung liên quan đến chủ đề nghiên cứu như khái niệm về chính sách, các nội dung của chính sách kinh tế và quá trình thay đổi chính sách nông nghiệp Việt Nam trong mười năm đổi mới và những tác động của chúng.

- Lê Đình Thắng, chủ biên (1998), *Chính sách nông nghiệp, nông thôn sau Nghị quyết X của Bộ Chính trị* đã đề cập nhiều nội dung quan trọng liên quan đến chủ đề nghiên cứu như phân tích quá trình phát triển nông nghiệp của Việt Nam dưới sự tác động của hệ thống chính sách, đi sâu phân tích một số chính sách cụ thể như chính sách đất đai, chính sách phân phối trong phát triển nông nghiệp nông thôn nước ta.

Thứ ba, nhóm nghiên cứu chung về nông nghiệp nông thôn

Trong thời gian qua một số nhà nghiên cứu và chỉ đạo thực tiễn ở nước ta đã có những công trình nghiên cứu công phu và có giá trị.

- Nghiên cứu của Hoàng Bá Thịnh (2008) với *Công nghiệp hoá và những biến đổi đời sống gia đình nông thôn Việt Nam (Nghiên cứu trường hợp xã Ái Quốc, Nam Sách - Hải Dương)* cho rằng trong quá trình công nghiệp hoá, việc co hẹp diện tích đất nông nghiệp để xây nhà máy và các công trình dịch vụ khác là điều tất yếu. Giảm bớt đất canh tác của nông dân, thay đổi cơ cấu lao động ở nông thôn, chuyển lao động thuần nông sang lao động khác tạo ra nhiều giá trị sản phẩm và giá trị gia tăng hơn, giảm tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế... là những việc cần làm. Tuy nhiên, việc thu hẹp diện tích đất canh tác nông nghiệp để công nghiệp hoá và đô thị hoá ồ ạt như mấy năm gần đây ở nước ta, đã tạo nên những tác động tốt và không tốt đến đời sống người dân ở nông thôn, nhất là những người nông dân. Cuối cùng, tác giả nhấn mạnh rất cần có những nghiên cứu một cách nghiêm túc và khoa học về công nghiệp hoá và đô thị hoá ở các vùng nông thôn để tổng kết kinh

nghiệm, đánh giá đúng mức vai trò, vị trí, kết quả của công nghiệp hoá nông thôn và *những vấn đề xã hội* đang đặt ra trong phát triển các khu công nghiệp vùng đồng bằng sông Hồng những năm qua và định hướng chiến lược cho những năm tới.

- Tập thể tác giả Đào Thế Anh, Đào Thế Tuấn, Lê Quốc Doanh (1998) với công trình *Nghiên cứu luận cứ khoa học của chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá*. Cho rằng diễn biến của Chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn của nước ta vào nửa cuối thập kỷ 80 đã diễn ra quá trình giảm mạnh tỷ trọng công nghiệp (ngành sử dụng nhiều vốn, ít lao động) và tăng tỷ trọng các ngành nông nghiệp (sử dụng ít vốn, nhiều lao động) thì trong nửa đầu thập kỷ 90 đã có một quá trình công nghiệp hoá mạnh mẽ đi kèm với giảm tỷ trọng nông nghiệp và bùng nổ khu vực dịch vụ. Tiếp đến trong nửa cuối thập kỷ 90 và kéo dài đến nay, chúng ta thấy quá trình công nghiệp hoá được đẩy nhanh hơn trong khi tỷ trọng của cả hai khu vực nông nghiệp và dịch vụ đều giảm tương đối. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn là một hiện tượng phức tạp, cần phải được nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận hoàn chỉnh và phân tích bằng các phương pháp phân tích đa yếu tố. Việc đánh giá tình hình chuyển đổi cơ cấu kinh tế của nước ta tập trung vào giai đoạn 1996 - 2002, là giai đoạn mà quá trình chuyển đổi diễn ra tương đối rõ nét ở một số vùng.

- Tác giả Lê Văn Trường (2008) với nghiên cứu *Nhận dạng nông nghiệp đô thị Việt Nam*, cho rằng những năm gần đây, dưới tác động của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đô thị hoá, sức ép của các vấn đề dân số, lương thực, thực phẩm, việc làm, thu nhập, môi trường... chắc chắn nông nghiệp ở các đô thị nước ta sẽ có những thay đổi quan trọng cần được nghiên cứu, đánh giá để tìm kiếm những giải pháp phù hợp để phát triển loại hình nông nghiệp quan trọng này. Bước sang thế kỷ XXI, nông nghiệp đô thị của Việt Nam đang được định hình, phát triển và thực sự đã trở thành một bộ phận thiết yếu trong đời sống các đô thị Việt Nam. Ngoài những nét tương đồng với nông nghiệp đô thị của các nước đang phát triển, nông nghiệp đô thị ở Việt nam cũng có những sắc thái riêng.

- Đặng Kim Sơn, *Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam - 20 năm đổi mới và phát triển* (2006). Tác giả cho rằng, qua 20 mươi năm đổi mới, thắng lợi rõ rệt nhất

của nông nghiệp Việt Nam là tạo ra và duy trì được một quá trình tăng trưởng sản xuất với tốc độ nhanh, trong thời gian dài. Để công cuộc đổi mới nông nghiệp, nông thôn phát triển vững chắc, cần chú ý một số vấn đề như: quan hệ giữa nông nghiệp và công nghiệp trong quá trình công nghiệp hoá, đầu tư hợp lý cho nông nghiệp và khu vực nông thôn đảm bảo phù hợp với quy luật của kinh tế thị trường, làm rõ khái niệm “định hướng xã hội chủ nghĩa”, “công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn”; chính sách, pháp luật phải được xây dựng từ thực tiễn, quản lý nhà nước phải đổi mới căn bản.

Phát triển nông nghiệp, nông thôn không thể tách rời các nhân tố phát triển kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá và môi trường... Rất nhiều tác giả quan tâm đến khía cạnh này của vấn đề như:

- Hoàng Chí Bảo về "*Hệ thống chính trị ở cơ sở nông thôn nước ta hiện nay*" (2004); "*Các đoàn thể nhân dân trong đảm bảo dân chủ cơ sở*" của PGS.TSKH. Phan Xuân Sơn (2002); Nguyễn Văn Sáu và Hồ Văn Thông về "*Thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở và xây dựng chính quyền cấp xã ở nước ta hiện nay*" (2003); Phan Xuân Sơn và Lưu Văn Quảng đã trực tiếp bàn về chính sách, hơn nữa lại là chính sách liên quan đến nông nghiệp nông thôn và chính sách dân tộc trong cuốn "*Những vấn đề cơ bản về chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay*" (2005); Tô Huy Rứa (2011), *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong đổi mới ở Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*.

- Tác giả Ngô Thị Phương (2015) với bài viết *Những biến đổi xã hội ở nông thôn Việt Nam do quá trình chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp* cho rằng những năm gần đây nông thôn Việt Nam đang có nhiều biến đổi mạnh mẽ do trong quá trình thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn đã chuyển một phần không nhỏ đất nông nghiệp sang xây dựng các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu du lịch và đô thị mới... Tác giả nhấn mạnh Chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay là hoàn toàn đúng đắn trong bối cảnh xây dựng nền kinh tế thị trường. Bởi quá trình chuyển đổi này đã đem lại nhiều ích lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội của các vùng nông thôn Việt Nam. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện lại xuất hiện không ít những vấn đề xã hội bức xúc, cho thấy sự phát

triển kinh tế - xã hội ở đây thực sự chưa ổn định, bền vững nếu không muốn nói đó là sự phát triển còn mang tính giả tạo. Do vậy, để đạt mục tiêu phát triển toàn diện nông thôn Việt Nam theo tiêu chí xây dựng NTM hiện đại, phát triển, cần có sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, chính quyền các cấp và nhân dân địa phương để giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc đó.

Thứ tư, nhóm nghiên cứu về mô hình nông nghiệp, nông thôn

- Công trình: “*Kinh nghiệm tổ chức quản lý nông thôn Việt Nam trong lịch sử*” do Phan Đại Doãn và Nguyễn Quang Ngọc làm chủ biên, ấn hành năm 1994, là công trình nghiên cứu những vấn đề lịch sử trong phát triển nông thôn nước ta. Sau khi nêu lên sự quan tâm của Nhà nước trong các thời kỳ về quản lý làng xã và xây dựng thiết chế chính trị - xã hội nông thôn nước ta, các tác giả đã trình bày khá toàn diện về quản lý nông thôn nước ta trong lịch sử như vấn đề Nhà nước quản lý nông thôn trong các thế kỷ XVI - XVIII; nhà Nguyễn đối với vấn đề nông thôn trong thế kỷ XIX; phát triển nông thôn trong thời kỳ Pháp thuộc (1945 - 1954); cơ cấu quản lý hành chính làng xã Việt Nam từ 1954 - 1975. Công trình còn đề cập mô hình phát triển làng xã nông thôn Việt Nam ở các vùng cụ thể ở nước ta nhất là ở Bắc bộ và Nam bộ. Công trình đã cung cấp những sử liệu rất có giá trị về vai trò của Nhà nước, tính cộng đồng và tính bền vững của mô hình làng xã Việt Nam; những nhân tố tác động những việc hình thành thiết chế làng xã và mô hình hoạt động của chúng.

- Cuốn sách “*Nửa thế kỷ phát triển nông nghiệp và nông thôn Việt Nam 1945 - 1995*” của Nguyễn Sinh Cúc và Nguyễn Văn Tiêm (1996). Các tác giả của công trình khẳng định, một trong những thành tựu kinh tế to lớn của thời kỳ đổi mới là phát triển sản xuất nông nghiệp mà nội dung cơ bản là thừa nhận hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ ở nông thôn, đã đánh dấu sự mở đầu của thời kỳ đổi mới trong nông nghiệp và nông thôn nước ta. Thành tựu nổi bật và to lớn nhất của nông nghiệp trong 20 năm đổi mới là đã giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, đưa Việt Nam từ nước thiếu lương thực trở thành nước xuất khẩu gạo lớn thứ hai thế giới liên tục từ năm 1989 đến nay.

- Về những mô hình hợp tác xã nông nghiệp nước ta, được coi là một mô

hình phát triển nông nghiệp nông thôn trong quan niệm xây dựng chủ nghĩa xã hội kiểu Xô viết, cũng được một tập thể các nhà khoa học Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh nghiên cứu khá sâu sắc trong Đề tài tổng kết thực tiễn "*Mô hình hợp tác xã nông nghiệp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta*" (2003) do Lưu Văn Sùng làm chủ nhiệm.

- Đặc biệt công trình nghiên cứu do Vũ Trọng Khải chủ trì được ấn hành năm 2004 là một công trình nghiên cứu về mô hình phát triển của nông thôn Việt Nam. Đây là công trình nghiên cứu công phu, đề cập nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn của Phát triển nông thôn Việt Nam: nông thôn truyền thống làng xã và những đặc trưng, hạn chế của nó; những tác động vừa qua của nông nghiệp đối với phát triển nông thôn; quan niệm về mô hình nông thôn hiện đại và giải pháp thực hiện. Công trình nghiên cứu này được xuất bản trên cơ sở đề tài cấp Nhà nước do tác giả làm chủ nhiệm với tiêu đề: "*Tổng kết và xây dựng mô hình phát triển kinh tế - xã hội nông thôn mới, kết hợp truyền thống làng xã với văn minh thời đại*". Đặc biệt, tác giả đã có những kiến nghị mới, khác với chính sách hiện hành như bỏ chính sách hạn điền cứng nhắc và cho rằng chính sách đất đai thuần túy là chính sách kinh tế, không phải là chính sách xã hội. Mặc dù công trình còn nhiều vấn đề cần nghiên cứu luận giải thêm, nhưng đây là nghiên cứu gợi mở nhiều vấn đề quan trọng trong phát triển nông thôn, chính sách đối với nông dân.

- Hai cuốn sách: "*Kinh nghiệm quốc tế về nông nghiệp, nông thôn, nông dân trong quá trình CNH*" và "*Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam - hôm nay và mai sau*" của tác giả Đặng Kim Sơn (xuất bản năm 2008) đã trình bày khá rõ những quan điểm khác nhau của các nhà lý luận cũng như các trường phái lý luận trên thế giới, các quan niệm khác nhau về nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở các nước và ở Việt Nam khá thuyết phục và sâu sắc. Trên cơ sở phân tích, tổng hợp những vấn đề nông dân, nông nghiệp, nông thôn trong quá trình CNH ở nhiều nước trên thế giới, tác giả có sự liên hệ với điều kiện cụ thể của Việt Nam về những vấn đề mang tính lý luận và thực tiễn như: vai trò của nông nghiệp trong CNH, vấn đề cơ cấu sản xuất, giải quyết vấn đề về đất đai, lao động, môi trường... trong sự nghiệp CNH đất nước. Mặt khác, nông dân, nông nghiệp, nông thôn là

những vấn đề được quan tâm ở tất cả các nước, nhất là các nước đang tiến hành CNH. Ở những nước khác nhau, tùy theo cách giải quyết của mình trong quá trình CNH, vấn đề này có tác động tích cực hay hạn chế đến sự phát triển kinh tế - xã hội của từng nước. Tác giả đã đặt ra những vấn đề có tính cơ bản của quá trình CNH của bất kỳ quốc gia nào, trong đó có Việt Nam như: Phát triển nông nghiệp là tiền đề để khởi động CNH? Công nghiệp cát cánh có còn cần giữ cân bằng với nông nghiệp? Trong nền kinh tế hiện đại, công nghiệp nông thôn có đáng quan tâm? Trong xã hội hiện đại, cư dân nông thôn hay thành thị là lực lượng chính trị quan trọng? Có cần tổ chức nông dân không và tổ chức như thế nào? Vấn đề nông dân, nông nghiệp, nông thôn Việt Nam trong quá trình CNH?... Từ đó, tác giả cho rằng con đường phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam trong thời kỳ CNH, HĐH hiện nay đòi hỏi người nông dân phải nhạy bén, năng động, sáng tạo hơn.

Thứ năm, một số quan điểm của Đảng và Nhà Nước về Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn và xây dựng chương trình NTM.

Sự phát triển, tiến bộ và phồn vinh của đất nước không thể bỏ qua, tách rời sự phát triển của khu vực nông thôn. Từ ngày thành lập đến nay, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến sự phát triển của nông nghiệp, nông thôn, và có những chủ trương, chính sách đúng đắn để đẩy nhanh sự phát triển của khu vực này. Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương khoá IX đã ra Nghị quyết về “Đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn thời kỳ 2001-2010”, trong đó xác định công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là gì? Văn kiện Đại hội VIII đã đề ra khái niệm công nghiệp hoá, hiện đại hoá như sau: Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động, cùng với khoa học công nghệ và phương pháp tiên tiến, hiện đại dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học công nghệ tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

Tại sao chúng ta phải tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn?

Nước ta đang trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, “đặc điểm to nhất của ta trong thời kỳ quá độ là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa” [61, tr.411]. Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế, nông thôn vẫn là địa bàn rộng lớn, chiếm tới gần 80% dân số, trên 50% lực lượng lao động cả nước. Sản xuất nông nghiệp mặc dù chỉ đóng góp khoảng 20% GDP, nhưng sản xuất ra những sản phẩm nuôi sống con người, quyết định vấn đề an ninh lương thực, cũng như sự ổn định của xã hội. CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn là yếu tố quan trọng tạo tiền đề vững chắc để thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

Hơn thế nữa, Đảng ta coi đây là một nhiệm vụ hết sức quan trọng, còn vì nông nghiệp, nông dân và nông thôn luôn là một trong những vấn đề có ý nghĩa chiến lược của cách mạng nước ta.

Bộ mặt nông thôn Việt Nam trong thời gian vừa qua đã có nhiều đổi mới, từ chỗ bị thiếu ăn, phải nhập khẩu gạo, đến nay đã và đang xuất khẩu gạo đứng thứ hai trên thế giới (sau Thái Lan). Tuy nhiên, vẫn còn đó những hạn chế, yếu kém, mà nhiều năm nay vẫn chưa có giải pháp hữu hiệu. Chẳng hạn, vốn đầu tư cho khu vực này vẫn thấp (chiếm 11% - 12% tổng đầu tư toàn xã hội); sản phẩm nông nghiệp lại chủ yếu thiên về số lượng, chứ chưa nâng cao về chất lượng, giá thành nông sản còn cao, năng suất lao động và hiệu quả sản xuất còn thấp; sản lượng nông sản tuy tăng nhưng chi phí đầu vào vẫn tăng cao (chi phí cho sản xuất 1 ha lúa tăng từ 1 triệu đến 1,5 triệu đồng), trong khi giá các mặt hàng nông sản trên thị trường quốc tế lại giảm. Trong khi đó, các chính sách và biện pháp mà Nhà nước đã áp dụng cho phát triển nông nghiệp những năm gần đây chưa tạo bước đột phá mạnh. Trình độ dân trí của một bộ phận nông dân (nhất là vùng sâu, vùng xa) chưa được cải thiện, đời sống, xã hội nông thôn mặc dù có sự chuyển biến song chưa mạnh và không đồng đều. Tình trạng đó dẫn đến sự chênh lệch giữa khu vực thành thị và nông thôn ngày càng lớn. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê và Ngân hàng thế giới (WB) (năm

2003) hệ số chênh lệch giữa thành thị và nông thôn còn là 3,65 lần.

Kinh nghiệm từ các nước trên thế giới và trong khu vực đều cho thấy bài học: CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn là cơ sở để chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế đất nước.

Lịch sử hơn 80 năm ra đời và phát triển, Đảng ta luôn xác định đúng đắn vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của nông nghiệp, nông thôn và nông dân và đã có nhiều chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn. Ngay từ khi thành lập, chủ trương “người cày có ruộng” của Đảng là động lực to lớn đoàn kết, tập hợp nông dân đứng lên theo Đảng làm cách mạng. Trước thềm đổi mới, khi đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng, nhờ có Chỉ thị 100 của Ban Bí thư, Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về *quản lý trong nông nghiệp* và chủ trương đưa *nông nghiệp là mặt trận hàng đầu* đã khơi dậy tiềm năng to lớn trong nông nghiệp, nông thôn, góp phần quyết định đưa nước ta ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, đồng thời là cơ sở lý luận và thực tiễn để Đảng ta đề ra đường lối đổi mới đất nước.

Thứ sáu, nhóm nghiên cứu về NTM và xây dựng NTM

Chương trình trọng điểm quốc gia Xây dựng NTM được tiến hành trong gần mười năm qua đã thu hút nhiều nhà nghiên cứu lý luận và chỉ đạo thực tiễn quan tâm, phân tích, luận giải những vấn đề lý luận và bước đầu tổng kết thực tiễn xây dựng NTM ở nước ta hiện nay, đáng chú ý là các công trình sau:

- Vũ Văn Phúc, chủ biên (2013), *Xây dựng nông thôn mới - những vấn đề lý luận và thực tiễn*, đã tập hợp nhiều bài viết của nhiều tác giả về những vấn đề lý luận chung và kinh nghiệm quốc tế về xây dựng NTM (Gồm 20 bài viết bàn đến những khía cạnh đa dạng của việc xây dựng NTM: vấn đề quy hoạch và huy động các nguồn vốn, an sinh xã hội, thực trạng về phụ nữ nông dân, nông thôn, chính sách đất đai, bảo vệ môi trường đất đai, HĐH và các giá trị của gia đình nông thôn Việt Nam... đặc biệt nhiều bài viết tập trung nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước trên thế giới như: Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ, Hàn Quốc, Thái Lan về vấn đề này. Từ đó giúp Việt Nam có cách nhìn nhận để nghiên cứu, áp dụng phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh đất nước) và thực tiễn xây dựng NTM ở Việt Nam (Tổng hợp

nhều bài viết mang tính thực tiễn về xây dựng NTM tại 11 tỉnh được lựa chọn để triển khai thí điểm chương trình mục tiêu quốc gia về NTM trên phạm vi cả nước gồm Lào Cai, Nghệ An, Phú Thọ, Ninh Bình, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Lai Châu, Bắc Giang, Nam Định, Thái Bình, Vĩnh Phúc).

- Phạm Đi (2016), *Xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam hiện nay*, đã tìm hiểu, nghiên cứu vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và phát hiện những khó khăn, vấn đề mới nảy sinh, rút ra bài học kinh nghiệm, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm thực hiện tốt chủ trương xây dựng NTM.

- Bên cạnh đó có thể kể đến một số tác giả với các bài viết: Huỳnh Ngọc Điền (2011), *xây dựng nông thôn mới tại xã điểm Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước*; Phạm Hà (2011), *Xây dựng nông thôn mới: Hướng đi mới cho Quảng Ninh* đăng trên Tạp chí Nông nghiệp, số ngày 30/11/2011; Phan Đình Hà (2011), *Kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới của Hàn Quốc* đăng tại Báo điện tử Hà Tĩnh, số ngày 17/8/2011; Việt Khoa (2011), *Xây dựng nông thôn mới ở Tuyên Quang - Kết quả bước đầu* đăng tại Báo Điện tử Tuyên Quang; Vũ Kiểm (2011), *Xây dựng nông thôn mới ở Thái Bình* đăng trên Tạp chí Phát triển nông thôn số tháng 6/2011; Xuân Quang (2011), *Phong trào Saemaul Undong thực hiện thắng lợi tại Hàn Quốc: 6 bài học kinh nghiệm quý*; Thanh Tâm (2011), *Xây dựng nông thôn mới ở xã Tân Đông, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái*; Bá Thăng (2011), *Xây dựng nông thôn mới ở Đắc Lắc* đăng trên Tạp chí Rừng và đời sống số tháng 7/2011; Bùi Hải Thắng, *Một số khó khăn khi xây dựng nông thôn mới và giải pháp khắc phục*; Từ Tinh Minh và cộng sự (2010), *5 kinh nghiệm quý báu trong quá trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh Triết Giang* đăng trên Tạp chí Nông nghiệp và nông thôn số tháng 4/2011; Quảng Hải Yên và cộng sự (2010), *Kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới hiện đại tại thôn Hoa Tây, tỉnh Giang Tô* đăng trên Tạp chí Nông nghiệp và nông thôn số tháng 7/2011.

Tại Hải Phòng, Thành uỷ, Hội đồng nhân dân (HĐND) thành phố đã có những chuyên đề nghiên cứu về việc nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cấp uỷ Đảng, chính quyền nhưng theo hướng nghiên cứu nhằm xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Ngoài ra cũng có một số bài viết đăng trên các báo và tạp chí nhưng với khuôn khổ có hạn mới chỉ dừng lại ở việc trao đổi ý kiến hoặc

phản ánh một mặt, một khía cạnh nào đó trong hoạt động của HTCT phục vụ chương trình NTM đang được Thành ủy, Ủy ban nhân dân (UBND), các ngành, các xã tập trung phân đấu hoàn thành.

Nhìn chung, các công trình trên đã đề cập một cách khá toàn diện, hệ thống các vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng về HTCT và nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở nước ta. Từ đó xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức, hoạt động của HTCT Việt Nam nói chung, song *chưa đi sâu nghiên cứu về hoạt động HTCT ở xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM.*

1.3. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐƯỢC RÚT RA QUA NGHIÊN CỨU CÁC CÔNG TRÌNH

1.3.1. Những giá trị khoa học được tiếp thu, kế thừa

Qua nghiên cứu, tiếp cận các công trình khoa học được công bố trên đây đã cung cấp những tri thức lý luận, thực tiễn cơ bản về HTCT như: Khái niệm HTCT, tổ chức bộ máy, mối quan hệ giữa các tổ chức thành viên của hệ thống; cơ chế vận hành; kiểm soát quyền lực; vấn đề đảng cầm quyền, tổ chức nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội... Đây là những tri thức lý luận mà tác giả luận án sẽ kế thừa và vận dụng trong quá trình nghiên cứu. Những tri thức đó là cơ sở khoa học của luận án, đồng thời là cơ sở phương pháp luận để tác giả đi sâu nghiên cứu vấn đề mà đề tài luận án đã lựa chọn. Từ những vấn đề chung, tác giả nghiên cứu HTCT xã NTM ở thành phố Hải Phòng

Những công trình nghiên cứu khoa học được công bố về lĩnh vực này ở nhiều góc độ tiếp cận, phạm vi và cấp độ nghiên cứu khác nhau. Từ phạm vi nghiên cứu tổng thể HTCT của một quốc gia đến nghiên cứu những vấn đề về đảng chính trị, về đảng cầm quyền, về nhà nước, về các tổ chức chính trị xã hội cũng như những vấn đề có tính chất chung như: kiểm soát quyền lực, thể chế, tổ chức bộ máy, cơ chế vận hành, các yếu tố đặc thù chi phối và tác động đến hoạt động của HTCT... Vận dụng những tri thức này để nghiên cứu HTCT cấp xã là hết sức cần thiết.

Cùng với việc luận án sẽ kế thừa những kết quả, tri thức mà những công trình đi trước đã đạt được, tác giả sẽ tiếp nối những vấn đề thực tiễn đang đặt ra mà các công trình nghiên cứu trước đó chưa có điều kiện giải quyết; làm sáng tỏ những

vấn đề về vai trò, vị trí của HTCT cấp xã phục vụ NTM; đánh giá thực trạng tổ chức và hoạt động của HTCT cấp xã trong thời gian gần đây, từ đó đưa ra những phương hướng, giải pháp nâng cao năng lực tổ chức và hoạt động của HTCT cấp xã.

1.3.2. Những vấn đề nghiên cứu độc lập của luận án

Thứ nhất, đề tài của luận án không trùng lặp với các công trình đã công bố, vì vấn đề nghiên cứu của luận án là *HTCT xã NTM ở Hải Phòng - xã đã được thành phố Hải Phòng công nhận đạt chuẩn NTM*. Đây là không gian mới, điều kiện mới, yêu cầu mới đối với HTCT xã. Do đó tác giả phải tập trung làm rõ cơ sở lý luận như: nhiệm vụ, vai trò, đặc điểm, tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động, cơ chế phối hợp, đội ngũ cán bộ, công chức, các yếu tố tác động đến HTCT xã NTM.

Thứ hai, nghiên cứu HTCT xã NTM là vấn đề mới, do đó tác giả phải tập trung nghiên cứu sâu sắc để tìm ra những đặc điểm, xu hướng vận động, phát triển của các xã NTM một cách toàn diện trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội để thấy được sự khác biệt của xã NTM với xã nông thôn truyền thống và xã nông thôn đang xây dựng NTM nhưng chưa đủ tiêu chí, chưa được công nhận.

Thứ ba, tác giả cũng phải tập trung phân tích, luận giải mối quan hệ biện chứng giữa xã NTM và đổi mới HTCT xã để thấy được vai trò lãnh đạo của HTCT xã là nhân tố quan trọng trong việc tiếp tục xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội ở các xã sau khi đã được công nhận đạt chuẩn NTM. Đến lượt mình, các xã đạt chuẩn NTM đã đặt ra những yêu cầu, đòi hỏi phải đổi mới, hoàn thiện HTCT xã nhằm tiếp tục phát triển NTM bền vững. Vấn đề CNH, HĐH nông thôn, cơ cấu kinh tế, quản lý kinh tế, quản lý xã hội, an sinh xã hội, phát huy vai trò của người dân, các tổ chức chính trị xã hội... đặt ra yêu cầu mới đối với hoạt động của HTCT xã NTM.

Thứ tư, từ yêu cầu nội tại, tự thân của sự phát triển, HTCT xã cần phải thường xuyên đổi mới, chỉnh đốn để có đầy đủ năng lực, trí tuệ, uy tín đảm bảo vai trò lãnh đạo, tổ chức quản lý địa phương trong điều kiện mới. Đây được coi là nhiệm vụ sống còn của HTCT.

Thứ năm, nông dân có vai trò quyết định trong xây dựng NTM. Luận án tập trung nghiên cứu, đánh giá khách quan tính tích cực chính trị của nông dân trong

việc tiếp tục xây dựng các xã NTM phát triển bền vững. Nông dân ở các xã NTM có những thay đổi gì trong nhận thức, lối sống, tư duy và phương thức sản xuất - kinh doanh, nhu cầu tham gia quản lý xã hội cũng như họ mong muốn gì ở HTCT địa phương... Cần có cơ chế, thiết chế nào bảo đảm những quyền và lợi ích chính đáng của nông dân cũng như bảo đảm các điều kiện để nông dân phát huy quyền làm chủ của mình. Thực hiện quy chế dân chủ ở nông thôn một cách thực chất là yêu cầu cấp thiết, chìa khóa vạn năng cho sự phát triển NTM hiện nay.

Thứ sáu, trên cơ sở đánh giá khách quan thực trạng các xã NTM ở thành phố Hải Phòng, luận án chỉ ra một số vấn đề còn nhiều bất cập, đặt ra hiện nay trong nông nghiệp, NTM như: Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động còn chậm; nhiều sản phẩm nông nghiệp chất lượng chưa cao, năng lực cạnh tranh thấp. Sự phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ chưa tương xứng với tiềm năng và nhu cầu phát triển; chất lượng lao động nông nghiệp, nông thôn còn thấp. Hình thức Hợp tác xã chưa phát huy được tiềm năng và lợi thế. Một số chính sách được triển khai thực hiện ở nông thôn còn chậm và chưa đồng bộ. Tỷ lệ hộ nghèo hằng năm giảm nhanh nhưng chưa bền vững. An ninh nông thôn còn nhiều bất cập. Chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn...

Nhận thức của đội ngũ cán bộ, đảng viên ở xã và nhân dân về xây dựng NTM còn một số vấn đề chưa nhất quán, vẫn còn những nhận thức chưa đầy đủ về trách nhiệm, về huy động nguồn lực; xây dựng NTM thực sự là cuộc cách mạng sâu rộng của cả HTCT và của từng người dân; xây dựng xã NTM phải đi lên từ chính nội lực, tiềm năng lợi thế, tránh tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nguồn ngân sách nhà nước; thiếu tập trung tuyên truyền, vận động thu hút các nguồn vốn đầu tư khác, nhất là nguồn lực xã hội hóa.

Thứ bảy, luận án đề xuất giải pháp nhằm đổi mới hoạt động của HTCT cấp xã phục vụ NTM tiếp tục phát triển bền vững, phấn đấu đạt xã “Nông thôn mới kiểu mẫu” ở thành phố Hải Phòng.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 1

Trong Chương 1, tác giả luận án đã tiến hành nghiên cứu, tham khảo các công trình khoa học trong và ngoài nước đã được công bố liên quan đến đề tài luận án. Tác giả tiếp cận các công trình khoa học theo hướng: i) Tình hình nghiên cứu về HTCT và HTCT cấp xã : ii) Những công trình nghiên cứu về xây dựng NTM và chính sách khu vực nông thôn. Qua nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, luận án đã rút ra được những nội dung, những tri thức khoa học có giá trị kế thừa, làm cơ sở cho luận án. Đồng thời tác giả cũng khẳng định những vấn đề nghiên cứu độc lập của luận án. Thông qua kết quả nghiên cứu của Chương 1, luận án xác định rõ nhiệm vụ của luận án cũng như hướng nghiên cứu đã được xác định.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ XÃ NÔNG THÔN MỚI

Nghiên cứu hoạt động của HTCT cấp xã phục vụ NTM cần thiết phải nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn làm cơ sở để đánh giá thực trạng, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT các xã NTM ở Hải Phòng nói riêng, cả nước nói chung.

2.1. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ XÃ

2.1.1. Khái niệm

2.1.1.1. *Khái niệm hệ thống chính trị*

Khái niệm HTCT có ý nghĩa phương pháp luận rất lớn trong việc phân tích các quá trình chính trị, các quá trình quản lý trong thực tiễn. Có những quan niệm khác nhau về HTCT phụ thuộc vào khuynh hướng, trường phái khác nhau.

Từ cách tiếp cận của chính trị học, “Hệ thống chính trị là tổ hợp có tính chỉnh thể các thể chế chính trị (các cơ quan quyền lực nhà nước, các đảng chính trị, các tổ chức và phong trào xã hội). Được xây dựng trên các quyền và các chuẩn mực xã hội, phân bổ theo một kết cấu chức năng nhất định, vận hành theo những nguyên tắc, cơ chế và quan hệ cụ thể, nhằm thực thi quyền lực chính trị”. [79, tr.262]

HTCT được cấu thành từ nhiều bộ phận khác nhau bao gồm: Nhà nước, các đảng phái chính trị, các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội tồn tại và hoạt động trong khuôn khổ của pháp luật nhằm tác động vào các quá trình kinh tế - xã hội, với mục đích duy trì và phát triển xã hội, bảo vệ lợi ích của giai cấp cầm quyền, nhờ đó mà giai cấp cầm quyền thể hiện được quyền lực của mình với xã hội.

Trung tâm của HTCT là nhà nước, nhà nước thể hiện bản chất chính trị của HTCT và chế độ xã hội. Đảng chính trị phải giành được quyền lực nhà nước, thông qua nhà nước và bằng nhà nước để thực hiện các mục tiêu chính trị của mình

HTCT tồn tại và phát triển trong mối quan hệ hữu cơ giữa các thể chế và thiết chế chính trị cấu trúc nên HTCT đồng thời có mối quan hệ qua lại với các hệ thống khác.

HTCT đề ra và thực hiện các nguyên tắc, cơ chế, chính sách, quy định, định hướng nội dung và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo các quyền, chuẩn

mục xã hội, điều chỉnh quan hệ về quyền lực của các giai cấp, các tầng lớp, các nhóm xã hội, các dân tộc; giữa tổ chức và cá nhân.

Tiếp cận từ hệ thống tổ chức, cấu trúc và hoạt động, hệ thống chính trị là hệ thống các thiết chế chính trị - xã hội và các quan hệ chú trọng những cấp độ tổ chức và hoạt động, tác động lẫn nhau theo cấp độ từ trên xuống và từ dưới lên, chỉnh thể tác động đến từng bộ phận và từng bộ phận đến cả hệ thống chỉnh thể hợp thành thể chế chính trị của một chế độ xã hội nhằm đảm bảo quyền lực chính trị của giai cấp thống trị với các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội.

Về mặt cấu trúc: cơ cấu tổ chức, HTCT Việt Nam được biểu hiện ở các tổ chức thiết chế: Đảng, Nhà nước, MTTQ và các Đoàn thể chính trị xã hội, trong đó Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

Về hoạt động: HTCT được biểu hiện ở chức năng, nhiệm vụ, mục đích của từng tổ chức và hệ thống các mối quan hệ giữa chúng. Các mối quan hệ này vừa diễn ra theo chiều dọc (Từ trên xuống, từ dưới lên theo từng tổ chức) vừa theo chiều ngang (tác động và ảnh hưởng qua lại giữa các thiết chế khác nhau). Quan hệ theo chiều ngang là quan hệ khá phức tạp phụ thuộc vào sự phân định chức năng, nhiệm vụ, phương thức tổ chức và hoạt động rõ ràng và sự phối hợp một cách đồng bộ giữa các tổ chức thiết chế trong hệ thống. Hiệu quả hoạt động của HTCT được đảm bảo bằng tính chủ động sáng tạo của từng tổ chức, tính thống nhất về mục tiêu và tính đồng bộ trong hoạt động của tất cả các tổ chức cấu thành.

Từ mục tiêu và bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, HTCT Việt Nam nhằm xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo thực hiện dân chủ và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế, chính trị.

Hệ thống chính trị Việt Nam là tổng hợp có tính chỉnh thể các thể chế và thiết chế chính trị, bao gồm Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, MTTQ Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội (Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh) được xây dựng trên các quyền và chuẩn mực xã hội và phân bổ chức năng nhất định.

HTCT nước ta được cấu trúc theo hệ thống cấp độ và các quan hệ cấp độ theo 2 chiều từ dưới lên trên và từ trên xuống. Từng cấp độ của các tổ chức Đảng, nhà nước, MTTQ và các đoàn thể được quy định vị trí, vai trò, chức trách, thẩm quyền... quan hệ giữa cấp trên với cấp dưới, sự tác động qua lại của bộ máy tương ứng với từng cấp. HTCT nước ta hiện nay có 4 cấp: Trung ương - Tỉnh (Thành phố) - Huyện (Quận) - Xã (Phường, Thị trấn). Trong đó HTCT cấp xã là HTCT cấp cơ sở.

2.1.1.2. Hệ thống chính trị xã

HTCT xã là khái niệm được xem xét, tiếp cận dưới góc độ của khoa học chính trị và quản lý xã hội. Xã là cấp cơ sở. *Hệ thống chính trị xã là tổ chức bộ máy, nội dung, phương thức hoạt động của 3 bộ phận hợp thành (Đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội) ở xã và mối quan hệ qua lại giữa chúng trong hệ thống cũng như với xã hội nhằm triển khai thực hiện các mục tiêu chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân trên địa bàn xã.*

Về cấu trúc, HTCT xã gồm các tổ chức: Đảng (Đảng bộ xã), chính quyền (HĐND xã, UBND xã), MTTQ xã và các đoàn thể chính trị - xã hội xã (Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh). Mỗi tổ chức thành viên đều được quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nội dung và phương thức hoạt động nhằm xây dựng và phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn xã, đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân trong xã.

Về mặt hoạt động: hoạt động của HTCT xã biểu hiện ở hệ thống các mối quan hệ theo mục đích, chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động. Các mối quan hệ diễn ra vừa theo chiều dọc (hệ thống tổ chức của từng thiết chế), vừa theo chiều ngang (tác động và ảnh hưởng qua lại giữa thiết chế ngang nhau). Quan hệ chiều ngang là quan hệ hết sức phức tạp, bởi vì việc phân định chức năng, nhiệm vụ, phương thức tổ chức hoạt động còn nhiều tồn tại vướng mắc cần được phân định rõ ràng thì các tổ chức mới có thể hoạt động hiệu quả. Sức mạnh của hệ thống được tạo ra bởi sức mạnh tổng hợp của các tổ chức thành viên trong hệ thống.

2.1.2. Vai trò, đặc điểm của hệ thống chính trị xã

2.1.2.1. Vai trò

HTCT ở xã có vai trò rất quan trọng trong việc tổ chức và vận động nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, huy động mọi tiềm năng để phát triển kinh tế xã hội của địa phương và tổ chức đời sống nhân dân trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội...

Vai trò căn bản của HTCT xã:

Thứ nhất, trực tiếp đưa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với nhân dân.

HTCT xã có chức năng, nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền, giải thích đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến nhân dân trên địa bàn; làm cho người dân hiểu rõ chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và từ đó có ý thức tự giác thực hiện.

Ngoài ra, HTCT xã còn là nơi cụ thể hóa các Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành các chương trình, đề án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở xã, đồng thời tổ chức thực hiện trên thực tế, tạo những chuyển biến căn bản về mọi mặt, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn đổi mới và xây dựng đất nước. Mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước có trở thành hiện thực hay không đều tùy thuộc vào năng lực tổ chức và thực hiện của HTCT xã.

Xã là địa bàn sinh sống, sản xuất và các hoạt động khác của cộng đồng dân cư - nơi nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình. HTCT xã là nơi mà thể chế được dân trực tiếp thực hiện. Cho nên dân thường xuyên tiếp xúc, đề đạt nguyện vọng, yêu cầu của mình với tổ chức bộ máy, đồng thời họ biết rõ nhất sự hoạt động, hiệu quả, chất lượng của bộ máy đó. Do đó thái độ của người dân đối với HTCT (họ tin tưởng hay bất bình, phản đối hay đồng thuận, phấn khởi hay chán nản...) là biểu hiện rõ nhất để đánh giá HTCT xã cũng như thể chế nói chung. HTCT xã phải làm sao cho dân yên ổn, phấn khởi làm ăn, sinh sống, đoàn kết đồng lòng phát triển kinh tế - xã hội của xã; xây dựng và bảo vệ chế độ. Vì vậy tuy là cấp thấp nhất trong hệ

thống cấp độ quản lý nhưng HTCT xã có tầm quan trọng đặc biệt, ảnh hưởng tới sự sống còn, thành bại của chế độ.

Thứ hai, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc phát triển kinh tế - xã hội, phát huy mọi nguồn lực, giải quyết công ăn việc làm, nâng cao đời sống của nhân dân.

Xã là nơi tổ chức hành động, đưa đường lối, chủ trương, nghị quyết chính sách của Đảng, nhà nước vào cuộc sống. Đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước được thực sự đi vào cuộc sống hay không phải được nhận biết thông qua người dân có được tổ chức và hành động đúng đường lối, chính sách, pháp luật, có mang lại hiệu quả cho sản xuất và đời sống của người dân không, có tạo cơ hội cho mọi người dân mang hết năng lực và khai thác mọi tiềm năng để phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống, khiến người dân ngày càng tin tưởng vào Đảng, nhà nước, chế độ hay không. Để làm được điều này, xã cần gần dân, hiểu dân, sát dân, sáng tạo, nhạy bén, thiết thực, có phương pháp tổ chức, hành động hiệu quả, biết làm cho dân tin, dân ủng hộ, tập hợp được nhân dân, đem tài dân sức dân để phục vụ dân, làm lợi cho dân, mưu cầu hạnh phúc cho dân.

Thứ ba, là nơi trực tiếp giải quyết các mối quan hệ trong nội bộ nhân dân, phát huy truyền thống trong xây dựng tình đoàn kết, bình đẳng, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau giữa các gia đình, dòng họ; tạo khí thế thi đua trong phát triển sản xuất, xây dựng thôn xóm và gia đình văn hóa, bài trừ hủ tục lạc hậu, đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

Thứ tư, cung cấp những kinh nghiệm thực tiễn, phát hiện, kiến nghị với Đảng và Nhà nước những điều bất hợp lý trong đường lối, cơ chế, chính sách, pháp luật để kịp thời có những điều chỉnh, bổ sung, mang lại hiệu quả cao hơn.

Thứ năm, là môi trường rèn luyện cán bộ, làm cho cán bộ trưởng thành, phát huy được phẩm chất và năng lực trong công tác thực tế, từ đó làm tăng uy tín, ảnh hưởng của Đảng, Nhà nước trong quần chúng nhân dân. Đồng thời cung cấp nguồn cán bộ đã được trải nghiệm qua thực tiễn cho HTCT cấp trên.

2.1.2.2. Đặc điểm

i) HTCT xã là cấp thấp nhất trong các cấp độ của HTCT nước ta.

Xã nhìn chiều từ trên xuống, xét về quy mô và cấp độ tổ chức là cấp thấp nhất, cấp cuối cùng, cấp nhỏ nhất. Nếu trung ương và toàn quốc được xem là một chỉnh thể, hệ thống của cái vĩ mô, đứng đầu là nhà nước trung ương, thì xã thường được xem là cái vi mô, là một tế bào, một phần tử hợp thành của cái vĩ mô - cả nước và toàn quốc như một cơ thể sống.

Nếu theo quan hệ quyền lực, quyền hạn, chức trách: xã là cấp thấp nhất. HTCT xã đương nhiên chịu sự chỉ đạo, kiểm soát của cấp trên, từ Trung ương, thành phố tới huyện. Cái nhỏ nhất, thấp nhất đó còn được biểu hiện bởi quy mô diện tích, địa giới hành chính và số lượng dân cư mà xã quản lý.

Tuy nhiên, cái thấp nhất và nhỏ nhất của cấp xã không đồng nhất xã với cái kém quan trọng nhất. Có thể, cấp thấp nhất sẽ là cấp chịu nhiều thiệt thòi nhất của các điều kiện hoạt động so với các cấp khác trên nó. Điều này được phản ánh rất rõ ràng trên thực tế, diễn ra trong tâm lý, ý thức, trong nhận thức của không ít cán bộ các cấp, các ngành kể cả cán bộ cấp trên và cán bộ ở trong xã, dù không thành văn nhưng biểu hiện thành tâm lý chủ quan, coi thường lẫn tâm lý tự ti, mặc cảm.

Tính chất, tầm quan trọng của mỗi cấp độ quản lý không phải do định lượng mà do định tính chức năng và nhiệm vụ của nó quy định. Ở xã cũng có đầy đủ đầu mối công việc, quan hệ nhiều chiều, ngang dọc, trên dưới đan xen trong một môi trường sinh động, một không gian xác định, những quyền hành và trách nhiệm cần thực thi. Hơn nữa, xã là nơi bộc lộ trực tiếp, cụ thể của nhà nước, chế độ.

Lãnh đạo, quản lý ở cấp thấp không có nghĩa là chất lượng thấp, phải có cái nhìn khoa học về vấn đề này trong cách nhìn, cách tư duy, cách yêu cầu đối với HTCT xã. Cái gọi là “bộ phận”, “vi mô” của xã phải được quan niệm một cách biện chứng trong mối tương quan của nó với chỉnh thể quản lý nhà nước và xã hội, chỉnh thể của bản thân nó, tự nó đã là một chỉnh thể trong hoạt động, vận hành, tổ chức và điều chỉnh dù nó là một bộ phận hợp thành cơ thể sống nhà nước, một cấu kiện tạo nên toà nhà xã hội.

ii) HTCT xã là bộ máy lãnh đạo, quản lý trên địa bàn nông thôn, chịu nhiều ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa làng xã, các quan hệ dòng họ..., không chỉ quản lý hành chính mà phải lãnh đạo, quản lý phát triển toàn diện kinh tế - xã hội của địa

phương, đặc biệt là quản lý sản xuất, quản lý đất đai... (trong khi chính quyền phường, thị trấn chủ yếu quản lý hành chính, quản lý đô thị trên địa bàn).

Nếu dân cư của một phường hay một thị trấn chỉ chủ yếu sinh sống tại địa bàn phường hoặc thị trấn đó nhưng lao động, sản xuất, kinh doanh tại địa phương khác thì đại bộ phận dân cư của một xã lại sinh sống, lao động, sản xuất và kinh doanh ngay tại địa bàn xã. Mặt khác, dân cư tại xã thường đã sinh sống lâu đời tại địa phương, không giống như dân cư tại phường, thị trấn thường chỉ sinh sống một thời gian ngắn là chuyển đi nơi khác. Do vậy, dân cư xã nhìn chung chịu ảnh hưởng về các quan hệ dòng tộc, các yếu tố văn hóa của xã hơn dân cư phường, thị trấn. Những khác biệt này dẫn tới việc lãnh đạo, quản lý trên địa bàn xã nhìn chung khó khăn, phức tạp hơn lãnh đạo, quản lý trên địa bàn phường, thị trấn.

iii) HTCT xã là cấp tổ chức hành động, đưa đường lối, chủ trương, nghị quyết, chính sách pháp luật của Đảng, nhà nước vào cuộc sống. HTCT xã trực tiếp với dân, tổ chức đời sống sản xuất, xây dựng đời sống văn hóa, tinh thần, giữ vững an ninh chính trị, phát triển kinh tế - xã hội...

Xã còn là nơi chứng thực đường lối, chính sách, luật pháp của Đảng và Nhà nước đi vào cuộc sống và được triển khai cụ thể ra sao, bởi chính sách dù khoa học, đúng đắn đến đâu thì cũng chỉ là những khả năng khoa học, là chủ quan từ phía những nghiên cứu, chưa đủ để khẳng định hiệu quả nếu không đưa vào thực tiễn cơ sở phong phú, phải được vật chất hoá ở đời sống người dân, phải được thể chế hoá chặt chẽ qua hoạt động của xã. HTCT xã là cấp hành động, cấp hoạt động, tổ chức thực hiện đường lối chính sách, nghị quyết của Đảng và Nhà nước. Cán bộ xã phải là người có năng lực giỏi, cò xát và sáng tạo để tập hợp được dân, tạo nên phong trào hoạt động tự giác của toàn dân, hướng vào phát triển chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội. Họ phải thực sự là những người tận tâm, tận lực, gương mẫu, thật thà bắt tay vào việc, nói đi đôi với làm, biết vận động dân cho đúng và cho khéo, để cho dân tin tưởng, dân yêu mến, dân giúp đỡ, dân ủng hộ, dân bảo vệ.

iv) Xã là cấp cuối cùng diễn ra đầy đủ mọi hoạt động trên các lĩnh vực, là hình ảnh thu nhỏ của xã hội, là bộ phận cấu thành nên HTCT của đất nước. HTCT xã vững mạnh là nền tảng, là cơ sở cho sự vững mạnh của HTCT cấp trên và HTCT

của cả nước. Xã là một địa bàn chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, nơi có cả cộng đồng dân cư hàng nghìn, hàng vạn con người sinh sống. “Cái xã hội” và “cái nhà nước” thu nhỏ ấy, trong hình thái của xã đã làm cho xã là vi mô nhưng có ý nghĩa vĩ mô khi nó hằng ngày, hằng giờ phải lo chuyện an sinh, an ninh, đoàn kết, đồng thuận và hoà hợp để phát triển cho hàng nghìn, hàng vạn con người ở cộng đồng dân cư cơ sở. Xã là một tế bào làm nên sự sống của chính cơ thể nó và đem lại sự sống cho cả cơ thể lớn hơn là xã hội. Chính vì vậy, nội lực, tiềm lực và sinh lực của xã là rất quan trọng.

v) HTCT xã chịu sự lãnh đạo của HTCT cấp trên. Mặt khác HTCT xã là nơi được thực hiện, khẳng định tính đúng đắn của mọi chủ trương, đường lối, chính sách, nghị quyết, đồng thời đặt ra cho nhà nước những vấn đề mới nảy sinh cần giải quyết của HTCT. Xã với tư cách là cơ sở nhìn từ dưới lên thì nó là nền tảng của nhà nước và xã hội. Đây chính là nơi diễn ra hoạt động sống của cư dân, trước hết là của nông dân, những người chuyên sản xuất lương thực, thực phẩm để nuôi sống toàn xã hội. Sự ổn định, phát triển của xã hội được khởi đầu từ sự ổn định, phát triển của cơ sở. Ngược lại, sự không bình yên của thể chế cũng thường bắt đầu từ cơ sở, từ chỗ lòng dân không yên. Việc đồng thuận hay không thuận lòng dân được nhìn một cách rõ nhất, trực tiếp nhất là từ những người dân cơ sở. HTCT phải xuất phát từ đây thì mọi hoạt động quản lý của các cấp mới triển khai có hiệu quả.

vi) HTCT xã gần dân nhất, sát dân nhất nên chịu sự kiểm tra, giám sát trực tiếp, toàn diện của nhân dân đồng thời phải giải quyết triệt để nhất nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của nhân dân, tạo niềm tin, phát huy quyền làm chính trị và thực hành dân chủ của nhân dân.

2.1.3. Cơ cấu và chức năng, nhiệm vụ các tổ chức của hệ thống chính trị xã

Về cơ cấu tổ chức, HTCT xã gồm 3 bộ phận: Đảng, Chính quyền, MTTQ và các đoàn thể. Mỗi tổ chức thành viên của HTCT có chức năng, nhiệm vụ, nội dung, phương thức hoạt động theo quy định của pháp luật.

2.1.3.1. Đảng bộ xã

Đảng bộ xã được tổ chức và hoạt động theo điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng bộ xã là nền tảng chính trị, hạt nhân lãnh đạo chính trị và HTCT ở xã.

Với tư cách là tổ chức cơ sở Đảng ở nông thôn, Đảng bộ xã là nền tảng chính trị của Đảng ở nông thôn, trực tiếp liên kết các đảng viên thành tổ chức, là điểm tựa của Đảng để tuyên truyền, vận động, tổ chức, thực hiện đường lối của Đảng trong nhân dân, nối liền Đảng với nhân dân. Đảng bộ xã là nơi tổng kết sáng kiến của nhân dân đóng góp cho Đảng và nhà nước để bổ sung phát triển đường lối, chính sách.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với HTCT xã được biểu hiện ở các nội dung: Xây dựng và thông qua được nội dung về chủ trương, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tiến hành công tác tư tưởng, chính trị, công tác tuyên truyền, cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng phù hợp với địa phương; lãnh đạo toàn diện, quy định những vấn đề về tổ chức và cán bộ của HTCT xã, kiểm tra đánh giá việc thực hiện nghị quyết của Đảng bộ, xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể vững mạnh, làm tốt công tác tuyên truyền, vận động tập hợp quần chúng đoàn kết, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong xây dựng và phát triển kinh tế xã hội.

Nhiệm vụ của Đảng bộ xã

Chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đề ra chủ trương, nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, chi bộ và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả.

Lãnh đạo xây dựng chính quyền, các tổ chức kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các đoàn thể chính trị - xã hội trong sạch, vững mạnh; chấp hành pháp luật và phát huy dân chủ.

Liên hệ mật thiết với nhân dân, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân, lãnh đạo nhân dân tham gia xây dựng và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ xã là lãnh đạo hoàn thiện có hiệu quả đường lối chủ trương của Đảng, đưa đường lối chủ trương của Đảng vào cuộc sống ở nông thôn, xây dựng và lãnh đạo toàn diện Đảng và chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, phát triển Đảng viên, do đó Đảng bộ xã thực sự là “đơn vị chiến đấu cơ bản của Đảng, là hạt nhân lãnh đạo HTCT và chỗ dựa tin cậy của nhân dân”.

Phương thức hoạt động

Đảng bộ xã phải đề ra được chủ trương đúng, biện pháp thiết thực, hành động cụ thể để phát triển kinh tế - xã hội nâng cao mức sống của nhân dân, giữ gìn an ninh trật tự, môi trường sống và làm việc an toàn, bền vững.

Đảng bộ xã gắn bó mật thiết với nhân dân, lãnh đạo toàn diện đời sống vật chất, tinh thần, kịp thời giải quyết những yêu cầu nguyện vọng chính đáng của nhân dân, khuyến khích nhân dân xây dựng Đảng, chính quyền.

Đảng viên là nòng cốt, gương mẫu trong mọi công tác, thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, quy định, quy chế của cấp trên và địa phương, vận động quần chúng hoàn thành nghĩa vụ công dân và phấn đấu trở thành Đảng viên.

Đảng bộ xã có trách nhiệm giáo dục rèn luyện Đảng viên và phát triển Đảng.

Giáo dục lý tưởng cách mạng, tuyệt đối trung thành, chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước là trách nhiệm của tổ chức Đảng cơ sở.

Đảng bộ xã có nhiệm vụ kiểm tra tổ chức Đảng và Đảng viên chấp hành điều lệ Đảng, việc thực hiện nghiêm chỉnh nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, xây dựng tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động, thực hiện nguyên tắc tập chung dân chủ, tự phê bình và phê bình, gìn giữ sự đoàn kết và kỷ luật Đảng, quản lý Đảng viên, nâng cao phẩm chất đạo đức, lối sống, trình độ kiến thức, năng lực công tác, tinh thần chiến đấu cho Đảng viên...

Đảng bộ xã lãnh đạo các chi bộ, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tích cực bồi dưỡng, tập hợp, tuyên truyền giáo dục những người ưu tú, xuất sắc trong phong trào quần chúng, kết nạp họ vào Đảng để tăng cường về số lượng và sức chiến đấu của Đảng.

2.1.3.2. Chính quyền xã

Hiến pháp 2013 quy định chính quyền nhà nước ta bao gồm 4 cấp từ trung ương đến cơ sở. Trong đó chính quyền cơ sở là xã (phường, thị trấn) có vị trí rất quan trọng.

Xã là cấp thực hiện, đồng thời là nơi kiểm chứng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước trong thực tiễn, trực tiếp phát huy quyền làm chủ của nhân dân, huy động mọi tiềm năng cho việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, xây dựng đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội .

Chính quyền địa phương ở xã là cấp chính quyền địa phương gồm có HĐND và UBND xã, được tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật.

Hội đồng nhân dân xã

HĐND xã là cơ quan đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân trong xã, do nhân dân trong xã bầu theo quy định của hiến pháp và luật bầu cử.

HĐND xã có quyền quyết định đối với các công việc trong phạm vi xã theo chế độ thảo luận tập thể và ra nghị quyết, không được trái với quy định của pháp luật, sự chỉ đạo của cấp trên, cụ thể trên các lĩnh vực: kinh tế; văn hóa, y tế, giáo dục và đời sống; quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội; chính sách dân tộc, tôn giáo; quản lý địa giới hành chính và thực thi pháp luật; xây dựng chính quyền địa phương; thực hiện chức năng giám sát.

HĐND các xã không có các ban chuyên trách nên việc thực hiện các nhiệm vụ chức năng của HĐND thông qua hoạt động của đại biểu và qua các kỳ họp 2 lần/năm.

Ủy ban nhân dân xã

UBND xã vừa là cơ quan hành chính ở xã, vừa là cơ quan chấp hành của HĐND xã.

UBND xã có nhiệm vụ thực hiện quản lý Nhà nước toàn diện các lĩnh vực trên địa bàn xã, tổ chức thực hiện nghị quyết của HĐND xã và các quy định chỉ thị của UBND cấp trên, các chính sách pháp luật của Nhà nước.

UBND xã có chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền trong việc thực hiện các biện pháp để triển khai đạt kết quả các công việc mà nghị quyết HĐND xã ban hành trên các lĩnh vực: kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục, xã hội và đời sống, lĩnh vực quốc

phòng, an ninh trật tự, an toàn xã hội, chính sách đoàn kết dân tộc, tôn giáo, xây dựng chính quyền, thi hành pháp luật...

UBND xã hoạt động theo nguyên tắc tập trung - dân chủ, tập thể lãnh đạo - cá nhân phụ trách. UBND xã có bộ máy tổ chức cán bộ gồm: Chủ tịch, phó chủ tịch, các ủy viên phụ trách và các công chức chuyên môn.

Với mô hình tổ chức chính quyền cấp xã gồm HĐND và UBND vừa đảm bảo thực hiện quyền quản lý thống nhất của nhà nước, vừa đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân. Chính quyền xã là hệ thống quyền lực có quan hệ trực tiếp nhất với nhân dân, có phạm vi ảnh hưởng rộng rãi trên tất cả các mặt của đời sống xã hội: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... Do đó chính quyền xã là bộ phận quan trọng nhất trong bộ máy nhà nước, là lực lượng trung tâm, nòng cốt của HTCT ở nông thôn, mọi chủ trương, quyết định chỉ thị, hướng dẫn... của cơ quan nhà nước cấp trên có được triển khai, triển khai như thế nào, hiệu quả đến đâu đều phải thông qua chính quyền cấp xã. Nhân dân có tin tưởng, gắn bó với Đảng, nhà nước với chế độ xã hội hay không cũng thông qua hoạt động, hiệu quả hoạt động của chính quyền và đặc biệt là quan hệ của chính quyền và cán bộ, công chức của chính quyền xã với dân trong việc giải quyết những nhu cầu dân sinh, dân chủ, dân quyền. Mặt khác, nhân dân là nguồn sức mạnh của chính quyền xã, bao nhiêu sức mạnh đều ở nhân dân, bao nhiêu quyền lực đều của dân. Quyết định đến tính hiệu quả của chính quyền, chính quyền xã phải phát huy vai trò lãnh đạo tổ chức, đoàn kết toàn dân, quy tụ lòng dân, phát huy tinh thần làm chủ của dân, truyền thống của quê hương, để thực hiện được mục tiêu xây dựng phương hướng phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt là cần gần dân, sát dân. Những vấn đề trong Đảng tùy thuộc rất lớn vào trình độ, phẩm chất, năng lực quản lý điều hành của chính quyền xã.

Chính quyền xã với nhân dân không chỉ quản lý hành chính mà còn phải tập hợp phát huy đầy đủ quyền tự chủ, tự quyết (dân là chủ), được biết (dân biết), được bàn bạc (dân bàn), được tham gia thực hiện (dân làm) và kiểm tra (dân kiểm tra) các quá trình kinh tế - xã hội, văn hóa ở địa phương của người dân.

2.1.3.3. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội

MTTQ và các đoàn thể chính trị xã hội là bộ phận hợp thành HTCT ở xã bao gồm: MTTQ, Hội nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh. MTTQ và các đoàn thể chính trị xã hội của xã chăm lo, bảo vệ lợi ích chính đáng của các tầng lớp nhân dân, đoàn kết tập hợp nhân dân phát huy vai trò làm chủ, thực hiện đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tham gia củng cố công tác chính trị, giám sát việc thực thi dân chủ. Thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh của địa phương.

MTTQ và các đoàn thể chính trị xã hội là lực lượng nòng cốt đi đầu trong các phong trào vận động quần chúng tham gia bảo vệ an ninh xã hội, trật tự an toàn xã hội, môi trường, xây dựng nếp sống văn hóa, phát triển kinh tế - xã hội ở xã, xây dựng xã hội mới ở nông thôn.

MTTQ và các đoàn thể chính trị xã hội hoạt động theo quy định của hiến pháp và pháp luật, được tổ chức theo hệ thống từ trung ương đến cơ sở, đại diện và bảo vệ lợi ích chính đáng của tầng lớp nhân dân, được tổ chức chặt chẽ theo điều lệ, nguyên tắc và luật, theo chức năng, nhiệm vụ được quy định.

MTTQ xã có chức năng, nhiệm vụ: Tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia quản lý Nhà nước, chấp hành điều phối nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các nhiệm vụ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, ở địa phương dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy và sự điều hành của chính quyền xã.

MTTQ phối hợp với HĐND và UBND xã tổ chức bầu cử đại biểu HĐND các cấp, đại biểu Quốc hội đảm bảo dân chủ, đúng pháp luật.

MTTQ phối hợp với các đoàn thể chính trị xã hội thành viên tổ chức cho nhân dân thực hiện, giám sát việc tuân thủ chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, chính quyền, đại biểu HĐND, cán bộ - công chức xã.

MTTQ chủ trì các hội nghị tiếp xúc cử tri đại biểu HĐND các cấp, lấy ý kiến của nhân dân tham gia góp ý vào dự thảo hiến pháp, luật, các nghị quyết của HĐND, đề nghị HĐND bãi miễn đại biểu HĐND không hoàn thành nhiệm vụ, có

sai phạm nghiêm trọng về pháp luật, suy thoái về phẩm chất đạo đức, không còn được cử tri tín nhiệm.

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã, là tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên, là đội dự bị tin cậy của Đảng, do Đảng ủy xã, Đoàn cấp trên lãnh đạo; hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật, có hệ thống tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ Đoàn.

Nhiệm vụ của Đoàn xã là: tập hợp, giáo dục thanh thiếu niên, tổ chức các hoạt động thu hút thanh thiếu niên của xã giúp họ rèn luyện, phát triển nhân cách, năng lực của công dân; chăm lo, bảo vệ quyền lợi của thiếu nhi, của Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh.

Đoàn là người đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền lợi của tuổi trẻ, là tổ chức của thanh niên, vì thanh niên.

Đoàn xã có trách nhiệm vận động thanh niên, đoàn viên thanh niên trong xã tích cực, sáng tạo hăng hái tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, là lực lượng tiên phong trong xây dựng NTM, tích cực làm giàu cho bản thân và đóng góp cho xã hội.

Hội Liên hiệp phụ nữ xã có chức năng tập hợp, đoàn kết các tầng lớp phụ nữ trong việc phát huy truyền thống văn hóa, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội, tích cực hoạt động, sáng tạo góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, xây dựng đời sống văn hóa, tinh thần, gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa, xóa đói giảm nghèo, giải phóng phụ nữ vì sự bình đẳng và tiến bộ của phụ nữ...

Hội Liên hiệp phụ nữ xã là tổ chức đại diện và bảo vệ quyền lợi chính đáng của phụ nữ nông thôn.

Hội Nông dân xã có chức năng đại diện quyền lợi hợp pháp của nông dân. Hội nông dân thực hiện mục tiêu CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn hiện nay.

Nhiệm vụ chủ yếu của Hội Nông dân xã là: tham gia thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, giúp nông dân phát triển sản xuất, vay vốn, chuyển giao khoa học - kỹ thuật cho nông dân, vấn đề tiêu thụ sản phẩm, nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp, xây dựng NTM, xây dựng chính quyền...

Hội Cựu chiến binh: là chỗ dựa tin cậy của chính quyền xã, nêu gương tốt trong lao động sản xuất, đi đầu trong việc giáo dục phát huy truyền thống cách mạng, giữ gìn an ninh trật tự xã hội ở khu dân cư, gương mẫu thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, quy chế dân chủ ở cơ sở.

2.1.4. Cán bộ, công chức xã

Cán bộ xã là những người giữ chức vụ được bầu: bí thư, phó bí thư đảng ủy, chủ tịch, phó chủ tịch HĐND, UBND và ủy viên ủy ban, trưởng, phó các tổ chức chính trị - xã hội.

Cán bộ xã là lực lượng nòng cốt, trụ cột trong vai trò lãnh đạo nhân dân triển khai, thực hiện mọi chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội cũng như đảm bảo đời sống nhân dân xã. Cán bộ xã được nhân dân tín nhiệm bầu theo chức danh và giữ nhiệm kỳ 5 năm. Họ là những người có đầy đủ tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệt huyết, trách nhiệm, sáng tạo, có năng lực tổ chức, động viên, có sức lôi cuốn quần chúng tham thực hiện nhiệm vụ chính trị của xã. Cán bộ xã là người đi đầu, mẫu mực, được nhân tin cậy và làm theo, phải chịu trách nhiệm trước nhân dân về kết quả phát triển kinh tế - xã hội của xã. Có thể nói: cán bộ nào, phong trào ấy.

Công chức xã là những người được tuyển dụng theo quy định của pháp luật để thực thi công vụ quản lý nhà nước ở lĩnh vực chuyên môn trên địa bàn xã, gồm có: Trưởng công an, Chỉ huy trưởng Quân sự, Văn phòng - Thống kê, Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường, Tài chính - kế toán, Tư pháp - hộ tịch, Văn hóa - xã hội. Họ giữ vai trò quan trọng lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội và tiếp tục xây dựng xã NTM bền vững, ngày càng phát triển.

Công chức xã là những người được tuyển dụng theo quy định của pháp luật, làm công tác chuyên môn thuộc biên chế của UBND xã, có trách nhiệm tham mưu, giúp UBND xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác được phân công và thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch UBND xã giao. Họ phải có đủ các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 3 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn như lý luận chính trị,

trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn, năng lực tổ chức vận động nhân dân sự am hiểu và tôn trọng phong tục, tập quán của cộng đồng dân cư trên địa bàn công tác...

Xã là cấp tổ chức, triển khai, thực hiện, đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước vào thực tiễn cuộc sống. Cán bộ, công chức xã phải có năng lực hành động, tổ chức triển khai nhiệm vụ trên cơ sở nắm chắc kiến thức lý luận, pháp luật, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước. Đặc biệt cán bộ, công chức cấp xã phải có phương pháp, có kiến thức chuyên môn theo lĩnh vực phụ trách, có nghiệp vụ và trách nhiệm cao, năng động, sáng tạo... Có như vậy từ các chủ trương chỉ đạo của cấp trung ương đến địa phương (tỉnh) - cơ sở (xã) mới thông suốt, hiệu quả. Mặt khác từ thực tiễn tổ chức hành động phải tổng kết được kinh nghiệm, bổ sung cho lý luận, đồng thời từ thực tiễn đặt ra những yêu cầu mới, những vấn đề đòi hỏi phải nghiên cứu lý luận để trả lời. Do đó cán bộ xã rất cần thiết phải có khả năng tổng kết, đúc rút kinh nghiệm thực tiễn, phát hiện những vấn đề mới đặt ra trong thực tiễn để nghiên cứu cơ sở lý luận, cơ sở khoa học.

Xã là địa bàn dân cư sinh sống và sản xuất, cán bộ xã được sinh ra và trưởng thành tại xã nên gắn bó ổn định lâu dài với dân, có quan hệ họ hàng, bà con với nhiều người dân trong xã, cán bộ xã bám sát dân, sống và làm việc cùng với dân, thấu hiểu dân, hằng ngày trực tiếp gắn bó, làm việc với dân nên học được nhiều điều bổ ích, thiết thực cho công việc từ chính người dân. Người dân cũng có điều kiện hiểu rõ nhất, đánh giá đúng, thường xuyên theo dõi giám sát quá trình sống, làm việc, năng lực, trình độ, phẩm chất của cán bộ xã.

Cán bộ xã có những thuận lợi cơ bản, có nhiều lợi thế để tránh rơi vào tình trạng quan liêu, tham nhũng, tha hóa về phẩm chất đạo đức, lối sống hoặc giảm thiểu đáng kể những tồn tại do quan liêu, tham nhũng gây ra. Mặt khác cộng đồng dân cư của xã với số lượng hàng ngàn dân, với sự đa dạng, phức tạp, nhiều vấn đề đặt ra cần cán bộ xã giải quyết: Muu sinh, việc làm, lợi ích, vấn đề văn hóa, đạo đức, truyền thống, trật tự, an ninh, những vấn đề về an sinh xã hội... phải giải quyết cụ thể, thiết thực, đáp ứng nhu cầu chính đáng của họ. Xét đến cùng, xã là xã hội thu nhỏ với đầy đủ các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

2.1.5. Mối quan hệ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị xã

Trong HTCT, mỗi tổ chức có chức năng, nhiệm vụ cách thức tổ chức và phương thức hoạt động khác nhau nhưng mục tiêu chung của các tổ chức thành viên là cùng hướng tới sự hoàn thành nhiệm vụ chính trị, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức thành viên nhằm thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển địa phương là hoạt động của HTCT xã.

Các thành viên của HTCT xã cùng tồn tại, cùng hoạt động trên địa bàn lãnh thổ dân cư của đơn vị hành chính xã.

Các thành viên của HTCT xã hoạt động trong khuôn khổ của hiến pháp, pháp luật và sự quản lý điều hành của chính quyền địa phương.

Các thành viên của HTCT xã hoạt động dưới sự lãnh đạo thống nhất của tổ chức Đảng cơ sở về các nội dung: phương hướng, phương thức hoạt động, công tác tổ chức cán bộ.

Các thành viên của HTCT xã hoạt động mang tính độc lập tương đối theo chức năng, nhiệm vụ nhưng vẫn phải phối hợp với nhau, tạo nên sự thống nhất, thông suốt trong hệ thống.

Các thành viên của HTCT xã có vai trò, chức năng nhiệm vụ riêng và có quan hệ mật thiết hữu cơ với nhau tạo thành hệ thống, biểu hiện:

- Trong sự thống nhất của HTCT, Đảng là hạt nhân giữ vai trò lãnh đạo hệ thống, lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể, chính quyền là lực lượng chủ đạo giữ vai trò quản lý điều hành, là cơ quan quyền lực nhà nước trực tiếp tổ chức đời sống mọi mặt, phát huy mọi tiềm năng để phát triển kinh tế - xã hội; các đoàn thể chính trị - xã hội là tổ chức đại diện quyền làm chủ của các tầng lớp nhân dân, là cầu nối giữa nhân dân với Đảng, chính quyền, đại biểu cho lợi ích chính đáng của các tầng lớp nhân dân.

- Mối quan hệ công tác giữa các tổ chức Đảng - chính quyền - đoàn thể ở xã được thực hiện theo chiều dọc và chiều ngang. Theo chiều dọc, đó là sự lãnh đạo nhà nước một cách thống nhất và tuyệt đối của Đảng từ Trung ương đến cơ sở, đồng

thời mỗi tổ chức cũng được tổ chức, lãnh đạo quản lý điều hành theo thứ cấp: trung ương - tỉnh (thành phố) - huyện (quận) - xã (phường, thị trấn) theo nguyên tắc: cấp dưới phục tùng cấp trên, chịu sự lãnh đạo của cấp trên trực tiếp của tổ chức mình. Theo chiều ngang là quan hệ đồng cấp, phối hợp giữa các tổ chức của HTCT trong việc thực hiện mục tiêu chung, trong các công tác của xã.

2.1.5.1. Quan hệ giữa Đảng và chính quyền

Bản chất mối quan hệ giữa Đảng - chính quyền xã là: Đảng lãnh đạo chính quyền thông qua Đảng ủy xã bằng việc ban hành các nghị quyết lãnh đạo và đưa đảng viên giữ các chức vụ chủ chốt quan trọng của chính quyền. Chính quyền thực hiện nghị quyết bằng các hoạt động chỉ đạo, các biện pháp quản lý nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân tham gia quản lý hoạt động kinh tế, xã hội, văn hóa.

Đảng ủy xã thực hiện sự lãnh đạo đối với HĐND, UBND xã bằng nghị quyết, các biện pháp, bố trí cán bộ, đảng viên phụ trách công tác trong HĐND, UBND.

HĐND ban hành nghị quyết cụ thể hóa nghị quyết của đảng ủy, trên cơ sở đó UBND xã chấp hành, tổ chức thực hiện theo chức năng, quyền hạn như luật định.

Căn cứ vào nghị quyết của Đại hội đảng bộ và nghị quyết của HĐND xã, UBND xây dựng kế hoạch cụ thể phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách hàng năm, trình HĐND xem xét quyết định.

06 tháng/lần UBND báo cáo trước Đảng ủy, HĐND xã về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các chủ trương do Đảng bộ đã đề ra.

Hiện nay, hầu hết các xã đều thực hiện mô hình Bí thư Đảng ủy xã đồng thời là chủ tịch HĐND, vừa hiệu quả, vừa tập trung quyền lực, thống nhất cao sự lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền và quy định được trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu. Bí thư vừa chủ trì quyết định chủ trương, vừa trực tiếp chủ trì hoạt động của HĐND, được nhân dân bầu ra thông qua bầu cử trực tiếp, vì vậy ý Đảng, lòng dân được gắn kết chặt chẽ. Phó Bí thư Đảng ủy xã đồng thời là Chủ tịch UBND là người đứng đầu cơ quan hành chính của xã. Bí thư có quyền yêu cầu Phó Bí thư -

chủ tịch UBND xã báo cáo, có quyền chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra giám sát chủ tịch xã thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Trên thực tế các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể ở xã có sự phối hợp thường xuyên, hằng ngày để tổ chức chỉ đạo thực hiện mọi công tác quản lý ở xã. Để đảm bảo tốt sự lãnh đạo của Đảng, Đảng ủy phải ban hành các nghị quyết đúng, trúng, kịp thời, đáp ứng yêu cầu đặt ra ở địa phương, đồng thời sự phối hợp giữa những người lãnh đạo Đảng, chính quyền phải thống nhất nhịp nhàng, tuân thủ nguyên tắc trong quan hệ công tác, tính chủ động và đúng thẩm quyền. Điều này đòi hỏi đội ngũ cán bộ Đảng, chính quyền, đặc biệt là người lãnh đạo đứng đầu phải có năng lực lãnh đạo, phẩm chất đạo đức trong sáng, có trình độ tổ chức - quản lý giỏi, có uy tín cao trước Đảng, nhân dân.

2.1.5.2. Quan hệ giữa Đảng với tổ chức chính trị - xã hội cấp xã

Các đoàn thể chính trị - xã hội phải phục tùng sự lãnh đạo của Đảng ủy xã. Ban chấp hành, các tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm báo cáo với Đảng ủy xã và tổ chức cấp trên để xin ý kiến chỉ đạo. Đảng ủy xã lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội bằng chủ trương, quan điểm, nghị quyết, chỉ đạo trực tiếp, công tác cán bộ, đôn đốc, kiểm tra... Mặt khác, các tổ chức chính trị - xã hội có tính độc lập tương đối, phát huy tính chủ động sáng tạo để vận động các tầng lớp quần chúng tích cực tham gia phát triển kinh tế - xã hội của xã, đồng thời có trách nhiệm bảo vệ quyền lợi chính đáng của họ, phản ánh đầy đủ tâm tư, nguyện vọng, sáng kiến của nhân dân trong phong trào thực tiễn để bổ sung cho những quyết định của Đảng ủy.

2.1.5.3. Quan hệ giữa chính quyền với các đoàn thể

Mối quan hệ HĐND và UBND với các đoàn thể chính trị - xã hội ở xã rất quan trọng. MTTQ là cơ sở chính trị của chính quyền, là nơi tập hợp lực lượng, động viên các tầng lớp nhân dân trong việc xây dựng chính quyền, thực hiện các chương trình, mục tiêu do Đảng bộ và HĐND xã đề ra. MTTQ chủ trì hiệp thương, lập danh sách các ứng cử viên để dân bầu vào HĐND, là thành viên của hội đồng bầu cử, tham gia tổ chức giám sát cuộc bầu cử HĐND xã.

06 tháng/lần HĐND xã phải thông báo bằng văn bản về tình hình hoạt động và kiến nghị MTTQ xã. Ngược lại, trong kỳ họp HĐND, đại diện MTTQ, các đoàn

thể chính trị - xã hội thông báo, trao đổi về hoạt động của mình trong việc xây dựng chính quyền, về những vấn đề liên quan; tham dự các cuộc họp của UBND xã.

Tuy có những quy định mang tính hành chính khá chặt chẽ trong mối quan hệ giữa các thành viên của HTCT xã nhưng trên thực tế việc phối hợp của các thành viên vẫn còn những khó khăn hạn chế, chưa tạo ra sức mạnh tổng hợp.

Ở cấp xã, mối quan hệ Đảng lãnh đạo - Nhà nước quản lý - các đoàn thể nhân dân tham gia giám sát đang cần có một quy định về cơ chế phân định rõ ràng, rạch ròi về chức năng, thẩm quyền và sự thông suốt của các cơ chế đó với đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực trình độ lãnh đạo quản lý điều hành. Tránh chồng chéo, mâu thuẫn, dễ làm, khó bỏ... tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống.

2.1.5.4. Mối quan hệ của các thành viên hệ thống chính trị xã được thể hiện trong quy chế dân chủ ở cơ sở

Dân chủ ở cơ sở đã được Đảng ta đặc biệt quan tâm chỉ đạo trong toàn Đảng và được chính phủ cụ thể hóa rất rõ ràng với các thành viên của HTCT và mối quan hệ giữa các thành viên, mối quan hệ của HTCT với dân, đảm bảo dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra.

Đảng ủy xã có trách nhiệm lãnh đạo HTCT thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, xây dựng được mối quan hệ khăng khít giữa Đảng (lãnh đạo) - chính quyền (quản lý) - các đoàn thể chính trị - xã hội (nhân dân làm chủ).

Mối quan hệ giữa chính quyền xã với đoàn thể chính trị - xã hội (MTTQ Việt Nam và các đoàn thể) ở xã là mối quan hệ phối hợp cộng tác.

MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội có trách nhiệm tập hợp, động viên các tầng lớp nhân dân thực hiện các quy định của pháp luật và các quy định của chính quyền, giúp chính quyền hoàn thành chức năng, nhiệm vụ của mình. Ngược lại chính quyền phải tạo điều kiện thuận lợi để MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội hoàn thành chức trách nhiệm vụ của mình cùng tác động đến nhân dân theo các phương thức khác nhau, có tác dụng hỗ trợ lẫn nhau. Phương thức chủ yếu của chính quyền là trên cơ sở pháp luật, dựa vào pháp luật bằng các biện pháp hành chính, còn MTTQ và các đoàn thể nhân dân dựa vào tính tự nguyện của đoàn viên,

hội viên, tổ chức thuyết phục, động viên đoàn viên, hội viên và nhân dân thi hành chính sách.

Chính quyền xã có trách nhiệm phối hợp với MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội cung cấp đầy đủ thông tin để nhân dân được biết, được quyết định, được bàn bạc, được kiểm tra, giám sát.

Hình thức cung cấp thông tin cho nhân dân là: Văn bản niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã và trung tâm dân cư, trung tâm văn hóa qua hệ thống truyền thanh, các hình thức thông tin, tuyên truyền, các cuộc tiếp xúc cử tri, các kỳ họp HĐND xã, các cuộc họp của MTTQ và các tổ chức đoàn thể.

2.2. XÃ NÔNG THÔN MỚI

2.2.1. Khái niệm

2.2.1.1. Nông thôn

Theo Từ điển Tiếng Việt, nông thôn “là khu vực dân cư tập trung chủ yếu làm nghề nông; phân biệt với thành thị” [49, tr.740]

Hoàng Chí Bảo đưa ra khái niệm chi tiết hơn về nông thôn: “Nông thôn là khái niệm chỉ hệ thống cộng đồng lãnh thổ được hình thành trong quá trình phân công lao động xã hội mà ở đó lao động nông nghiệp chiếm tỉ trọng cao, mối quan hệ cộng đồng chặt chẽ; do vậy, lối sống, phương thức sống của cộng đồng dân cư nông thôn khác biệt cộng đồng dân cư thành thị” [10, tr.16].

Đến nay, khái niệm nông thôn được thống nhất với quy định tại Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21/8/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể: "Nông thôn là phần lãnh thổ không thuộc nội thành, nội thị các thành phố, thị xã, thị trấn được quản lý bởi cấp hành chính cơ sở là UBND xã".

Nông thôn là danh từ để chỉ những vùng đất trên lãnh thổ Việt Nam, ở đó, người dân sinh sống chủ yếu bằng nông nghiệp, có sự khác biệt với thành thị. Phân biệt giữa nông thôn và thành thị dựa vào các đặc trưng sau:

Thứ nhất, về giai cấp, tầng lớp xã hội, ở nông thôn chủ yếu là nông dân, ngoài ra còn có các giai cấp, tầng lớp khác như thợ thủ công, buôn bán nhỏ hay phú nông, địa chủ ở xã hội phong kiến.

Thứ hai, về sản xuất chủ yếu là sản xuất nông nghiệp.

Thứ ba, về lối sống, nông thôn gắn với lối sống văn hóa cộng đồng làng xã tạo nên sự khác biệt với thành thị về phong tục, tập quán, hệ giá trị, chuẩn mực hành vi, lối sống gia đình... về xã hội và tương tác xã hội, dân số...

Ở Việt Nam, cho đến tháng 6 năm 2018, có đến 64,5% dân số sống ở vùng nông thôn [98]. Con số này những năm trước còn lớn hơn nhiều. Chính vì thế cuộc sống và tổ chức nông thôn ảnh hưởng rất mạnh mẽ đến toàn xã hội. Nông thôn là khu vực rộng lớn và lâu đời ở nước ta. Cùng với sự phát triển của dân tộc, nông thôn Việt Nam cũng không ngừng biến đổi, phát triển qua các thời kỳ.

Hiện nay, nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, đảm bảo an ninh lương thực, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo quốc phòng - an ninh; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước.

2.2.1.2. Khái niệm xã nông thôn mới

Cho đến nay, chưa có một định nghĩa chính thức nào về NTM. Nông thôn vừa là địa bàn lớn, tồn tại lâu đời, có số lượng cư dân chiếm tỷ lệ đông đảo và có vai trò quan trọng, to lớn trong sự nghiệp phát triển đất nước. Do đó, Đảng, nhà nước ta luôn luôn quan tâm, có nhiều chủ trương, chính sách nhằm phát triển khu vực rộng lớn này theo hướng văn minh, hiện đại. Nghĩa là làm cho nông thôn Việt Nam luôn thay đổi, có sự phát triển mới theo xu hướng tiến bộ so với nông thôn cũ.

Thuật ngữ nông thôn mới được sử dụng từ Đại hội Đảng lần thứ IV. Tuy vậy, ở từng thời kỳ lịch sử, có sự khác nhau về mặt bản chất khái niệm. Đầu tiên, NTM là nông thôn xã hội chủ nghĩa, được sử dụng như một trình độ phát triển vượt bậc so với nông thôn nhỏ lẻ, manh mún, bị tàn phá bởi chiến tranh, thiếu khả năng đáp ứng các nhu cầu thiết yếu về lương thực, thực phẩm và cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp và đặc biệt là bị xen lấn các yếu tố tư bản chủ nghĩa ở Miền Nam trước khi đất nước thống nhất. Cách hiểu này chỉ mới dừng lại ở loại hình lý tưởng, còn chung chung, định tính, chưa được làm rõ về nội hàm khái niệm, chưa có tiêu chí cụ thể. Tiếp đó, từ Đại hội Đảng lần thứ VII (6/1991), NTM xã hội chủ nghĩa được nhắc lại với nghĩa là một nhiệm vụ bên cạnh phát triển nông nghiệp và chăm

lo các vấn đề xã hội. Nghị quyết 26-NQ/TW, Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về Nông nghiệp, nông dân, nông thôn ngày 5/8/2008 được xem là khởi đầu cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. NTM gắn với phát triển nông nghiệp được nhấn mạnh là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế - xã hội, chú trọng vai trò của hộ nông dân và cư dân nông thôn, nhấn mạnh vai trò nông dân với tư cách là người chủ và hưởng lợi của quá trình xây dựng NTM, vấn đề xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội được gắn chặt với “văn hóa mới”, “tiến bộ xã hội” như giáo dục, sức khỏe, giảm nghèo đói; gắn với việc quy hoạch xã hội nông thôn một cách hợp lý để làm nền cho phát triển kinh tế. Theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020“, xã đạt chuẩn NTM phải được cấp có thẩm quyền công nhận với bộ tiêu chí cụ thể.

Hiện nay, Quyết định 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới” chia NTM theo các cấp hành chính: xã NTM, huyện NTM và tỉnh NTM. Theo đó, để đạt xã NTM, một địa phương phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn từ 5 lĩnh vực lớn là: quy hoạch, hạ tầng kinh tế - xã hội, kinh tế và tổ chức sản xuất, văn hóa - xã hội - môi trường, và HTCT, được cụ thể hóa bằng 19 tiêu chí lớn và 39 tiêu chí nhỏ.

So với nông thôn truyền thống, NTM là một trạng thái phát triển cao, toàn diện của xã hội nông thôn, kết hợp đầy đủ các khía cạnh từ kinh tế, sản xuất tới phát triển văn hóa, giáo dục, môi trường, kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội và HTCT. Ở NTM, đời sống của người dân được nâng cao cả về vật chất lẫn văn hoá, tinh thần; khoảng cách giữa thành thị và nông thôn được thu hẹp; người nông dân tin tưởng tuyệt đối vào Đảng và Nhà nước, họ được học tập, chuyển giao, làm chủ khoa học - kỹ thuật hiện đại, có điều kiện thể hiện được rằng mình là chủ NTM; Các xã NTM có sự phát triển toàn diện, bền vững, cơ sở hạ tầng được xây dựng đồng bộ, ngày càng hiện đại theo quy hoạch, gắn kết hợp lý giữa nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ. Nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc, môi trường sinh thái

được bảo vệ. Sức mạnh của HTCT ngày càng được củng cố, quốc phòng - an ninh được giữ vững.

Như vậy, có thể hiểu, *xã nông thôn mới là khu vực nông thôn có kinh tế phát triển toàn diện, bền vững; có cơ sở hạ tầng được xây dựng đồng bộ, hiện đại, phát triển theo quy hoạch; nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc, môi trường sinh thái, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo vệ; nông dân là chủ, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ khoa học, kỹ thuật tiên tiến, đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần không ngừng được nâng cao; hệ thống chính trị vững mạnh, đã hoàn thành 19 tiêu chí và được cấp có thẩm quyền ra quyết định công nhận.*

2.2.2. Đặc trưng xã nông thôn mới

So với các xã nông thôn truyền thống và các xã xây dựng NTM chưa đạt chuẩn, xã NTM khi đã được công nhận đạt chuẩn bao gồm các đặc trưng:

Một là, Kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn tiếp tục được nâng cao.

Kinh tế là nền tảng, là mục tiêu, động lực phát triển của xã. Phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững theo hướng sản xuất hàng hóa là yêu cầu, nội dung quan trọng hàng đầu của việc tiếp tục nâng cao chất lượng của xã NTM, đảm bảo tạo việc làm và tăng thu nhập cho cư dân nông thôn, hạn chế việc di dân tự phát từ nông thôn ra thành thị, đời sống người dân được nâng cao, bảo vệ và làm giàu môi trường sinh thái và cảnh quan, duy trì và bảo tồn nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc.

Xã NTM phải phát triển kinh tế với quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội ngày càng hoàn thiện, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng CNH, HĐH có hiệu quả thiết thực vững chắc, sản xuất hàng hóa tập trung với quy mô ngày càng lớn, cơ cấu kinh tế tương đối ổn định. Cơ cấu kinh tế của xã NTM chủ yếu là cơ cấu ngành nghề sản xuất được đổi mới gắn nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị theo quy hoạch là căn bản, phát triển toàn diện, HĐH nông nghiệp là then chốt.

Ở xã NTM, nông nghiệp phải có năng suất, chất lượng cao hơn, theo hướng sản xuất hàng hóa, mỗi xã có một sản phẩm hàng hóa đặc thù. Khác với nông thôn

truyền thống, sản xuất nông nghiệp ở NTM bao gồm cơ cấu các ngành nghề mới, các điều kiện sản xuất HDH, ứng dụng phổ biến khoa học - kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất, phát triển ngành nghề truyền thống.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý trên cơ sở phù hợp với điều kiện khách quan và điều kiện chủ quan, đảm bảo cho nền kinh tế phát triển với quy mô sản xuất ngày càng lớn, cho năng suất và sản lượng cao. Đồng thời phải gìn giữ được bản sắc văn hóa của địa phương, bảo đảm không phá vỡ cảnh quan làng xã đã được hình thành trong lịch sử.

Hai là, nông thôn phát triển theo quy hoạch, có kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội hiện đại, môi trường sinh thái được bảo vệ

Quy hoạch NTM bao gồm quy hoạch định hướng phát triển không gian; quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ; quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường theo chuẩn mới; quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp. Công tác lập quy hoạch NTM phải phù hợp với các tiêu chí về quy hoạch theo Quyết định số 491/QĐ-TTg, phải tuân thủ các đồ án quy hoạch cấp trên đã được phê duyệt (quy hoạch vùng Huyện, vùng Tỉnh, Quy hoạch chung đô thị ...). Quy hoạch NTM được duyệt là cơ sở để quản lý sử dụng đất, lập dự án xây dựng NTM trên địa bàn. Quy hoạch NTM bao gồm:

- Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ.

Quy hoạch sử dụng đất: Xác định cụ thể diện tích các loại đất trên địa bàn xã đã được huyện phân bổ; Xác định diện tích đất cho nhu cầu phát triển, cụ thể: diện tích đất lúa nương, đất trồng cây hàng năm còn lại, đất nông nghiệp khác, đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp của xã, đất nghĩa trang, nghĩa địa do xã quản lý, đất sông, suối, đất phát triển hạ tầng của xã và đất phi nông nghiệp khác; cần xác định diện tích những loại đất khi chuyển mục đích sử dụng phải xin phép theo quy định của pháp luật hiện hành. Xác định diện tích các loại đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng. Lập kế hoạch sử dụng đất: Phân chia các chỉ tiêu sử dụng đất theo mục đích

sử dụng, diện tích đất phải chuyển mục đích sử dụng, diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.

- Quy hoạch sản xuất.

+ Quy hoạch sản xuất nông nghiệp: Xác định tiềm năng, quy mô của từng loại hình sản xuất (những cây trồng, vật nuôi hiện là thế mạnh của địa phương và định hướng những cây trồng, vật nuôi mới phù hợp với điều kiện sản xuất tại địa phương; dự báo khả năng sản xuất, sản lượng theo từng giai đoạn; Định hướng phát triển đầu ra cho sản phẩm đem lại giá trị kinh tế cao, có giá trị trên thị trường); Phân bổ khu vực sản xuất nông nghiệp hàng hóa ngành trồng trọt (lúa, màu, cây công nghiệp, cây ăn quả); khu chăn nuôi; khu nuôi trồng thủy sản; nhà xưởng bảo quản, chế biến; công nghiệp và dịch vụ. Hạng mục quy hoạch phải rõ vị trí theo thôn, bản; Xác định mạng lưới hạ tầng gồm: giao thông nội đồng (thể hiện đường đến lô diện tích 1ha trở lên); thủy lợi (kênh mương tự nhiên và nhân tạo đến kênh cấp, hệ thống điện hạ thế phục vụ sản xuất, hệ thống cấp và thoát nước thải khu ao nuôi thủy sản; Giải pháp chủ yếu để phát triển đạt yêu cầu của quy hoạch.

+ Quy hoạch sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ: Tiềm năng phát triển công nghiệp - dịch vụ: Tài nguyên, đất đai, lao động; Lựa chọn loại ngành công nghiệp, dịch vụ cần phát triển và giải pháp chủ yếu để đạt được mục tiêu xây dựng NTM; Xác định chỉ tiêu phát triển công nghiệp, dịch vụ của xã (tỷ trọng giá trị công nghiệp, dịch vụ trên giá trị tổng sản lượng sản xuất trên địa bàn). Giải pháp chủ yếu để đạt yêu cầu phát triển theo quy hoạch.

- Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường theo chuẩn mới

+ Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật gồm: giao thông, thoát nước, cấp nước, cấp điện, thoát nước thải, vệ sinh môi trường, nghĩa trang toàn xã, các thôn, bản và vùng sản xuất và liên xã, xác định hệ thống, vị trí, quy mô danh mục công trình, định hướng giải pháp cải tạo chỉnh trang, tiêu chuẩn kỹ thuật, mặt cắt chính đáp ứng yêu cầu phát triển của từng giai đoạn quy hoạch và bảo vệ môi trường.

+ Định hướng tổ chức hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật toàn xã kết nối các thôn với vùng sản xuất, với trung tâm xã và vùng liên xã (bao gồm hạ tầng

phục vụ sản xuất và phục vụ đời sống); đối với vùng nhiều sự cố thiên tai cần cảnh báo và nêu rõ các giải pháp phòng chống.

- Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp.

+ Xác định quy mô dân, số hộ theo đặc điểm sinh thái, tập quán văn hóa; công trình công cộng từng thôn, khu dân cư mới; Xác định hệ thống thôn và khu dân cư mới; Cơ cấu phân khu chức năng, tổ chức không gian; Yêu cầu, nguyên tắc, định hướng giải pháp tổ chức không gian kiến trúc, xác định vị trí, quy mô khu trung tâm thôn, dân cư tập trung; khu sản xuất, các khu vực có khả năng phát triển, hạn chế phát triển, khu vực không xây dựng và các nhu cầu khác; các vùng đặc thù, các công trình đầu mối, kết nối hạ tầng; Cải tạo chỉnh trang thôn xóm, nhà ở: phù hợp với điều kiện tự nhiên, khí hậu, kiến trúc, vật liệu truyền thống của địa phương;

+ Đối với vùng nhiều sự cố thiên tai cần cảnh báo và nêu rõ các giải pháp phòng chống cho người và gia súc.

+ Định hướng tổ chức hệ thống các công trình công cộng, bảo tồn công trình văn hoá lịch sử, xác định vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng cấp xã; các khu vực có tính đặc thù khác;

- Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã cần nghiên cứu các phương án cơ cấu tổ chức không gian, lựa chọn giải pháp phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội và hiện trạng của xã. Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã là căn cứ để triển khai các quy hoạch sản xuất, quy hoạch xây dựng và quy hoạch sử dụng đất.

Kết cấu hạ tầng nông thôn là một hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ nông nghiệp, nông thôn được tổ chức thành các đơn vị sản xuất và dịch vụ, các công trình sự nghiệp có khả năng bảo đảm sự di chuyển các luồng thông tin, vật chất nhằm phục vụ nhu cầu có tính phổ biến của sản xuất đại chúng, của sinh hoạt dân cư nông thôn nhằm đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

Kết cấu hạ tầng phát triển mở ra khả năng thu hút các luồng vốn đầu tư đa dạng cho phát triển kinh tế - xã hội;

Kết cấu hạ tầng phát triển đồng bộ, hiện đại là điều kiện để phát triển các vùng kinh tế động lực, các vùng trọng điểm; phát triển văn hóa - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Trong xã NTM, kết cấu hạ tầng phục vụ mục đích lưu thông hàng hoá; giao lưu, đi lại của nhân dân; phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đảm bảo môi trường tự nhiên, môi trường sinh thái phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, đời sống dân sinh, nâng cao chất lượng cuộc sống về vật chất và tinh thần của người dân trên địa bàn xã; đảm bảo cho HTCT ở xã hoạt động và góp phần hết sức quan trọng đối với quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, ổn định chính trị, tạo tiền đề vững chắc cho công cuộc xây dựng NTM.

Toàn bộ kết cấu hạ tầng có thể được phân chia thành nhiều loại khác nhau dựa trên các tiêu chí khác nhau như: hạ tầng kinh tế, hạ tầng phục vụ hoạt động xã hội; hạ tầng phục vụ quốc phòng, an ninh; hạ tầng trong công nghiệp, trong nông nghiệp....

Nhìn chung, hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn được chia làm hai nhóm:

Nhóm 1 là các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế, là tổ hợp của các công trình giao thông, thuỷ lợi, cung cấp vật tư, nguyên liệu...

Nhóm 2 là các công trình kết cấu hạ tầng xã hội, là tổ hợp của các công trình vật chất kỹ thuật có chức năng phục vụ đời sống cư dân nông thôn như các cơ sở y tế, văn hoá, trường học...

Vấn đề hoàn thiện quy hoạch, kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế... luôn phải đảm bảo yêu cầu về môi trường sinh thái. Điều này không cho phép các xã vì phát triển kinh tế mà làm mất chức năng vùng đệm, “lá phổi” của đô thị, đặc biệt là gây ô nhiễm ngay tại địa phương mình (nguồn nước, không khí, rác thải...)

Những yêu cầu về quy hoạch, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, môi trường sinh thái được bảo vệ là những tiêu chí được xác định rất rõ ràng, cụ thể trong Bộ tiêu chí của Chính phủ ban hành. Xã NTM phải tiếp tục duy trì, phát huy, nâng cao chất lượng của các tiêu chí này

Ba là, dân trí được nâng cao, bản sắc văn hóa dân tộc được giữ gìn và phát huy: NTM không chỉ là vấn đề kinh tế - xã hội, mà là vấn đề kinh tế - chính trị tổng hợp. Chương trình Xây dựng NTM, nông dân với tư cách là chủ thể không chỉ giúp

họ có niềm tin mà còn khiến họ trở nên tích cực, chăm chỉ, đoàn kết giúp đỡ nhau xây dựng nông thôn phát triển giàu đẹp, văn minh, dân chủ. Điều này thể hiện ở sự sáng tạo, tính chủ động, tích cực của nông dân, thể hiện và thực hành Quy chế dân chủ cơ sở. Nông dân được tiếp cận và tiếp thu nhiều thông tin, hiểu biết pháp luật, được học nhiều kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất. Nông dân phải chủ động cập nhật kiến thức về thị trường, về chính sách, pháp luật, về quản lý chất lượng, thương hiệu... và cả những vấn đề quốc tế đáp ứng yêu cầu của phát triển sản xuất.

Quá trình xây dựng NTM yêu cầu các xã phải đạt được tiêu chí nông thôn hiện đại nhưng không được phá vỡ những nét truyền thống, cảnh quan văn hóa truyền thống của nông thôn Việt Nam phải được bảo tồn, gìn giữ và phát huy.

Bốn là, an ninh tốt, quản lý dân chủ: Các xã nông thôn truyền thống vốn an toàn, trật tự, an ninh tốt, người dân có lối sống nghĩa tình, đoàn kết, thân thiện, yêu thương, đùm bọc, “tắt lửa, tối đèn có nhau”. Nhưng quá trình đô thị hóa đã và đang làm mất đi những nét đẹp truyền lâu đời vốn có đó của xã hội nông thôn. Tuy nhiên lối sống mới, hiện đại, văn minh là xu thế tất yếu ở xã NTM. Vấn đề HĐH nông thôn phải đồng thời với đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội. Tiếp tục xây dựng xã NTM văn minh, hiện đại, an ninh trật tự, an toàn xã hội là một trong những nhiệm vụ cơ bản của HTCT xã NTM.

Song hành với xã hội văn minh, hiện đại là quản lý dân chủ. Người dân phải được tiếp tục phát huy vai trò chủ thể trong mọi lĩnh vực, tăng cường giám sát, kiểm tra thông qua các tổ chức đoàn thể, Ban kiểm soát, Ban thanh tra nhân dân. Đối với chính quyền, HTCT thực hiện tốt Quy chế dân chủ, cơ chế dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, tôn trọng, lắng nghe ý kiến nhân dân, thực hiện cải cách hành chính, áp dụng khoa học - công nghệ trong công tác lãnh đạo, quản lý...

Năm là, chất lượng HTCT được nâng cao. HTCT xã có vai trò quan trọng hàng đầu, quyết định việc hoàn thành các tiêu chí NTM, xã được công nhận xã NTM. Xây dựng NTM được coi là cuộc cách mạng ở nông thôn trong giai đoạn hiện nay, nó không chỉ đạt được mục tiêu kinh tế mà căn bản làm thay đổi cả nhận thức và hành động của nông dân và HTCT xã. Một trong những tiêu chí phải đạt được trong xây dựng NTM là “hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh” (tiêu chí

số 18). Các xã đạt chuẩn NTM đều có HTCT xã trong sạch, vững mạnh, chất lượng tổ chức và hoạt động được nâng lên rõ rệt. HTCT xã NTM phải tiếp tục củng cố, hoàn thiện, phát huy vai trò lãnh đạo, quản lý với chất lượng, hiệu quả ngày càng cao, đáp ứng yêu cầu mới.

2.2.3. Xây dựng nông thôn mới

Xây dựng NTM là quá trình cộng đồng dân cư ở nông thôn đồng lòng xây dựng thôn, xã, gia đình của mình khang trang, sạch đẹp; phát triển sản xuất toàn diện; có nếp sống văn hoá, môi trường và an ninh được đảm bảo; thu nhập, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng cao. Chủ thể của quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng NTM là nông dân. Nghĩa là người nông dân chủ động, tích cực, quyết định kết quả (mức độ, chất lượng) của quá trình phát triển địa phương mình, đồng thời họ được thụ hưởng những thành quả do chính họ tạo nên.

Xây dựng NTM là một quá trình liên tục gắn liền với NTM nhằm đưa sản xuất nông nghiệp phát triển theo chiều sâu, hình thành một số vùng sản xuất chuyên canh tập trung; nhiều mặt hàng nông sản đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế; kết cấu hạ tầng nông thôn ngày một hoàn thiện, nhất là hệ thống giao thông, thủy lợi, điện, thông tin liên lạc, trường học, trạm y tế... đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe, nâng cao dân trí, phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân; Thương mại, dịch vụ vùng nông thôn không ngừng phát triển, góp phần quan trọng tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân vùng nông thôn, từ đó thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tích cực, tỷ trọng trong sản xuất nông nghiệp giảm dần, tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ; HTCT cơ sở ở nông thôn được củng cố; dân chủ cơ sở được phát huy; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội khu vực nông thôn ổn định.

Trong công cuộc đổi mới, CNH, HĐH đất nước, xây dựng NTM là một chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước nhằm CNH, HĐH nông thôn. Báo cáo chính trị tại Đại hội XI (2011) nêu rõ nhiệm vụ: “Xây dựng nông thôn mới theo hướng văn minh, giàu đẹp, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân” [34, tr.39]. Đại hội chủ trương: “Xây dựng, phát huy vai trò của giai cấp nông dân... nâng cao

chất lượng cuộc sống để giai cấp nông dân thực sự là chủ thể của quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới” [34, tr.49].

Triển khai thực hiện chương trình xây dựng NTM theo Quyết định số 800/QĐ-TTg, trên phạm vi cả nước cũng như ở từng địa phương, NTM đã hình thành rõ nét, với những đặc trưng nổi bật là: i) hạ tầng nông thôn nâng cấp toàn diện, làm thay đổi bộ mặt nông thôn; Điều kiện sống về vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn được nâng cao; ii) Nông nghiệp phát triển theo hướng: ruộng đất được tích tụ ngày càng lớn, sản xuất nông nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ cao, định hướng sản xuất hàng hóa tập trung, sản phẩm đặc trưng có giá trị kinh tế cao; iii) Nâng cao thu nhập của dân cư nông thôn, người dân với vai trò chủ thể trong xây dựng NTM tin tưởng vào chủ trương, chính sách, sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền, đồng thuận chung tay xây dựng NTM.

Yếu tố mang tính quyết định sự thành công ở những xã về đích, được công nhận đạt chuẩn NTM là sự vào cuộc quyết liệt của HTCT xã, sự hưởng ứng và tham gia tích cực của người dân. Đặc biệt, ở những xã khó khăn thì hai yếu tố này càng được khẳng định rõ nét. HTCT ở các xã NTM khẳng định được vai trò lãnh đạo nhân dân tổ chức, triển khai thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong đời sống thực tiễn, được nhân dân tin cậy, ủng hộ, tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân. Bên cạnh đó, qua quá trình lãnh đạo xây dựng NTM, HTCT các xã cũng được củng cố, trưởng thành, chất lượng, hoạt động được nâng cao.

Ở NTM, các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn luôn phải được giải quyết đồng bộ, gắn với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Các xã NTM phải tiếp tục nâng cao chất lượng về mọi mặt trên tất cả các lĩnh vực. Việc về đích, đạt chuẩn xã NTM chỉ là kết quả đạt được của một giai đoạn, không phải là đích cuối cùng. Tiếp tục xây dựng NTM đáp ứng yêu cầu mới là nhiệm vụ tất yếu mà nhân dân và HTCT các xã phải thực hiện nhằm không ngừng phát triển xã lên tầm cao mới.

2.2.4. Xã nông thôn mới kiểu mẫu

Hiện nay, các xã đạt chuẩn NTM tiếp tục phấn đấu xây dựng xã NTM nâng cao, hướng tới “Nông thôn mới kiểu mẫu” theo Quyết định 691/QĐ-TTg ngày 5/6/2018 về ban hành Tiêu chí xã Nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018 - 2020 của Thủ tướng Chính phủ, theo đó xã được công nhận “Nông thôn mới kiểu mẫu” là xã đã đạt chuẩn NTM nâng cao theo quy định và đáp ứng 4 tiêu chí về i) Sản xuất - Thu nhập - hộ nghèo, ii) Giáo dục - Y tế - Văn hóa, iii) Môi trường và iv) An ninh trật tự - Hành chính công.

2.3. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ XÃ NÔNG THÔN MỚI

HTCT xã NTM phải đảm bảo các yêu cầu của tiêu chí số 18 của Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc tiếp tục phấn đấu xây dựng xã NTM nâng cao hướng tới “Nông thôn mới kiểu mẫu” theo Quyết định 691/QĐ-TTg.

Đây cũng chính là những đòi hỏi mới đối với vai trò, trách nhiệm của HTCT xã: phải tự nâng cao năng lực, đổi mới hoạt động.

2.3.1. Hệ thống chính trị xã lãnh đạo thực hiện việc tiếp tục nâng cao chất lượng xã nông thôn mới, đạt xã nông thôn mới kiểu mẫu

Sau khi được công nhận xã NTM, trong giai đoạn tiếp theo, các xã phải tiếp tục củng cố, hoàn thiện và nâng cao chất lượng xã NTM, phấn đấu đạt xã “Nông thôn mới kiểu mẫu”. HTCT xã có vai trò lãnh đạo nhân dân xã phấn đấu đạt mục tiêu này.

Thực tế quá trình triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM đã nảy sinh nhiều vấn đề như: làm thế nào để chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa trong khi trình độ sản xuất của nông dân còn lạc hậu, khả năng tiếp cận thị trường, nhận thức của người dân, một bộ phận cán bộ cấp xã còn hạn chế, việc phân bố ruộng đất, dân cư cho phù hợp với quy mô sản xuất lớn, đưa cơ giới hóa và khoa học công nghệ vào sản xuất, nâng cao giá trị sản phẩm, công tác quy hoạch chưa được thống nhất, hết quỹ đất, hạ tầng nông thôn còn nhiều yếu kém, công tác vệ sinh thôn, xóm, vệ sinh môi trường còn nhiều hạn chế, việc làm,

thu nhập của nông dân... Những vấn đề này Chính phủ đã yêu cầu các xã phải tiếp tục hoàn thiện, nâng cao, tập trung ở 4 tiêu chí:

Thứ nhất, tập trung lãnh đạo phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, giảm hộ nghèo. Các xã NTM phải chấm dứt tình trạng sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, phải xây dựng được vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của xã, “mỗi xã có một sản phẩm” đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, kinh doanh hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu; có ít nhất 02 hợp tác xã kiểu mới liên kết làm ăn có hiệu quả; xác định được cơ cấu kinh tế phù hợp với điều kiện của địa phương, thực hiện liên kết 4 nhà có hiệu quả, hỗ trợ nông dân được đào tạo nghề, tìm được nguồn vốn, nhà đầu tư, nhà sản xuất, tiêu thụ sản phẩm... Năng suất, sản lượng, thu nhập của nông dân được nâng cao, không có hộ nghèo, nông dân có việc làm ổn định.

Thứ hai, tập trung lãnh đạo nâng cao chất lượng văn hóa, y tế, giáo dục, nâng cao đời sống tinh thần của người dân. Xây dựng được các mô hình văn hóa, thể thao hoạt động thường xuyên, có hiệu quả đến từng thôn.

HTCT xã phải đặc biệt chú ý đến công tác xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, y tế, giáo dục của xã có đủ phẩm chất và trình độ chuyên môn để đảm nhiệm tốt công việc được giao

Thứ ba, tập trung lãnh đạo thực hiện và nâng cao chất lượng tiêu chí môi trường. Môi trường là một trong số tiêu chí khó đạt trong bộ tiêu chí NTM. Hiện nay rác thải, xử lý rác thải trong sinh hoạt và sản xuất, đảm bảo vệ sinh môi trường đang là vấn đề khá bức xúc ở các xã NTM. HTCT xã cần tập trung lãnh đạo các cơ sở sản xuất, hộ chăn nuôi thực hiện xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn và đảm bảo bền vững, có hệ thống chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường; Xây dựng hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng;

Thứ tư, tập trung lãnh đạo nâng cao chất lượng công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và chất lượng hành chính công. Đây là những vấn đề hết sức

quan trọng trong việc nâng cao chất lượng xã NTM. HTCT ở xã NTM có vai trò hạt nhân, nòng cốt thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở, phát huy dân chủ và thực hành dân chủ của nhân dân, bảo vệ quyền lợi chính đáng của dân cũng như đảm bảo an toàn, an ninh cho cuộc sống của họ. Công tác lãnh đạo, quản lý của HTCT nói chung, chính quyền xã nói riêng phải đảm bảo tính công khai, minh bạch, thực hiện “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, cải cách thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo có hiệu quả; trên địa bàn xã: không có khiếu kiện đông người trái pháp luật; không có công dân thường trú ở xã phạm tội; tệ nạn xã hội được kiềm chế, giảm... Môi trường xã hội của xã NTM ngày càng an toàn, văn minh.

Có thể khẳng định rằng, để xã NTM tiếp tục phát triển, nâng cao chất lượng toàn diện trên cả ba mặt nông dân, nông nghiệp, nông thôn, HTCT xã cần tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo nhân dân phấn đấu xây dựng xã “Nông thôn mới kiểu mẫu”

Trong công cuộc xây dựng NTM, không ai có thể làm thay cấp ủy, chính quyền và người dân. Chính vì vậy, điều cốt lõi và quyết định là tập hợp toàn dân cùng thực hiện. Quá trình đó cần phát huy cao độ trách nhiệm của HTCT xã. Để làm tốt những yêu cầu đặt ra, cấp ủy, chính quyền các xã phải tự đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của mình; thực hiện tốt cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để người dân thực sự được làm chủ trong xây dựng NTM. Phải tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch; thực sự quan tâm tới lợi ích thiết thực của người dân trong việc quyết định lựa chọn nội dung, quản lý, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện chương trình NTM; đồng thời làm tốt công tác thi đua khen thưởng để động viên kịp thời những thôn, xóm, tổ chức, cá nhân có thành tích trong xây dựng NTM. Các cấp, ngành cần xem kết quả xây dựng NTM là thước đo năng lực, tinh thần trách nhiệm, là tiêu chuẩn để bình xét, thi đua của tổ chức và cá nhân người đứng đầu trong HTCT ở xã.

2.3.2. Tiếp tục xây dựng hệ thống chính trị xã nông thôn mới vững mạnh

Xã đạt chuẩn NTM phải đạt được tiêu chí số 18 - Hệ thống chính trị xã trong sạch, vững mạnh. Để được công nhận đạt chuẩn theo tiêu chí số 18 về HTCT, phải đảm bảo đạt được tất cả các chỉ tiêu: Cán bộ xã đạt chuẩn; Có đủ các tổ chức trong

HTCT cơ sở theo quy định; Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh; Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu “tiên tiến” trở lên. HTCT xã trong sạch, vững mạnh đóng vai trò quyết định lãnh đạo triển khai thực hiện chương trình xây dựng NTM, hoàn thành 19 tiêu chí do Chính phủ quy định, đưa xã về đích, đạt chuẩn NTM.

Trong giai đoạn tiếp theo, xã NTM tiếp tục nâng cao chất lượng, phấn đấu đạt xã “Nông thôn mới kiểu mẫu”. Trong thời kỳ mới này, HTCT xã phải tiếp tục củng cố, vững mạnh đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới trong công tác lãnh đạo, quản lý. Những chỉ tiêu củng cố xây dựng HTCT xã NTM là:

Thứ nhất, trong HTCT ở xã có đầy đủ các tổ chức theo quy định gồm: Đảng ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, hoạt động có hiệu quả, tổ chức được củng cố ngày càng vững mạnh. Mỗi tổ chức thành viên của hệ thống đều thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình đồng thời phối hợp với các tổ chức thành viên khác hoàn thành tốt các mục tiêu chính trị, kinh tế, xã hội của địa phương. Tính thống nhất và tính độc lập của hệ thống luôn được coi trọng và phát huy nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân trong xã. Tổ chức bộ máy được sắp xếp theo hướng tinh gọn, thiết thực, hiệu quả, tránh chồng chéo, hình thức, chùng chèo, rối loạn chức năng.

Thứ hai, đội ngũ cán bộ, công chức xã đảm bảo tiêu chuẩn quy định, được phân công theo chức trách và nhiệm vụ quy định tại Điều 1 và từ Điều 3 đến Điều 9 của Thông tư 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, nhiệm vụ, tiêu chuẩn cụ thể và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn. Cán bộ, công chức cấp xã phải có đủ các tiêu chuẩn chung theo quy định tại Điều 3, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn và Điều 2 của Thông tư 06/2012/TT-BNV. Cán bộ công chức xã làm việc thể hiện tính chuyên nghiệp, hiệu quả ngày càng cao. Việc quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ công chức xã, sắp xếp theo vị trí việc làm, tinh giản biên chế... được coi trọng nhằm nâng cao chất lượng, năng suất

lao động của họ. Cán bộ, công chức xã là yếu tố quyết định chất lượng, hiệu quả hoạt động của HTCT.

Thứ ba, đảng bộ, chính quyền xã giữ vững tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh. Tập thể lãnh đạo, cán bộ, đảng viên đoàn kết, gương mẫu hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Phát huy dân chủ, giữ gìn kỷ luật, kỷ cương trong tổ chức và thực thi nhiệm vụ. Đặc biệt, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, năng động, sáng tạo, vì dân, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Đảng bộ, chính quyền xã không để xảy ra tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu, hách dịch, cửa quyền... Phải gắn bó, tôn trọng, tận tụy phục vụ nhân dân, được dân tin, dân quý, dân làm theo. Đối với Đảng bộ xã, cuối mỗi năm được cấp ủy cấp huyện đánh giá, xếp loại Đảng bộ “trong sạch, vững mạnh” trở lên. Đối với chính quyền xã, cuối mỗi năm được UBND cấp huyện đánh giá, xếp loại “hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

Thứ tư, nâng cao chất lượng hoạt động của MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội để đạt danh hiệu tiên tiến trở lên. Xây dựng NTM là sự nghiệp cách mạng lâu dài của toàn Đảng, toàn dân, của cả HTCT, trong đó MTTQ, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh xã đóng vai trò rất quan trọng. Các tổ chức đoàn thể chú trọng làm công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, tổ chức tốt các phong trào thi đua để vận động đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân hưởng ứng, chung tay, góp sức xây dựng NTM bằng những việc làm cụ thể, thiết thực với chính bản thân, gia đình, thôn xóm mình và góp phần cùng địa phương nâng cao chất các tiêu chí NTM, phấn đấu đạt xã “Nông thôn mới kiểu mẫu”. Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội phải tăng cường đổi mới, nâng cao và duy trì chất lượng hoạt động nhằm cùng Đảng bộ, chính quyền xã xây dựng HTCT ngày càng vững mạnh, góp phần thực hiện thành công công cuộc xây dựng NTM hiện nay.

Như vậy, HTCT xã NTM không chỉ tiếp tục giữ vững vai trò lãnh đạo mà phải tiếp tục củng cố, nâng cao hoạt động đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM trong giai đoạn hiện nay - xây dựng xã “Nông thôn mới kiểu mẫu”.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Trong Chương 2, luận án tập trung hệ thống hóa, luận giải những vấn đề lý luận về HTCT và HTCT xã NTM. Từ việc phân tích khái niệm HTCT, luận án đi đến khái niệm HTCT xã, phân tích vai trò, đặc điểm, cấu trúc, chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ giữa các tổ chức thành viên của HTCT xã, khái niệm xã NTM, HTCT xã NTM. Luận án đã phân tích làm sáng tỏ mối quan hệ biện chứng giữa xây dựng NTM với việc phải tiếp tục củng cố HTCT xã đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM hiện nay - xây dựng xã “Nông thôn mới kiểu mẫu”. Theo đó, HTCT xã NTM cần được tập trung, củng cố nâng cao chất lượng về tổ chức, bộ máy (có đầy đủ tổ chức thành phần của hệ thống), về đội ngũ cán bộ, về kết quả hoạt động của các tổ chức thành viên, HTCT xã phải đạt trong sạch, vững mạnh. Đây là khung lý thuyết làm cơ sở để luận án đánh giá thực trạng hoạt động của HTCT các xã đạt chuẩn NTM ở Hải Phòng trong Chương 3.

CHƯƠNG 3
THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ XÃ
NÔNG THÔN MỚI Ở THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG HIỆN NAY

3.1. CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

3.1.1. Khái quát về nông thôn Hải Phòng

Thành phố Hải Phòng có 08 huyện, 143 xã, 10 thị trấn, 1369 thôn. Huyện Bạch Long Vỹ là huyện đặc thù, chủ yếu phát triển ngư nghiệp, đánh bắt nuôi trồng thủy hải sản, không có cấp xã. Các huyện khác có sự phân chia các xã như sau:

Bảng 1: Số lượng các xã của các huyện ở Hải Phòng

Huyện	Thị trấn	Xã
Cát Hải	02	10
Kiến Thụy	01	17
Thủy Nguyên	02	35
Tiên Lãng	01	22
An Lão	02	15
An Dương	01	15
Vĩnh Bảo	01	29
TỔNG	10	143

Nguồn: Cục thống kê thành phố Hải Phòng

Có thể phân loại sơ bộ các xã như sau: 06 xã ven đô, 15 xã ven biển hải đảo, 122 xã thuần nông (trong đó 07 xã miền núi thuộc huyện Thủy Nguyên: An Sơn, Lại Xuân, Kỳ Sơn, Liên Khê, Lưu Kiếm, Lưu Kỳ, Minh Tân). [24]

Các xã ven đô có nhiều điều kiện thuận lợi về giao thông, kết cấu hạ tầng, kinh tế phát triển, tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp thấp, công nghiệp, thủ công nghiệp, dịch vụ phát triển, nhân dân có thu nhập cao và khá ổn định, đời sống tinh

thần phong phú, trình độ dân trí cao hơn so với các vùng nông thôn khác, chịu ảnh hưởng của lối sống đô thị.

Các xã ven biển và hải đảo chủ yếu có cơ cấu kinh tế là đánh bắt nuôi trồng thủy sản, dịch vụ, chịu nhiều ảnh hưởng của thời tiết, thiên tai, bão tố... cuộc sống của ngư dân gắn liền với biển khơi, với những chuyến đi biển ngắn hoặc dài ngày, đời sống nhân dân bấp bênh, thu nhập thấp, dân trí không cao, việc tiếp thu và cập nhật thông tin về các vấn đề kinh tế - xã hội gặp khó khăn.

Các xã thuần nông là những xã chủ yếu sản xuất nông nghiệp, thu nhập của nông dân thấp, đời sống của họ gặp nhiều khó khăn, nông nghiệp tuy được áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, năng suất tăng lên, song sản xuất vẫn còn lệ thuộc vào thời tiết, khí hậu... trình độ dân trí còn nhiều hạn chế, quan hệ dòng họ, lối sống làng xã còn ăn sâu trong nhận thức và hoạt động của nông dân, nhất là các xã miền núi.

Hải Phòng có 15.618 ha sản xuất nông nghiệp, thủy sản theo vùng sản xuất tập trung, trong đó vùng sản xuất cây trồng tập trung là 13.385 ha. Đất đai Hải Phòng thích hợp cho việc gieo nhiều loại cây có giá trị kinh tế cao, như vùng trồng lúa nước, vùng chuyên rau, hoa, cây cảnh, cây công nghiệp, cây ăn trái... Cấu trúc địa hình và vùng biển cũng đã tạo ra những lợi thế đặc biệt cho sự phát triển toàn diện ngành hải sản Hải Phòng.

Định hướng phát triển các vùng kinh tế nông nghiệp khu vực nông thôn theo vành đai địa lý:

Vành đai 1: Phát triển sản xuất rau, hoa, cây cảnh, Tập trung chủ yếu: Đằng Lâm, Đằng Hải (quận Hải An); Hồng Thái, An Đồng (huyện An Dương); Hoa Động, Lâm Động, Tân Dương, Dương Quan, Thủy Đường (huyện Thủy Nguyên).

Vành đai 2: Phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm : Tập trung chủ yếu ở các xã: Hồng Thái, Đồng Thái (huyện An Dương); Hưng Nhân, Vĩnh An, Nhân Hoà, Hoà Bình, Trán Dương, Cộng Hiền, Vĩnh Phong, Tiên Phong (huyện Vĩnh Bảo); Tiên Thắng, Quyết Tiến, Tiên Thanh, Tự Cường, Đại Thắng, Tiên Cường, cấp Tiến, Hùng Thắng (huyện Tiên Lãng); Tân Viên, Quang Trung (huyện An Lão); Ngũ Phúc, Kiến Quốc, Tân Trào (huyện Kiến Thụy).

Vành đai 3: Vùng phát triển lương thực, cây ăn quả: gồm 2 tiểu vùng chính là: xã Kỳ Sơn, Liên Khê, Chính Mỹ, Lưu Kiếm, Kênh Giang (huyện Thủy Nguyên) và xã Bát Trang, Trường Thành, Trường Thọ, Quang Hưng (huyện An Lão).

Vành đai 4: Vùng sản xuất lương thực chăn nuôi tập trung: Tập trung ở huyện Thủy Nguyên, Vĩnh Bảo, Tiên Lãng.

Bên cạnh những thuận lợi và những kết quả đã đạt được, nông thôn Hải Phòng còn nhiều khó khăn, đó là:

Cơ cấu mùa vụ thay đổi chậm, việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế. Tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp còn thấp, chưa đồng đều về trình độ thâm canh tăng năng suất giữa các huyện. Sản xuất nông nghiệp còn manh mún, ruộng đất chia nhỏ, thói quen lao động tự do, thủ công, chậm tiếp cận với khoa học công nghệ mới... đây thực sự là một lực cản đối với CNH nông nghiệp, HĐH nông thôn.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn chưa đáp ứng được yêu cầu, thu hút vốn cho đầu tư phát triển từ trong và ngoài nước còn hạn chế, đầu tư dàn trải thiếu đồng bộ kéo dài và kém hiệu quả, đời sống một bộ phận nông dân vẫn còn khó khăn, nhất là đồng bào ở huyện đảo, tỷ lệ người thiếu việc làm ở nông thôn còn cao.

Trình độ cán bộ và tổ chức bộ máy còn bất cập so với yêu cầu của quá trình đổi mới, bộ máy còn chồng chéo, quan liêu, năng lực cán bộ còn kém, cải cách hành chính còn chậm, tình trạng cửa quyền, phiền hà gây cản trở công việc vẫn còn diễn ra phổ biến. HTCT xã không có nhiều sự lựa chọn cho đội ngũ cán bộ có trình độ học vấn cao vì người có trình độ cao muốn tìm kiếm vị trí hoặc việc làm có nhiều ưu thế hơn, đây là một trong những khó khăn lớn nhất của HTCT xã hiện nay.

Trình độ dân trí, trong đó chủ yếu là trình độ học vấn của người dân ở xã còn nhiều hạn chế. Do đó, nhận thức về các vấn đề chính trị - xã hội cũng hạn chế. Họ thường suy nghĩ và hành động mang nặng tính chủ quan, bảo thủ, chậm tiếp thu cái mới, dễ bị các yếu tố bên ngoài tác động...

Người dân không có đủ nhận thức để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, không tham gia trực tiếp vào việc quyết định các chính sách kinh tế - xã hội của địa phương; việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở gặp nhiều khó khăn.

Quan hệ dòng họ, lệ làng: dân cư ở nông thôn thường sống thành từng làng, xóm, trong mỗi làng hoặc xóm ấy thường có vài ba dòng họ sống đùm bọc lẫn nhau, song mỗi kỳ bầu cử nó lại dấu ấn dòng họ... Rõ ràng ở các xã so với các phường, thị trấn thì ảnh hưởng này rất lớn.

Tập quán cư trú theo thôn, làng với những qui ước lâu đời mang tính luật lệ đòi hỏi HTCT xã phải phát huy vai trò tự quản của thôn, đồng thời chủ động ngăn ngừa tình trạng chia rẽ, mâu thuẫn, co cụm giữa các thôn, làng trong xã.

Vẫn còn mang nặng đầu óc tiểu nông: cư dân nông thôn do ảnh hưởng của tư duy sản xuất nhỏ, tự cấp, tự túc, mạnh ai người ấy làm... tính toán cá nhân, bảo thủ, ngại thay đổi, khó tiếp cận với cái mới nên việc tuyên truyền, vận động, giáo dục làm thay đổi nhận thức của nông dân phải được coi trọng và có biện pháp thích hợp.

3.1.2. Kết quả chương trình xây dựng nông thôn mới ở Hải Phòng

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM được thành phố xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong công cuộc thực hiện xây dựng, phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn Hải Phòng, được thành phố quan tâm, ưu tiên đầu tư nguồn lực triển khai thực hiện.

Trong những năm qua, chương trình đã được các cấp ủy Đảng, chính quyền, cả HTCT và nhân dân thành phố chung sức, đồng lòng, tích cực, chủ động, sáng tạo triển khai thực hiện; xây dựng NTM đã trở thành phong trào lớn, rộng khắp toàn thành phố, đạt được kết quả tích cực, khá toàn diện: Đến nay, toàn thành phố đã có 92 xã cơ bản hoàn thành xã NTM; trong đó, có 89 xã đạt chuẩn xã NTM (đạt 64,03%). Hai huyện Cát Hải, An Dương đã có 100% số xã cơ bản đạt chuẩn NTM; bình quân các xã trên địa bàn thành phố đạt 17,5 tiêu chí. Chương trình hỗ trợ xi măng làm đường giao thông nông thôn với cách làm mới đã hoàn thành 3.398 km đường giao thông các loại; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn được đầu tư mở rộng, nâng cấp theo hướng đồng bộ; cơ cấu kinh tế nông thôn chuyển dịch nhanh theo hướng CNH - HĐH; thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện; HTCT ở khu vực nông thôn được tăng cường, củng cố, dân chủ được phát huy, góp phần quan trọng đảm bảo an sinh, an ninh, an toàn xã

hội của thành phố. Năm 2019, thành phố Hải Phòng phấn đấu có 139 xã đạt chuẩn NTM (đạt 100% số xã) và 01 huyện đạt chuẩn NTM. Kết quả cụ thể như sau:

Về phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo

Khuyến khích sản xuất theo hướng mở rộng vùng sản xuất hàng hóa tập trung, an toàn thực phẩm; đẩy mạnh áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản. Ước giá trị sản xuất thực hiện cả năm 2018 đạt 14.788,9 tỷ đồng (giá so sánh năm 2010), bằng 100,18% kế hoạch và tăng 2,78% so với năm 2017.

Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch theo hướng: Tăng tỷ trọng giá trị sản xuất chăn nuôi từ 40,75% (năm 2008) lên 48,33% (năm 2017); giá trị sản xuất trồng trọt giảm từ 57,30% xuống 45,68%. Đưa các giống cây trồng, con vật nuôi có năng suất, chất lượng vào sản xuất, gắn với chuyển dịch cơ cấu mùa vụ và áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới để nâng cao hiệu quả sản xuất.

Diện tích gieo trồng lúa liên tục giảm, bình quân 1,69%/năm (khoảng 1.000 ha/năm) nhưng do chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, cơ cấu giống lúa, áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh nên năng suất lúa tăng cao, bình quân 1,20%/năm, từ 57,27 tạ/ha năm 2008 lên 60,75 tạ/ha năm 2017.

Diện tích rau các loại năm 2017 đạt 14.300 ha, tăng bình quân 0,89%/năm; sản lượng đạt 320.500 tấn, tăng 1,03%/năm. Giá trị sản xuất trồng trọt trên 1 ha đất sản xuất nông nghiệp (giá thực tế) tăng từ 74,77 triệu đồng/ha (năm 2008) lên 116,37 triệu đồng/ha (năm 2017), tăng bình quân 9,39%/năm. Sản xuất chăn nuôi chuyển mạnh sang phương thức chăn nuôi tập trung quy mô trang trại và gia trại; năm 2008, toàn thành phố có 609 trang trại chăn nuôi, năm 2017 có 642 trang trại chăn nuôi. Có khoảng 10.000 hộ gia đình chăn nuôi quy mô gia trại.

Cơ cấu ngành thủy sản được chuyển dịch nhanh theo hướng tăng tỷ trọng giá trị nuôi trồng, giảm tỷ trọng giá trị khai thác thủy sản. Năm 2008, tỷ trọng nuôi trồng thủy sản và dịch vụ thủy sản chiếm 44,71%, đến năm 2017 chiếm 58,29%. Năm 2017, diện tích nuôi thâm canh đạt 2.495 ha (năm 2008 mới có 285,7 ha) tăng bình quân 32,82%/năm; nuôi bán thâm canh là 2.338 ha (năm 2008 là 5.599,8 ha),

giảm bình quân 6,05%/năm. Sản lượng nuôi trồng thủy sản 2008 là 42.187,2 tấn, năm 2017 đạt 61.752 tấn, tăng bình quân 4,46%/năm.

Quy hoạch khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2030 với mục tiêu: Xây dựng 3 khu ứng dụng công nghệ cao với diện tích 590 ha và 42 vùng sản xuất ứng dụng công nghệ cao với diện tích 5.280 ha. (Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại huyện Vĩnh Bảo đã đi vào sản xuất).

Năm 2017, toàn thành phố có 20.340 ha vùng sản xuất tập trung, tăng 13.470 ha so với năm 2008 (Bao gồm: 14.500 ha sản xuất trồng trọt, 312 ha sản xuất chăn nuôi, 5.528 ha sản xuất thủy sản).. Giá trị sản xuất trung bình đạt trên 245 triệu đồng/ha/năm. Nhiều cánh đồng lớn sản xuất lúa (diện tích từ 30 ha trở lên) cho năng suất cao hơn từ 8 - 15% so với sản xuất đại trà.

Thu hút được 8 doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với tổng diện tích 284,81 ha, vốn đầu tư 1.170,86 tỷ đồng, hỗ trợ 15 doanh nghiệp khảo sát, chuẩn bị đầu tư, dự kiến tổng diện tích 1.834,2 ha, vốn đầu tư khoảng 8.412 tỷ đồng.

Chuyển đổi, thành lập mới 20 hợp tác xã nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp hoạt động theo Luật hợp tác xã năm 2012. Nâng tổng số hợp tác xã hoạt động theo Luật năm 2012 là 153/205 hợp tác xã (74,63%). Duy trì 685 trang trại, trong đó 283 trang trại có liên kết tiêu thụ sản phẩm.

Toàn thành phố có 20.340 ha vùng sản xuất tập trung, giá trị sản xuất trung bình đạt trên 245 triệu đồng/ha/năm; có 54 doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia liên kết với 1.130 hộ vệ tinh.

Thu nhập bình quân của người dân nông thôn đạt khoảng 45 triệu đồng/người/năm. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 1,85%. Tỷ lệ lao động khu vực nông thôn có việc làm thường xuyên đạt trên 90%.

Về quy hoạch xây dựng nông thôn mới

100% số xã xây dựng NTM (139 xã) hoàn thành công tác quy hoạch xây dựng NTM. Các địa phương đang tiếp tục thực hiện điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, đề án gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

Về phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

Hỗ trợ trực tiếp 860 tỷ đồng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng NTM đồng loạt 50 xã còn lại của Chương trình; trong đó 15 xã hoàn thành xây dựng hạ tầng NTM năm 2018, 50 xã triển khai đầu tư xây dựng để hoàn thành xây dựng hạ tầng NTM năm 2019. Xây dựng, nâng cấp, cải tạo 54,9km đường giao thông, 8,01km kênh mương, 119 công trình trường học các cấp, 180 công trình cơ sở vật chất văn hóa; 01 trạm y tế cấp xã; 21,72km rãnh thoát nước thải khu dân cư và một số công trình khác.

Hỗ trợ 42.071 tấn xi măng cho các địa phương xây dựng 258,31 km đường giao thông nông thôn (ngõ xóm 152,4km; nội đồng 94,93km; nội bộ nghĩa trang 10,98km)... Ngân sách huyện, xã bố trí khoảng 534 tỷ đồng để hỗ trợ đầu tư hạ tầng NTM tại địa phương.

Thành phố có 6 cảng cá, 10 bến cá và 12 khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đáp ứng nhu cầu về chỗ trú đậu, bốc dỡ sản phẩm và trao đổi hàng hoá; góp phần phát triển kinh tế, an sinh xã hội; bảo vệ tài sản, an toàn của ngư dân. Việc đầu tư tu bổ và nâng cấp hệ thống đê điều được đặc biệt quan tâm; vốn đầu tư cho các dự án tu bổ, nâng cấp đê điều hàng năm đạt từ 100 - 200 tỷ đồng. Quy mô và kết cấu đê kè biển bảo đảm chống bão cấp 9, cấp 10 triệu trung bình đến triệu cường. Kiên cố hóa 726,32 km kênh tưới cấp 1 sau trạm bơm điện, tổng kinh phí 269,5 tỷ đồng (ngân sách hỗ trợ 70%). Cải tạo, nâng cấp 191 trạm bơm điện phục vụ sản xuất nông nghiệp, nạo vét 34 tuyến kênh hút; tổng kinh phí 133,869 tỷ đồng (ngân sách thành phố đầu tư 131,937 tỷ đồng, bằng 98,56%). Hoàn thành cải tạo lưới điện trên địa bàn các huyện; 100% số xã trên địa bàn các huyện đã có điện lưới quốc gia; số hộ dùng điện đạt 100%; chất lượng điện cấp cho khu vực nông thôn khá ổn định và an toàn. Hệ thống giao thông nông thôn được cải tạo, nâng cấp: 100% các tuyến đường liên huyện được rải nhựa đạt tiêu chuẩn đường cấp V đồng bằng, chất lượng tốt; trên 90% đường liên xã được rải nhựa hoặc bê tông đạt tiêu chuẩn đường loại A; 100% đường trong các xóm được bê tông hóa đạt tiêu chuẩn loại B. Đường phục vụ sản xuất nông nghiệp được cứng hóa.

Về phát triển giáo dục, y tế, văn hoá và bảo vệ môi trường

Giữ vững kết quả đạt chuẩn phổ cập mầm non, tiểu học, trung học cơ sở. Trình độ lao động khu vực nông thôn tiếp tục được nâng cao, khoảng 64,68% lao động có việc làm qua đào tạo.

Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được củng cố, chất lượng khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân được nâng cao; tăng cường tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế, khoảng 85% dân cư nông thôn tham gia bảo hiểm y tế.

Các địa phương tập trung hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, đảm bảo phù hợp, thiết thực với người dân ở các xã, thôn. Các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức rộng khắp. 100% số thôn (1.167 thôn) phát động xây dựng thôn văn hóa. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” được triển khai sâu rộng, đạt nhiều kết quả tích cực thông qua các mô hình: gia đình văn hóa, làng văn hóa; góp phần xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, tiếp tục phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp. Các phong trào: “dòng họ văn hóa”, “quỹ khuyến học”, hình thành các câu lạc bộ văn nghệ, thể dục thể thao,... tiếp tục triển khai.

Công tác quản lý, thu gom và xử lý chất thải, nước thải ở khu vực nông thôn được chính quyền và người dân quan tâm, vệ sinh môi trường nông thôn có nhiều chuyển biến tích cực, 99% dân cư nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, trong đó nước sinh hoạt đạt QCVN02:2009/BYT trở lên là 90,1%. Tỷ lệ rác thải nông thôn được thu gom xử lý ước đạt 92%.

Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an ninh, trật tự xã hội

Tổ chức cơ sở đảng ở địa phương được nâng cao chất lượng, đổi mới nội dung, phương pháp sinh hoạt; nâng cao vai trò hạt nhân trong lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Nội dung, phương thức lãnh đạo của các cấp ủy cơ sở với chính quyền và các tổ chức trong HTCT được bảo đảm và ngày càng đổi mới, đúng quy chế, đúng vai trò, chức năng; trao đổi, xác định rõ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương trước khi chính quyền quyết định. Phong cách lãnh đạo, lề lối làm việc của cấp ủy tiếp tục được đổi mới theo hướng quy chế hoá, quy

trình hoá, từng bước ứng dụng tin học; trong đó quy định cụ thể về trách nhiệm tập thể và cá nhân trong phát triển sản xuất nông nghiệp, nâng cao đời sống cư dân nông thôn, xây dựng NTM.

Việc xây dựng, quyết định chương trình công tác được phát huy dân chủ, có lý luận gắn với thực tiễn; phát huy tính toàn diện và thứ tự ưu tiên thực hiện. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chỉ đạo gắn với địa bàn và nhân dân.

Cải cách hành chính, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, công chức xã và các lĩnh vực khác ở nông thôn được nâng lên rõ rệt: Công tác nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của chính quyền xã được đẩy mạnh thực hiện, mang lại hiệu quả rõ rệt, 100% xã thực hiện cơ chế “một cửa”; tích cực rà soát, triển khai thực hiện các thủ tục hành chính; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, thông tin, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO vào hoạt động quản lý của UBND xã. Tập trung đào tạo trình độ đại học, trung cấp chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức xã có trình độ sơ cấp hoặc chưa qua đào tạo nhằm chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức.

MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn nông thôn được củng cố. Chất lượng hoạt động của các đoàn thể chính trị được nâng cao, xác định cụ thể chức năng, nhiệm vụ theo quy chế hoạt động, phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương. Phương thức hoạt động phong phú, nội dung hoạt động gắn với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các phong trào thi đua, các cuộc vận động, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của hội viên, đoàn viên và nhân dân địa phương. Đội ngũ cán bộ ngày càng được chuẩn hóa về trình độ lý luận chính trị và nghiệp vụ công tác theo hướng tăng cán bộ trẻ, cán bộ nữ.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả HTCT, thực hiện tốt phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”. Chủ động đấu tranh ngăn chặn các âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an ninh nông thôn.

Duy trì công tác nắm tình hình bảo vệ chủ quyền biển, đảo, đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn khu vực biên giới, cửa khẩu cảng, khu vực biên giới biển. Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân hàng năm bảo đảm chất lượng, an toàn, đúng luật.

3.2. XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI Ở THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

3.2.1. Kết quả, vai trò và đặc điểm

Tính đến hết năm 2018, thành phố Hải Phòng đã có 89 xã đạt chuẩn NTM (đạt 64,03%). Đây là các xã đã hoàn thành 19 tiêu chí NTM theo quyết định số 491/QĐ-TTg và được cấp có thẩm quyền công nhận, gồm các xã sau:

Bảng 2: Các xã nông thôn mới ở Hải Phòng

TT	Huyện	Tổng	Các xã đã công nhận đạt chuẩn	Các xã hoàn thành tiêu chí; đánh giá, xét công nhận năm 2018
1	Vĩnh Bảo	29	11 xã: Nhân Hòa, Vĩnh Tiến, Tam Đa, Hòa Bình, Tân Liên, Cổ Am, Tân Hưng, Hiệp Hòa, Đồng Minh, Tiền Phong, Vĩnh Long	02 xã: Thanh Lương, Hưng Nhân. 01 xã: Liên Am (kế hoạch 2017)
2	Tiên Lãng	22	10 xã: Toàn Thắng, Cấp Tiến, Quyết Tiến, Vinh Quang, Kiến Thiết, Tiên Thắng, Quang Phục, Đại Thắng, Bạch Đằng, Tiên Hưng	02 xã: Tiên Tiến, Đoàn Lập. 01 xã: Đông Hưng (kế hoạch 2017)
3	An Lão	15	07 xã: An Thắng, Chiến Thắng, Quang Trung, Mỹ Đức, Trường Thành, An Thái, Tân Dân	02 xã: An Thọ, Quốc Tuấn. 01 xã: Tân Viên (kế hoạch 2017)
4	Kiến Thụy	17	10 xã: Đoàn Xá, Hữu Bằng, Tân Phong, Ngũ Đoan, Tân Trào, Thuận Thiên, Đông Phương, Thụy Hương, Ngũ Phúc, Minh Tân	02 xã: Đại Hà, Thanh Sơn.
5	An Dương	15	09 xã: An Hồng, Tân Tiến, Đặng Cương, An Hòa, An Hưng, Đồng Thái, Hồng Thái, Nam Sơn, Lê Lợi	05 xã: Lê Thiện, Đại Bản, Bắc Sơn, Hồng Phong, Quốc Tuấn. 01 xã: An Đồng (kế hoạch 2017)

6	Thủy Nguyên	35	17 xã: Đông Sơn, Phục Lễ, Lưu Kiến, Thủy Sơn, Hoa Động, Thiên Hương, Lâm Động, Dương Quan, Kiên Bái, Thủy Đường, Phù Ninh, Liên Khê, Kênh Giang, Hoà Bình, Phả Lễ, Mỹ Đồng, Tân Dương	02 xã: Hoàng Động, Lưu Kỳ.
7	Cát Hải	6	06 xã: Trân Châu, Xuân Đám, Phù Long, Hiền Hào, Gia Luận, Việt Hải	
	Tổng	139	70 xã	19 xã - 15 xã kế hoạch 2018. - 04 xã kế hoạch 2017

Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thành phố Hải Phòng

Các xã đạt chuẩn nông thôn mới thành phố Hải Phòng có vị trí, vai trò rất quan trọng

Một là, các xã đạt chuẩn NTM là đầu tàu gương mẫu của thành phố trong việc triển khai thực hiện chương trình trọng điểm quốc gia. Đồng thời, là nơi kiểm nghiệm tính đúng đắn của các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng về NTM, nơi tổ chức các phong trào, phát huy tính tích cực chính trị của quần chúng nhân dân và HTCT, huy động mọi tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội, tổ chức cuộc sống cộng đồng cư dân nông thôn.

Hai là, các xã NTM thực sự là nền tảng, là nơi kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn được nâng cao, nơi tập trung lưu giữ các giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng khối đoàn kết, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần quan trọng đối với sự nghiệp CNH, HĐH thành phố.

Đặc điểm các xã đạt chuẩn NTM ở thành phố Hải Phòng

Một là, các xã đạt chuẩn NTM có nhiều thế mạnh, có điều kiện tự nhiên (vị trí địa lý, đất đai, khí hậu, nguồn nước...), kinh tế - xã hội khá thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, phát triển các ngành nghề truyền thống, dịch vụ. như các xã ven đô (Xã An Hồng, Đồng Thái, Dương Quan, Lâm Động, Mỹ Đức, An Thái...), giáp khu

công nghiệp (Xã An Hưng, Lê Lợi, Nam Sơn, Tân Dân, An Thái, Lưu Kiếm, Liên Khê, Kênh Giang...), xã có làng nghề (Đông Phương, Mỹ Đồng, 6 xã huyện Cát Hải, Lập Lễ, Phục Lễ...), xã thuần nông có năng suất cao, cơ cấu nông nghiệp hợp lý (Ngũ Đoan, Tân Trào, Kiến Thiết, Tam Đa, Tân Niên, Cổ Am...)

Hai là, HTCT, đội ngũ cán bộ xã, đặc biệt là nông dân tích cực, chủ động, sáng tạo trong việc hưởng ứng, triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM.

Ba là, các xã đạt chuẩn NTM đã có bước phát triển mới, thay đổi về chất, cao hơn hẳn so với trước trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội: i) kinh tế nông nghiệp phát triển với sự chuyên dịch cơ cấu hợp lý, theo hướng sản xuất nông nghiệp hiện đại, công nghệ cao, năng suất, chất lượng, an toàn, chuyên môn hóa sản phẩm phục vụ xuất khẩu và nhu cầu thị trường... “mỗi xã một sản phẩm” như: Gà Liên Minh, lợn Móng Cái, cam Đồng Dụ, quýt Gia Luận, bưởi Lâm Động, ong mật Cát Bà, rau chất lượng An Dương, lúa chất lượng Vĩnh Bảo, Tiên Lãng, nuôi tôm nước mặn, tu hài, cua, cá bớp Cát Hải..., qui mô sản xuất lớn, kinh tế tập thể, kinh tế hộ phát triển...; ii) Kết cấu hạ tầng nông thôn được chỉnh trang, hiện đại hơn phục vụ nhu cầu sản xuất và đời sống (100% các xã đạt chuẩn NTM đảm bảo đạt các tiêu chí này), bộ mặt nông thôn đã có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng đô thị hóa, văn hóa, y tế, giáo dục được nâng cao, vệ sinh môi trường đảm bảo, an ninh, trật tự, an toàn xã hội tốt...; iii) Đời sống người nông dân được cải thiện và nâng lên rõ rệt, thu nhập, việc làm, xóa đói, giảm nghèo, an sinh xã hội được trú trọng...; iv) HTCT được củng cố, phát huy dân chủ cơ sở, trình độ dân trí và thực hành dân chủ của nhân dân được nâng cao, khối đoàn kết toàn dân được phát huy, sự gắn bó giữa nhân dân với đảng, chính quyền, đoàn thể ngày càng mật thiết...

Bốn là, điểm nổi bật nhất của các xã đạt chuẩn NTM là tiếp tục phấn đấu nâng cao chất lượng xã đạt chuẩn, phấn đấu xây dựng xã “Nông thôn mới kiểu mẫu”. HTCT và nhân dân xã NTM đều nhận thấy “dừng lại là rớt chuẩn”, do đó việc xây dựng “Nông thôn mới kiểu mẫu” là xu thế đi lên tất yếu của các xã đã đạt chuẩn.

“Nông thôn mới kiểu mẫu” là coi trọng nâng cao chất lượng đời sống vật chất và giá trị hưởng thụ tinh thần của người dân. Các xã “Nông thôn mới kiểu mẫu” phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân; có đề án phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp; thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao. Tuy nhiên, sẽ rất khó để có ngay một xã “Nông thôn mới kiểu mẫu” về mọi mặt. Do vậy, trước mắt phải tùy theo lợi thế, đặc điểm tình hình của từng địa phương để chọn xây dựng mô hình kiểu mẫu. Mặc dù Chính phủ đã ban hành tiêu chí xã “Nông thôn mới kiểu mẫu” giai đoạn 2018 - 2020 nhưng khó khăn hiện nay đó là vẫn phải vừa làm, vừa rút kinh nghiệm để hoàn thiện hơn nhằm xác định cụ thể nội hàm “Nông thôn mới kiểu mẫu” là gì? Việc xây dựng “Nông thôn mới kiểu mẫu” đang vướng mắc về cơ chế, chính sách. Đặc biệt, khi triển khai xây dựng “Nông thôn mới kiểu mẫu” phải lấy vai trò của cộng đồng dân cư là chính, phải để cộng đồng dân cư tự bàn bạc, thống nhất lựa chọn lĩnh vực phù hợp để phấn đấu trở thành kiểu mẫu.

3.2.2. Một số khó khăn và những vấn đề đặt ra

Thứ nhất, tiếp tục nâng cao chất lượng xã NTM, xây dựng “Nông thôn mới kiểu mẫu” là xu hướng tất yếu nhưng việc chọn mô hình, bước đi, biện pháp, nguồn lực cho phát triển ở mỗi xã cũng như cơ chế, chính sách của nhà nước còn thiếu, chưa hoàn chỉnh và đồng bộ.

Thứ hai, kinh tế nông nghiệp có bước phát triển nhưng chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp còn chậm, hoạt động dịch vụ trong sản xuất nông nghiệp chưa hiệu quả, mức độ CNH sản xuất nông nghiệp rất thấp. Vùng sản xuất hàng hóa tập trung, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa nhân rộng và phát triển gặp không ít khó khăn, nhất là việc bảo đảm đầu ra cho nông sản. Sản phẩm nông nghiệp với số lượng nhiều, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm ít, không đáp ứng được các đơn đặt hàng lớn của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, rất ít nông sản Hải Phòng được tiêu thụ tại các siêu thị trên địa bàn. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp, thủy sản ngày càng thu hẹp. Quy mô sản xuất của hộ nông dân manh mún, năng suất lao động thấp. Giá trị gia tăng trên đơn vị diện tích tăng chậm. Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm chưa bền

vững. Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp còn dàn trải. Chính sách quản lý đất đai còn nhiều bất cập, là rào cản đối với phát triển nông nghiệp quy mô lớn và giảm khả năng áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất. Chưa tạo được mối liên kết vững chắc giữa người sản xuất với cơ sở chế biến, đơn vị tiêu thụ sản phẩm; giữa kinh tế hộ với doanh nghiệp...

Thứ ba, bộ mặt nông thôn ở các xã NTM có nhiều thay đổi nhưng vẫn đề chất lượng quy hoạch chuyên ngành chưa đáp ứng được yêu cầu CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn; công tác quản lý quy hoạch nông thôn còn thiếu đồng bộ, chưa thực sự đi trước một bước, các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn chưa đủ sức hấp dẫn nhà đầu tư, các cơ chế huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển có nhiều bất cập; thiếu cơ chế hỗ trợ để sản xuất theo quy trình khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ... Việc quản lý và sử dụng đất sản xuất nông nghiệp đạt hiệu quả chưa cao. Kết cấu hạ tầng nông thôn, hạ tầng sản xuất nông nghiệp thiếu đồng bộ, không đáp ứng yêu cầu sản xuất lớn, nhất là đối với những vùng sản xuất tập trung, việc xã hội hóa đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn (chợ, khu giải trí công cộng...) còn nhiều hạn chế, tiềm ẩn nguy cơ gia tăng ô nhiễm môi trường nông thôn.

Thứ tư, tuy đời sống vật chất của nông dân nông thôn đã có cải thiện nhưng khoảng cách về thu nhập giữa khu vực thành thị và nông thôn ngày càng lớn. Đời sống nông dân còn gặp khó khăn; các khoản đóng góp còn nhiều. Chất lượng nước sinh hoạt nông thôn không cao, kém ổn định, không bền vững. Phúc lợi xã hội cho khu vực nông thôn hạn chế: hạ tầng cơ sở thiếu đồng bộ; nơi vui chơi, giải trí, nhất là nơi vui chơi cho thanh thiếu niên còn hạn chế; tình trạng ô nhiễm môi trường do chất thải rắn, nước thải vẫn còn chưa được xử lý... Các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa - xã hội chậm đáp ứng yêu cầu thực tiễn đời sống. Tình hình an ninh, trật tự trị an còn tiềm ẩn nguy cơ gây bất ổn. An sinh, phúc lợi xã hội có tiến bộ, nhưng chưa có bước chuyển biến mạnh mẽ.

Nguyên nhân của những vấn đề trên là:

Nguyên nhân khách quan: i) Do ảnh hưởng của tập quán sản xuất cũ, trình độ quản lý và phát triển kinh tế - xã hội còn hạn chế; vốn đầu tư mở rộng quy mô,

đầu tư trang thiết bị phục vụ sản xuất chưa đáp ứng được nhu cầu; ii) Sản xuất nông nghiệp, thủy sản chịu ảnh hưởng lớn của tự nhiên, dịch bệnh, mức độ rủi ro lớn, lợi nhuận không cao. Diện tích đất canh tác liên tục giảm để đáp ứng nhu cầu đô thị hoá, sản xuất công nghiệp, dịch vụ. Giá vật tư đầu vào tăng cao trong khi giá nông, thủy sản tăng không tương ứng.

Nguyên nhân chủ quan: nhận thức ở một bộ phận cán bộ, đảng viên còn hạn chế, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện ở cơ sở có mặt chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, chưa thực sự hợp lý giữa mục tiêu với các điều kiện cơ bản để thực hiện của địa phương mình; gặp khó khăn định hướng sản xuất hàng hóa, lúng túng trong khâu tiêu thụ sản phẩm; công tác phổ biến, tuyên truyền, cung cấp thông tin về luật pháp, cơ chế, chính sách, thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, huấn luyện nghề cho nông dân còn hạn chế; cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật còn thiếu sự năng động, sáng tạo, thiếu kiến thức và kinh nghiệm trong kinh tế thị trường...

3.3. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ XÃ NÔNG THÔN MỚI Ở HẢI PHÒNG HIỆN NAY

3.3.1. Thực trạng hệ thống chính trị xã nông thôn mới ở Hải Phòng hiện nay

Để đánh giá thực trạng HTCT các xã đạt chuẩn NTM, luận án căn cứ vào các chỉ tiêu trong tiêu chí xây dựng HTCT vững mạnh:

3.3.1.1. Tổ chức bộ máy và hoạt động của các thành viên của hệ thống chính trị

Tổ chức bộ máy HTCT xã NTM ở thành phố Hải Phòng được cấu trúc theo qui định hiện hành, gồm: Đảng, Chính quyền, MTTQ và các đoàn thể. HTCT các xã NTM ở thành phố Hải Phòng với tổ chức bộ máy hoàn chỉnh, được củng cố, phát huy vai trò, chức năng, nhiệm vụ của từng thành viên trong hệ thống. Các xã đạt chuẩn NTM (đã được công nhận và xã đã hoàn thành bộ tiêu chí) đã đạt 4 chỉ tiêu của tiêu chí thứ 18 của Bộ tiêu chí quốc gia về NTM gồm: Có đủ các tổ chức trong HTCT cơ sở theo quy định; Cán bộ xã đạt chuẩn; đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”; các tổ chức đoàn thể của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên. Nghĩa là 100% xã NTM xây dựng được HTCT với đầy đủ cấu trúc các tổ chức thành viên.

3.3.1.2. Tổ chức đảng và chính quyền các xã nông thôn mới

Tổ chức Đảng

Tổ chức Đảng ở xã là đảng bộ cơ sở trực thuộc đảng bộ huyện, trực tiếp do huyện ủy lãnh đạo. Qua kết quả khảo sát, 100% đảng bộ xã đạt chuẩn NTM đều được đánh giá hoàn thành tốt vai trò lãnh đạo thực hiện chương trình xây dựng NTM, đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”, không có đảng bộ nào xếp loại yếu, kém; 100% đảng bộ các xã đều nhận thức đầy đủ và xác định đúng vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng trong việc triển khai chương trình xây dựng NTM. Các đảng bộ xã đều có quyết tâm chính trị cao, phát huy trí tuệ của tập thể, của các tổ chức, đảng viên, nhân dân để chuẩn bị mọi điều kiện, khơi dậy mọi tiềm năng, xác định bước đi, biện pháp, khó khăn, thách thức... nhằm hoàn thành 19 tiêu chí của chương trình xây dựng NTM.

Đảng bộ xã đã xác định trách nhiệm chủ động tuyên truyền, vận động nông dân tích cực, hăng hái tham gia, làm cho nông dân hiểu rõ vai trò là chủ thể trong quá trình xây dựng NTM cho chính mình. Đồng thời đảng bộ xã thực sự là người dẫn dắt, quy tụ, tổ chức cho nhân dân đạt đến mục tiêu của chương trình.

Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ: đảng bộ, chi bộ ở cơ sở, các tổ chức cơ sở đảng ở xã đã cụ thể hoá thành các quy chế hoạt động để thực hiện chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo cấp xã trong điều kiện mới.

Trong công tác lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng đối với chính quyền và đoàn thể ở địa phương, đảng bộ xã được nhân dân đánh giá cao nhất trong số các tổ chức thành viên của HTCT (40% cho điểm 10; 35% cho điểm 9; 14,3% cho điểm 8, không có đánh giá yếu, kém).

Mối quan hệ giữa Đảng với dân ngày càng được củng cố, với ý thức trọng dân, tin dân, các tổ chức cơ sở đảng đã được mọi tầng lớp nhân dân đánh giá cao. Kết quả khảo sát cho thấy 88,3% đảng viên trong chi, đảng bộ gương mẫu, đoàn kết, phát huy vai trò nòng cốt trong mọi hoạt động ở địa phương.

Các chi, đảng bộ xã đã xác định rõ nhiệm vụ chính trị, đề ra được những chủ trương, nghị quyết phù hợp với thực tiễn địa phương. Phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng, của cấp uỷ xã được cải tiến một bước, 100% đảng bộ xã NTM

đã xây dựng quy chế làm việc. Đa số quy chế làm việc đã quy định rõ quyền hạn của tập thể và cá nhân cấp uỷ; sự lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền và các đoàn thể nhân dân, các quy định về chế độ sinh hoạt, chế độ làm việc và phương thức công tác. Nhiều tổ chức cơ sở đảng có quy chế làm việc cụ thể, phù hợp với thực tế ở địa phương.

Các tổ chức đảng ở xã trong xây dựng NTM đã có chuyển biến tích cực, góp phần quan trọng vào việc thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị ở địa phương, đơn vị. Nhiều tổ chức đảng đã giữ vững và phát huy được vai trò hạt nhân chính trị; cụ thể hoá nghị quyết của Đảng các cấp; đề ra chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp lãnh đạo cán bộ, đảng viên và nhân dân; lãnh đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng đảng, xây dựng chính quyền và công tác vận động quần chúng; tập trung nâng cao chất lượng hoạt động của cấp uỷ; xây dựng tổ chức đảng vững mạnh.

Các tổ chức đảng và đảng viên đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, các cấp uỷ đã tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc thực hiện nhiệm vụ chính trị phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng tổ chức đảng trong sạch vững mạnh, nâng cao chất lượng đảng viên. Chất lượng hoạt động của mặt trận và các đoàn thể được nâng lên, vai trò ý thức trách nhiệm của cấp uỷ và tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên trong từng tổ chức đảng được phát huy đúng mức, nhất là trong việc chấp hành các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và được cụ thể hóa bằng các chương trình hành động, kế hoạch công tác của từng địa phương

Bên cạnh những kết quả đạt được, tổ chức đảng xã và đảng viên còn tồn tại một số hạn chế như sau:

Một số tổ chức đảng và đảng viên ý thức tự giác chưa cao, tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng còn nể nang, ngại va chạm, chưa làm rõ được những khuyết điểm, yếu kém của tổ chức đảng và đảng viên, vẫn còn tư tưởng "dễ người, dễ mình"; việc đề ra các biện pháp, giải pháp củng cố chi bộ và giúp đỡ, giáo dục đảng viên có nơi còn hạn chế.

Công tác kiểm tra giám sát của các cấp uỷ chưa chặt chẽ, thiếu thường xuyên, còn để xảy ra tình trạng đảng viên vi phạm kỷ luật.

Vẫn còn một số tổ chức đảng, đảng viên chưa nhận thức đầy đủ, mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, nội dung của chương trình xây dựng NTM nên vẫn còn tổ chức đảng có tư tưởng trông chờ, ỷ lại, thiếu năng động, sáng tạo, thậm chí thiếu tinh thần trách nhiệm với dân.

Tổ chức và hoạt động của chính quyền cấp xã

Chính quyền các xã là trụ cột trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị phát triển kinh tế - xã hội của địa phương mà trọng tâm là xây dựng NTM.

Hội đồng nhân dân

HĐND xã được nhân dân bầu ra để thay mặt nhân dân quyết định những vấn đề quan trọng của xã. Tổ chức HĐND cấp xã theo luật định.

HĐND các xã NTM đã xây dựng kế hoạch công tác giám sát đối với UBND theo định kỳ, thường xuyên theo dõi, đôn đốc, giám sát việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo. Công tác tiếp nhận, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân luôn được HĐND cấp xã coi trọng và xử lý nghiêm túc, hợp lý hợp tình, tạo lòng tin của cử tri. Kết quả khảo sát cho thấy công dân hài lòng với việc HĐND giám sát UBND về giải quyết thủ tục hành chính là 76,7%, tạm hài lòng là 9,8%. Mức độ hài lòng với việc tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội của xã là 62%, tạm hài lòng là 16%. Đáng lưu ý, mức độ hài lòng ở lĩnh vực quản lý đất đai rất thấp 25%.

Ủy ban nhân dân

UBND xã có cơ cấu tổ chức theo quy định của Chính phủ. Hiện nay 100% số xã đã xây dựng được quy chế làm việc, thực hiện cải cách hành chính. Qua khảo sát các xã NTM của thành phố cho thấy hầu hết người dân cho điểm UBND xã cao (45,7% cho điểm 9; 23% cho điểm 10; 19,3% cho điểm 8; 3% cho điểm 3). Điều này nói lên mức độ công khai trong tổ chức, quản lý của UBND xã được trú trọng ở mức cao, mối quan hệ giữa UBND xã và người dân gần gũi, trực tiếp, thiết thực, thường xuyên.

Chính quyền các xã đều bám sát vào Bộ tiêu chí NTM, lập kế hoạch chi tiết, bàn bạc với dân và xác định biện pháp thực hiện.

Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, chính quyền các xã tập trung nhiều biện pháp với quyết tâm chính trị cao, khắc phục khó khăn, huy động được sự vào cuộc của nhân dân và sự chung tay của mọi lực lượng, một số xã thể hiện sự năng động, sáng tạo, điển hình: Cộng Hiền (Vĩnh Bảo), Đoàn Xá (Kiến Thụy), Phù Ninh (Thủy Nguyên), An Thắng (An Lão), Toàn Thắng (Tiên Lãng), An Hòa (An Dương).

Công tác tuyên truyền, vận động và tạo điều kiện để nhân dân được bàn và quyết định trong các cuộc họp ở địa phương do chính quyền cấp xã tổ chức tiếp tục thực hiện có hiệu quả.

100% xã đều thành lập Ban thanh tra, Ban giám sát, thực hiện Quy chế Dân chủ cơ sở.

UBND xã có nhiều đổi mới phương pháp làm việc, thể hiện vai trò của mình trong việc hướng dẫn, giúp đỡ và giám sát đối với hoạt động tự quản ở các thôn, làng. Công tác tiếp dân, giải quyết các thủ tục hành chính có chuyển biến tích cực, kịp thời giải quyết ý kiến, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo vượt cấp, tình trạng khiếu kiện tập thể không xảy ra. Kết quả khảo sát cho thấy có 63% số người được hỏi không phát hiện thấy quyết định nào của UBND chưa đúng với chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nhiều xã đã xây dựng chương trình, kế hoạch theo từng tuần, từng tháng, giảm bớt thời gian làm việc tại trụ sở, dành thời gian xuống thôn, làng trực tiếp chỉ đạo sản xuất và tiếp xúc nhân dân, nắm tình hình.

Những kết quả đạt được

Một là, hoạt động của chính quyền xã NTM ở thành phố Hải Phòng đều được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ. Có xã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: các xã được khen thưởng ở 7 huyện (Tiên Thắng, Toàn Thắng, An Hòa, Cộng Hiền, Phù Ninh, Đoàn Xá...)

Hai là, hoạt động của chính quyền xã đã tập trung giải quyết những vấn đề quan trọng trong việc phát triển của địa phương, tạo ra những chuyển biến tích cực trên các mặt sản xuất, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội... Góp phần làm cho khu vực nông thôn của thành phố Hải Phòng những năm qua có nhiều khởi sắc.

Ba là, hoạt động của chính quyền xã hướng tới sự hài lòng của người dân trong xã. Chính quyền đã thực hiện cải cách hành chính, áp dụng những tiến bộ khoa học công nghệ vào công tác quản lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả.

Bốn là, chính quyền xã có nhiều đổi mới phương thức, phong cách hoạt động, nâng cao trách nhiệm, đạo đức công vụ, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm... Xây dựng chính quyền thực sự phục vụ nhân dân, là cầu nối, tạo môi trường để nông dân phát huy vai trò chủ thể xây dựng NTM cũng như việc phát triển sản xuất, kinh tế - xã hội.

Năm là, chính quyền xã đã chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động, có nhiều biện pháp sáng tạo, phù hợp với điều kiện và yêu cầu bức thiết của người dân ở từng xã, phát huy các nguồn lực tại chỗ, lồng ghép các chương trình, dự án..., thường xuyên kiểm tra đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ đề ra để có sự điều chỉnh và có giải pháp phù hợp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, động viên kịp thời những tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp cho sự phát triển địa phương.

Sáu là, chính quyền các xã đã tập trung chỉ đạo thực hiện, giải quyết vấn đề then chốt của NTM là phát triển quy mô sản xuất, xác định cơ cấu kinh tế phù hợp như: vấn đề ruộng đất (dồn điền đổi thửa) có quy mô lớn, kỹ thuật canh tác (áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ), lựa chọn cơ cấu cây trồng, vật nuôi, quy mô sản xuất, chất lượng sản phẩm, thị trường tiêu thụ, kết hợp giữa 4 nhà để nâng cao giá trị sản phẩm.

Những hạn chế

Hoạt động của chính quyền một số xã còn mang nặng tính hành chính, thiếu chủ động, sáng tạo, thụ động, trông chờ sự chỉ đạo của cấp trên dẫn đến kết quả đạt mục tiêu, nhiệm vụ nhiều địa phương đạt ở mức trung bình, thậm chí còn thấp so với tiềm năng, điều kiện của địa phương.

Chính quyền một số xã chưa xác định nội dung, nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ ưu tiên, cấp bách để tập trung giải quyết nên còn tình trạng chỉ đạo thực hiện mang tính dàn trải, không có khâu đột phá, vì vậy kết quả đạt được chưa cao, tiến độ thực hiện mục tiêu chưa đạt yêu cầu.

Phương pháp triển khai nhiệm vụ của chính quyền một số xã chậm đổi mới, còn cứng nhắc, dập khuôn, máy móc, không huy động được sức mạnh từ nhân dân, chưa là chỗ dựa, niềm tin để nhân dân cùng chung tay thực hiện các mục tiêu phát triển của địa phương.

Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở vẫn chưa đáp ứng yêu cầu, một số xã còn bộc lộ yếu kém, khuyết điểm. Có nơi, có lúc còn vi phạm quyền làm chủ của nhân dân; không ít nơi, chưa thực hiện tốt công khai, dân chủ, chưa phát huy đầy đủ tinh thần làm chủ, trách nhiệm làm chủ của nhân dân trong tháo gỡ khó khăn, tham gia giải quyết những bức xúc từ cơ sở. Việc thực hiện Quy chế dân chủ, công khai, minh bạch các chế độ, chính sách, nhất là các chế độ, chính sách về nhà, đất, tài chính, tài sản, tiền lương, tiền thưởng; về quy hoạch, kế hoạch, giá cả đền bù khi thu hồi đất... có nơi chưa thực hiện nghiêm túc theo quy trình, quy định của Nhà nước, để xảy ra tham nhũng, vi phạm pháp luật.

Về cách thức trao đổi thông tin giữa chính quyền xã với người dân và các hộ gia đình thì hầu hết các địa phương lựa chọn hình thức thông qua cán bộ thôn và thông qua truyền thanh xã... Có thể thấy cách thức trao đổi thông tin giữa chính quyền xã với người dân và các hộ gia đình ít được thực hiện thông qua hình thức họp với dân.

Nguyên nhân của những hạn chế

Một bộ phận lãnh đạo cấp xã nhận thức về xây dựng NTM còn chung chung, chưa thực sự quan tâm sâu sát, phó thác cho chuyên môn, thậm chí còn có tư tưởng trong chờ, ỷ lại, chưa tích cực tham gia thực hiện với vai trò chủ thể của công cuộc xây dựng NTM. Mặc dù các xã đã có nhiều cố gắng trong quá trình triển khai thực hiện chương trình xây dựng NTM, nhưng do trình độ, năng lực và nhân lực của chính quyền xã còn nhiều hạn chế nên ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ và chất lượng thực hiện chương trình.

Một số xã còn khó khăn, xa trung tâm, điều kiện cơ sở vật chất và sản xuất không thuận lợi, thiếu những nguồn lực hỗ trợ, đầu tư của nhà nước và xã hội.

Trình độ của người dân cùng với những tập quán, nếp sản xuất, sinh hoạt còn bảo thủ khó thay đổi, đời sống vật chất, việc làm, thu nhập còn thấp. Việc tiếp cận

với cái mới, nền sản xuất hiện đại, quy mô lớn là thách thức đối với họ nên họ ngại thay đổi.

Tình trạng bỏ ruộng, bỏ nghề nông (ly nông) để vào làm việc ở doanh nghiệp, khu công nghiệp ngày càng nhiều, nông dân không mặn mà với đồng ruộng, không tha thiết, gắn bó với nghề nông nên ở nhiều xã đã thiếu lao động đặc biệt là những lao động trẻ, có sức khỏe, có tri thức.

Chính quyền xã còn có lúc thụ động chưa bám sát yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ còn dàn trải, chưa thực sự gắn với quy hoạch. Sự phối hợp giữa các tổ chức trong HTCT chưa thật sự chặt chẽ để phát huy tốt dân chủ cơ sở.

Ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức rèn luyện, phấn đấu, tinh thần trách nhiệm cam kết thực hiện nhiệm vụ của một bộ phận không nhỏ cán bộ xã chưa cao, ngại khó, ngại khổ, không tích cực học tập nâng cao trình độ, không thẳng thắn tự phê bình và phê bình vì sợ va chạm, có tư tưởng dĩ hòa vi quý, né tránh, làm việc cầm chừng, một số cán bộ lợi dụng chức quyền để làm giàu cho bản thân đã bị phát hiện và bị xử lý kỷ luật... Những điều này đã làm giảm uy tín của đội ngũ cán bộ xã đối với nhân dân.

Nhận thức về vấn đề dân chủ và phát huy dân chủ cơ sở chưa đầy đủ, cùng với việc thiếu trách nhiệm của một số cấp ủy, chính quyền trong chỉ đạo tổ chức thực hiện, thiếu kiểm tra, đôn đốc; chưa cụ thể hóa các quy chế, quy định, quy trình công khai, dân chủ ở cơ sở; chưa coi trọng việc sửa đổi, bổ sung quy chế, quy ước sát với thực tiễn của từng loại hình cơ sở; chưa phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân; việc sơ kết, tổng kết, nhân rộng các điển hình chưa được coi trọng; chưa kiểm điểm, phê bình nơi làm yếu và thiếu quan tâm giúp đỡ nơi có khó khăn.

3.3.1.3. Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân

Hầu hết các tổ chức của mặt trận và đoàn thể nhân dân ở xã NTM Hải Phòng đã xây dựng được quy chế hoạt động. Ở mỗi xã, Mặt trận, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh trong quá trình hoạt động đã xây dựng thành chương trình, kế hoạch công tác cụ thể; Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến

binh đã xây dựng quy chế phối hợp hoạt động trong công tác tuyên truyền, giáo dục cho thanh, thiếu niên. Xây dựng được mạng lưới ban công tác Mặt trận ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của địa phương. MTTQ xã đã phối hợp với các ngành, các tổ chức thành viên tạo thành sức mạnh tổng hợp trong việc triển khai các phong trào, các cuộc vận động.

Mỗi đoàn thể nhân dân đều có Ban Chấp hành ở cấp xã và tổ chức thành các chi hội, chi đoàn ở các thôn, xóm... Công tác xây dựng và phát triển tổ chức được các đoàn thể chú trọng. Trên cơ sở kế hoạch toàn khoá, hằng năm các tổ chức đoàn thể ở xã đã xây dựng chương trình hoạt động và giải pháp xây dựng, củng cố tổ chức chi hội ở cơ sở, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đoàn viên, hội viên cụ thể phù hợp với tình hình thực tế ở xã; tổ chức khảo sát đánh giá chất lượng hoạt động của đội ngũ cán bộ, tăng cường củng cố tổ chức hội ở các thôn, làng, không để thôn, làng trắng tổ chức hội. MTTQ và các đoàn thể đều được xếp loại tiên tiến trở lên.

Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể ở xã đã có những đổi mới đáng kể trong nội dung và phương thức vận động quần chúng. Cụ thể:

Mặt trận Tổ quốc xã: Xác định xây dựng NTM là nhiệm vụ của cả HTCT và toàn xã hội, MTTQ Việt Nam ở các xã làm nòng cốt trong công tác tuyên truyền nhằm phát huy vai trò chủ thể của nhân dân, khơi dậy tinh thần tự lực tự cường vươn lên, xây dựng nông thôn ổn định, hoà thuận, dân chủ.

MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên như: Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, vận động nông dân hiến đất, tài sản, góp công sức để xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu. Điển hình là: Xã An Thắng huyện An Lão, MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên vận động nhân dân đóng góp 12,45 tỷ đồng, hiến 21.070 m² đất thổ cư, đất nông nghiệp và 2.500 ngày công làm đường giao thông nội bộ; xã Quang Phục và các tổ chức thành viên đã làm tốt công tác vận động quần chúng hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, cụ thể hoá các nội dung phù hợp với đặc điểm địa phương nên được nhân dân hưởng ứng đóng góp 6 tỷ đồng, hiến 30.000 m² đất; Ở Vĩnh Bảo, Ủy ban MTTQ Việt Nam ở 30 xã đã vận động hiến 38,65 ha

đất để làm đường giao thông, nạo vét kênh mương; hay ở xã Ngũ Đoan huyện Kiến Thụy các chi hội, đoàn thể tuyên truyền vận động nhân dân hiến 106,870 m² đất...

Phương thức hoạt động của Mặt trận được đổi mới, góp phần nâng cao vai trò chủ trì của Mặt trận trong công tác phối hợp với các tổ chức thành viên. Phương thức vận động quần chúng của Mặt trận chủ yếu là: phối hợp với các đoàn thể vận động nhân dân phát triển kinh tế, xây dựng nếp sống văn minh, xoá đói, giảm nghèo; phối hợp với trưởng thôn làng, xây dựng hương ước, quy ước tự quản của thôn làng. Trong những năm qua MTTQ Việt Nam các xã đã góp phần quan trọng trong quá trình xây dựng chính quyền và pháp luật, công tác giám sát từng bước được nâng cao về chất lượng. Các hoạt động khảo sát, tham vấn và phối hợp giám sát được coi trọng, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nông dân.

Các phong trào thi đua, các cuộc vận động tiếp tục được MTTQ duy trì và triển khai sâu rộng - nhất là cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị về “đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Từ đó đã góp phần củng cố lòng tin của nhân dân đối với cấp uỷ Đảng, chính quyền, ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao chất lượng đời sống cho nông dân, như: Phong trào đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế, xã hội; Phong trào “Quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc” xây dựng nền quốc phòng toàn dân; Phong trào đền ơn đáp nghĩa; Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”; chăm lo sự nghiệp giáo dục, bảo vệ sức khoẻ nhân dân và công tác dân số kế hoạch hoá gia đình...

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã: Phương thức hoạt động Đoàn xã có những bước đổi mới, tổ chức Đoàn xã đã thể hiện được vai trò, vị trí của mình trong HTCT, xung kích trên một số lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, giữ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phối hợp với các tổ chức thành viên của MTTQ Việt Nam, trong những năm qua tuổi trẻ ở các xã tại Hải Phòng có nhiều cách làm hay, sáng tạo, phát huy sức mạnh tuổi trẻ trong xây dựng NTM. Tuổi trẻ Thành phố đã tổ chức nhiều lớp tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm nuôi trồng cho 21.700 đoàn viên. Hỗ trợ nguồn vốn đối với 4 dự án tại 4 xã làm điểm NTM với 350 triệu đồng. Tham gia tu sửa 52km đường giao thông nông

thôn. Huy động 6000 đoàn viên tham gia nạo vét khơi kênh mương. Tuổi trẻ các xã Chính Mỹ, Thủy Triều, Hoà Bình, Phù Ninh xung kích xây dựng NTM. Hỗ trợ 20 triệu 500 nghìn đồng cho các gia đình chính sách, trồng 500 cây xanh ở các xã Quảng Thanh, Phù Ninh. Đó là những hoạt động có ý nghĩa khích lệ tuổi trẻ ở xã vươn lên phấn đấu, cống hiến và khẳng định vai trò tiên phong trong các hoạt động của quê hương.

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh ở các xã triển khai hoàn thành các nhiệm vụ: Tổ chức các hoạt động văn hoá, thể dục thể thao, tập hợp giáo dục thanh niên, tổ chức dạy nghề cho thanh niên, phát động và tổ chức cho thanh niên sản xuất kinh doanh; Vận động thanh niên và gia đình chấp hành chủ trương, chính sách trong việc giải phóng mặt bằng phục vụ sự phát triển của thành phố; Tích cực tham gia công tác xây dựng Đảng, chính quyền xã; Bồi dưỡng thanh niên phẩm chất ưu tú để đứng trong hàng ngũ của Đảng.

Hội Phụ nữ xã: Tích cực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động nhằm phát huy vai trò trong công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho phụ nữ và trực tiếp tham gia thực hiện chương trình xây dựng NTM.

Hội Liên hiệp Phụ nữ ở các xã không chỉ chủ động tuyên truyền về bình đẳng giới, tham mưu đề xuất về công tác cán bộ nữ, mà còn thực hiện tốt chức năng tham gia quản lý Nhà nước. Hội chú trọng công tác tập hợp, giáo dục, đoàn kết hội viên, chăm lo đời sống hội viên, giúp hội viên vay vốn phát triển sản xuất.

Phong trào xây dựng “Mái ấm tình thương” được Hội Liên hiệp Phụ nữ ở các xã đặc biệt quan tâm. Trong năm 2017 Huyện An Dương đã trao 3 nhà; Huyện Vĩnh Bảo trao 5 nhà; Huyện Thủy Nguyên trao 4 nhà... cho các hội viên phụ nữ tại các xã.

Tại Cát Hải, Hội Liên hiệp Phụ nữ mở lớp tập huấn nghiệp vụ uỷ thác cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách cho 28 đồng chí Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội ở tất cả các xã trong huyện. Hội Liên hiệp phụ nữ xã phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội huyện giúp cho các hội viên, đặc biệt là các hộ nghèo, cận nghèo tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi của chính phủ, sử dụng đúng mục đích, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, ổn định cuộc sống. Đó là hoạt động thiết

thực góp phần thực hiện an sinh xã hội của địa phương. Phối hợp với các tổ chức của MTTQ Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Cát Hải tổ chức hội nghị đối thoại với nhân dân (mở đầu là xã Trân Châu - đơn vị điếm về chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM) nhằm giải quyết thắc mắc cho nhân dân. Bên cạnh đó, Hội cũng tích cực vận động ủng hộ cho “Ngày vì người nghèo”, tham gia xây dựng “Mái ấm chiến sĩ nơi biên giới”, phối hợp công tác với các đồn biên phòng, tạo sự gắn bó, thăm đượm tình quân dân trong khối đại đoàn kết toàn dân huyện đảo, góp phần tích cực trong xây dựng và phát triển huyện đảo.

Hội Liên hiệp Phụ nữ An Dương tổ chức nhiều đợt tập huấn công tác nghiệp vụ cho các hội viên. Các đợt tập huấn hướng vào việc tuyên truyền Hiến pháp mới, luật hôn nhân gia đình, luật bình đẳng giới, đề án giáo dục 5 triệu bà mẹ nuôi dạy con tốt và đặc biệt là thực hiện Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị.

Ở Tiên Lãng: Hội đã Tổ chức hội nghị tọa đàm “Vai trò của tổ chức hội Phụ nữ với công tác đồn điền đổi thửa” góp sức xây dựng NTM, thu được nhiều kết quả đáng ghi nhận.

Hội Nông dân xã: Hội nông dân các xã đã được kiện toàn về mặt tổ chức từ ban chấp hành đến các chi hội, tổ hội, phát huy vai trò là một tổ chức chính trị đại diện cho lợi ích thiết thực của giai cấp nông dân. Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình theo Điều lệ hội quy định, Hội nông dân các xã đã xây dựng các phương thức hoạt động như: tuyên truyền, tổ chức các lớp tập huấn khoa học - kỹ thuật (khuyến nông, khuyến lâm...), mô hình sinh hoạt câu lạc bộ, tổ nhóm vay vốn, tham quan học tập kinh nghiệm. Qua đó vận động nông dân tham gia vào tổ chức và các phong trào của Hội. Hội Nông dân tích cực tham gia phát triển kinh tế nông nghiệp, đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, dịch vụ, hỗ trợ, dạy nghề cho nông dân. Tích cực tham gia xây dựng NTM: Vận động nông dân hiến đất, đóng góp kinh phí. (03 năm qua ở các xã đã hiến: 1.345.000 m² đất nông nghiệp làm đường nội đồng, thủy lợi; 56.765 m² đất thổ cư để mở rộng đường làng, ngõ xóm; 52,2 tỷ đồng và hàng vạn ngày công làm đường, nạo vét kênh mương). Tích cực tham gia công tác xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống, đảm bảo an sinh xã hội, hội viên nông dân đóng góp kinh phí hỗ trợ vốn, giống cây trồng vật nuôi phát triển sản xuất. Xây dựng 64

nhà tình nghĩa tặng cho hội viên nghèo. Hội Nông dân các xã đẩy mạnh công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách, quy định của Trung ương, thành phố về chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM tới đông đảo cán bộ, hội viên, nông dân gắn với thực hiện cuộc vận động “đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh” và các nhiệm vụ chính trị của Hội. 03 năm qua đã tổ chức tuyên truyền 9.762 buổi cho 958.286 lượt cán bộ hội viên, duy trì 189 cơ sở Hội. Những hoạt động cụ thể đó góp phần thiết thực vào chương trình xây dựng NTM: Hội Nông dân xã Tiên Thắng - Tiên Lãng vận động nhân dân đóng góp 4,4 tỷ đồng; 3.520 ngày công lao động, 1.250 hộ tự nguyện hiến 74.529 m² đất. Tại các xã Đại Bản, Đồng Thái, Đồng Hoà (huyện An Dương), Hội Nông dân kết hợp hoạt động với các tổ chức vận động nông dân hoàn thành các chỉ tiêu tu bổ đê điều, tổ chức tuyên truyền hiến pháp, pháp luật... Tại huyện Kiến Thụy, hội Nông dân ở 9 xã đã tổ chức chiến dịch truyền thông lòng ghép cung cấp dịch vụ sức khoẻ sinh sản - kế hoạch hoá gia đình.

Hội Cựu chiến binh xã: đã thường xuyên bám sát nghị quyết của Đảng uỷ xã và kế hoạch, chỉ thị của cơ quan hội cấp trên, đồng thời nắm chắc tình hình, thực trạng, đặc điểm của chi hội, nên Hội đã đề ra kế hoạch, phong trào sát với tình hình, nhiệm vụ chính trị của địa phương. Với các hình thức tổ chức sinh hoạt đa dạng, như: tổ chức những buổi học tập, sinh hoạt, giới thiệu tình hình thời sự, phổ biến kiến thức cho hội viên, tổ chức câu lạc bộ..., ký cam kết phối hợp giữa các ban ngành, đoàn thể, nhà trường trên địa bàn xã để cùng tổ chức thực hiện. Những năm qua, hoạt động của các Hội cựu chiến binh không chỉ hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị ở xã, mà còn góp phần làm cho hội viên tích cực lao động sản xuất, đời sống của gia đình cựu chiến binh được nâng lên. Chính phong trào xoá đói, giảm nghèo trong cựu chiến binh đã có ảnh hưởng tốt trong cộng đồng dân cư. Hội quan tâm sâu sắc và đã tổ chức những hoạt động tình nghĩa nổi bật “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”. Đây là những hoạt động không thể thiếu của Hội nhằm nêu cao tinh thần tương thân tương ái.

Có thể khẳng định rằng, nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ và các đoàn thể nhân dân ở xã đã từng bước được đổi mới. Mặt trận và các đoàn thể ở xã

đã thực hiện vai trò đại diện, bảo vệ quyền lợi chính đáng của đoàn viên, hội viên. Tổ chức bộ máy của Mặt trận và các đoàn thể từng bước được củng cố, kiện toàn, bảo đảm đủ về số lượng, nâng cao dần về chất lượng, cơ cấu phù hợp.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, hoạt động của Mặt trận và đoàn thể các xã tại Hải Phòng còn bộc lộ nhiều hạn chế, thể hiện ở những vấn đề sau:

Một là, tuy đã có sự phân định chức năng và cơ chế phối hợp nhưng vẫn còn quá nhiều sự trùng lặp, hoặc thiếu rõ ràng, nhất là phân biệt giữa sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của chính quyền xã, giữa công tác dân vận của chính quyền với hoạt động của Mặt trận và đoàn thể.

Hai là, nghị quyết của Mặt trận và đoàn thể có những thời điểm chỉ là sự sao chép, minh hoạ cho nghị quyết của Đảng bộ xã. Mặt trận và đoàn thể xã làm tốt công tác vận động quần chúng nhưng công tác giám sát góp ý xây dựng Đảng, chính quyền, đặc biệt là chức năng phản biện xã hội chưa thực sự nổi bật. Trong báo cáo của các huyện Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Cát Hải, An Dương, An Lão, Kiến Thụy thì hầu hết các xã đều hoàn thành tiêu chí 18 - Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh, nhưng các báo cáo chỉ tập trung phản ánh số tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn “Trong sạch vững mạnh”, cán bộ xã đạt chuẩn mà chưa quan tâm đầy đủ đến các tổ chức đoàn thể chính trị.

Ba là, bộ máy của HTCT xã nói chung, của Mặt trận và đoàn thể xã nói riêng còn quá cồng kềnh, có biểu hiện quan liêu, xa dân ngay tại xã nhà. Số lượng cán bộ đông nhưng vẫn thiếu, yếu so với yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đổi mới nông thôn, gây sức ép cho chi phí ngân sách của địa phương.

Bốn là, đội ngũ cán bộ mặt trận, đoàn thể xã tuy đã có bước chuyển biến rõ rệt về trình độ, năng lực nhưng vẫn còn những vấn đề cần quan tâm về phẩm chất chính trị, đạo đức, kỹ năng vận động quần chúng, tác phong và văn hoá ứng xử. Xu thế quan liêu, xa dân nếu không kịp thời chấn chỉnh sẽ tiềm ẩn nguy cơ giảm sút niềm tin của nhân dân.

Năm là, cơ chế lãnh đạo tập thể ngoài thể mạnh, ưu điểm cũng bộc lộ những hạn chế cần khắc phục. Trách nhiệm, chức trách của cá nhân chưa được xác định rõ,

chưa cụ thể, làm giảm sức sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của các lãnh đạo Mặt trận, đoàn thể xã.

Nguyên nhân của hạn chế

Trình độ, năng lực của cán bộ hội, đoàn thể còn hạn chế so với yêu cầu đòi hỏi của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Nhiều nơi có tình trạng luân chuyển cán bộ bị kỷ luật, năng lực, trình độ hạn chế sang công tác tại các hội, đoàn thể .

Nhiều chủ trương, chính sách mới, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin ảnh hưởng không nhỏ đến việc triển khai thực hiện nhiệm vụ của Mặt trận, đoàn thể xã trong khi Mặt trận, đoàn thể chậm đổi mới nội dung, phương thức hoạt động.

Trách nhiệm của cấp uỷ Đảng, chính quyền trong việc nâng cao nhận thức, về vị trí, vai trò của Mặt trận, đoàn thể xã chưa thường xuyên, cụ thể, sâu rộng, chưa tạo được sự chuyên biến và quyết tâm hành động, tinh thần sáng tạo, vượt khó của các tổ chức.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền xã có lúc, có nơi chưa tập trung, quyết liệt, sáng tạo, ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức.

Cơ sở vật chất và điều kiện làm việc cũng như chế độ đãi ngộ đối với cán bộ Mặt trận, đoàn thể còn hạn chế, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả công việc.

3.3.1.4. Trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ xã nông thôn mới

Đội ngũ cán bộ làm công tác đảng ở xã

Về phẩm chất chính trị: Đại đa số cán bộ làm công tác đảng ở các xã của Hải Phòng gương mẫu chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng (đạt 100%), có tinh thần trách nhiệm cao, tận tụy chăm lo đến công việc chung của xã, thôn (89,5%), sản xuất, phát triển kinh tế gia đình (87,5%), làm việc có hiệu quả, nòng cốt cho mọi hoạt động của xã, thôn (94%), nhất là trong công tác thuyết phục, tập hợp và vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, lãnh đạo nhân dân thôn, xã phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao

đời sống, đề cao tinh thần đoàn kết tập thể, đấu tranh chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống lại sự nghiệp cách mạng của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Về đạo đức, lối sống: Tuyệt đại đa số các đồng chí cấp uỷ, nhất là người đứng đầu tiếp tục giữ gìn và phát huy được tư cách đảng viên, tự giác rèn luyện đạo đức, lối sống lành mạnh, luôn giữ gìn đoàn kết nội bộ, thực hiện chế độ tự phê bình và phê bình, trung thực với Đảng (98,5%), thực hiện vai trò nêu gương, gương mẫu thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, không tham nhũng, hách dịch, xa dân. Các tổ chức đảng và đảng viên ở cơ sở đã tăng cường mối liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, được nhân dân tin nhiệm. Triển khai quy chế dân chủ ở cơ sở có những chuyển biến tích cực.

Về trình độ: Trình độ lý luận chính trị của cán bộ làm công tác đảng đã được nâng lên đáng kể, đa số cán bộ làm công tác đảng có trình độ lý luận chính trị trung cấp, sơ cấp (chi bộ) đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Điều đáng lưu ý là trình độ của đội ngũ cán bộ làm công tác đảng hiện nay ở xã NTM đã có những thay đổi theo hướng được nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ, thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 3: Tỷ lệ cán bộ làm công tác đảng ở xã nông thôn mới có trình độ chuyên môn và các chứng chỉ đáp ứng yêu cầu công việc qua các năm

Trình độ		12/2010	12/2015	12/2016	12/2018
Trình độ chuyên môn	Trung cấp	43.30%	30.08%	24.01%	20.45%
	Đại học, Cao đẳng	32.86%	57.63%	63.56%	70.60%
	Thạc sĩ	0.00%	0.28%	0.14%	1.56%
Trung cấp Chính trị		59.52%	73.02%	75.99%	82.10%
Chứng chỉ Quản lý nhà nước		23.41%	37.15%	42.23%	47.87%
Chứng chỉ tin học		33.71%	51.69%	60.88%	69.46%
Chứng chỉ ngoại ngữ		23.98%	44.92%	56.92%	66.62%

Nguồn: Ban Tổ chức Thành ủy Hải Phòng

Đội ngũ cán bộ chính quyền xã

Cán bộ chính quyền xã là những cán bộ giữ chức vụ được bầu (chủ tịch, phó chủ tịch HĐND, UBND và ủy viên ủy ban). Họ giữ vai trò quan trọng, lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội và tiếp tục xây dựng xã NTM bền vững, ngày càng phát triển.

Nhiệm kỳ 2016 - 2021, số lượng cán bộ xã đạt chuẩn NTM ở Hải Phòng là: 907 người với các vị trí chức vụ chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên theo quy định của pháp luật.

Về phẩm chất chính trị: tuyệt đại đa số cán bộ chính quyền có phẩm chất chính trị tốt, luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội của nước ta. Mặc dù đời sống đa số cán bộ làm công tác chính quyền ở xã còn gặp nhiều khó khăn như lương, phụ cấp không đủ sống, nhưng họ đã có nhiều nỗ lực hoàn thành chức trách nhiệm vụ, góp phần ổn định, an ninh quốc phòng được giữ vững.

Về đạo đức, lối sống: đa số cán bộ làm công tác chính quyền ở xã có đạo đức, lối sống được đánh giá là tốt.

Về trình độ: - Chuyên môn: cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng chiếm 67,5 %; ThS chiếm 0,06 %; Trung cấp chiếm 32,44 % .

- Chính trị: Trung cấp đạt 92,4 %.

- Quản lý nhà nước: 97,6 % có chứng chỉ quản lý nhà nước.

- Tin học: 90,01% có chứng chỉ tin học cơ sở.

- Ngoại ngữ: 72,05% có chứng chỉ ngoại ngữ.

Cán bộ chính quyền xã NTM ở Hải Phòng nhiệt tình, năng nổ, trách nhiệm trong công tác, có tinh thần khắc phục khó khăn, nắm bắt được chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, thường xuyên tu dưỡng phẩm chất đạo đức, tác phong công tác, gần gũi hòa mình với quần chúng nhân dân, được dân yêu mến. Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ chính quyền xã vẫn còn có một số hạn chế nhất định, thiếu kiến thức về kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ, chính sách, pháp luật... Chính vì vậy nên lúng túng, bất cập, thậm chí đôi lúc giải quyết công việc thiếu chính xác, gây mất đoàn kết, mất niềm tin trong dân (vấn đề tranh chấp

đất đai, giải quyết đơn thư khiếu nại, những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của dân...).

Bên cạnh đó, đội ngũ công chức chuyên môn ở xã được tuyển dụng theo chức danh cũng được đánh giá ngày càng tốt hơn về trình độ, tinh thần thái độ phục vụ, đạo đức công vụ. Hiện nay, công chức chuyên môn ở xã toàn thành phố Hải Phòng là 1611 người, số lượng công chức tại các xã đạt chuẩn NTM là 1001 người, được tuyển dụng và đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định hiện hành. Theo số liệu của Sở Nội vụ và khảo sát của tác giả, trình độ của công chức các xã NTM cụ thể như sau:

- Chuyên môn: cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng chiếm 68,55%; ThS chiếm 0,43%; Trung cấp chiếm 30,08% .
- Chính trị: Trung cấp đạt 51,5%.
- Quản lý nhà nước: 39,25% có chứng chỉ quản lý nhà nước.
- Tin học: 90,45% có chứng chỉ tin học cơ sở.
- Ngoại ngữ: 81,88% có chứng chỉ ngoại ngữ.

Tuy ngày càng được chuẩn hóa về trình độ, có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống tốt, công chức chuyên môn xã vẫn còn chưa thuần thục nhiều kỹ năng, chậm cập nhật về chính sách, quy định pháp luật mới, tính khoa học, chuyên nghiệp trong hoạt động công vụ chưa cao, còn bị chi phối bởi quan hệ họ hàng hay thói quen làng xã.

Đội ngũ cán bộ đoàn thể:

Về phẩm chất chính trị: phần lớn cán bộ khối đoàn thể xã là bộ đội xuất ngũ, và cán bộ về hưu đã được rèn luyện, thử thách nên có bản lĩnh chính trị vững vàng, sống trong sạch, giản dị, quan tâm chăm lo đến sự nghiệp chung.

Về đạo đức, lối sống: Đội ngũ cán bộ làm công tác Mặt trận và các đoàn thể cấp xã nhìn chung có đạo đức, lối sống tốt, giản dị, lành mạnh, gần gũi với quần chúng nhân dân. Nhiều cán bộ đã khẳng định được vai trò đầu tàu, gương mẫu ở cơ sở trong các lĩnh vực của đời sống kinh tế, văn hoá, trong công tác xoá đói, giảm nghèo.

Về trình độ lý luận chính trị: trình độ lý luận chính trị của đội ngũ cán bộ làm công tác Mặt trận và đoàn thể ở cơ sở trong những năm qua được nâng lên đáng kể.

Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ: trong những năm qua, phần lớn đội ngũ cán bộ khối Mặt trận và đoàn thể được bồi dưỡng cơ bản về nghiệp vụ chuyên môn, như: hằng năm khối Mặt trận và đoàn thể đã phối hợp với Trường chính trị Tô Hiệu, Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện mở các lớp bồi dưỡng cho cán bộ làm công tác đoàn, hội. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng bước đầu gắn với quy hoạch. Đa số cán bộ làm công tác Mặt trận và các đoàn thể ở xã được học qua các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ công tác vận động quần chúng, có kinh nghiệm tổ chức và vận động quần chúng, phần đông nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm cao trong công tác.

Đánh giá chung đội ngũ cán bộ xã

Cán bộ xã NTM Hải Phòng nhiệt tình, năng nổ, trách nhiệm trong công tác, có tinh thần khắc phục khó khăn về nhiều mặt (trình độ kiến thức hạn chế, hoàn cảnh gia đình khó khăn...), phấn đấu thực hiện các nhiệm vụ được phân công, thường xuyên tu dưỡng phẩm chất đạo đức, phong cách công tác, gần gũi hòa mình với quần chúng nhân dân, được dân tin yêu.

Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ xã còn có một số hạn chế nhất định, cán bộ xã nói chung chưa được đào tạo cơ bản về kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ. Qua điều tra, tìm hiểu tác giả nhận thấy trình độ học vấn của đội ngũ cán bộ xã còn nhiều bất cập: trình độ sau đại học chiếm tỷ lệ ít ỏi, cụ thể: huyện Tiên Lãng: 0,9%; huyện Vĩnh Bảo: 0,3%; huyện Kiến Thụy: 1,2%; huyện An Dương: 1,3%; huyện Thủy Nguyên: 0,3%. Phần lớn là trình độ đại học, cao đẳng, tại chức. Bên cạnh đó trình độ trung học phổ thông còn chiếm tỷ lệ khá cao: huyện Tiên Lãng: 25%; huyện Kiến Thụy: 31,8%; huyện An Dương: 24,7%; huyện Thủy Nguyên: 31,7%.

Cán bộ xã còn chưa thường xuyên được cập nhật kiến thức, kỹ năng, chính sách, pháp luật... nhất là cán bộ chuyên môn ở bốn chức danh: tài chính, địa chính, văn phòng - thống kê, tư pháp. Chính vì vậy nên lúng túng, bất cập, thậm chí đôi lúc giải quyết công việc thiếu chính xác, gây mất đoàn kết, mất niềm tin trong dân (vấn đề tranh chấp đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giải quyết đơn thư khiếu nại của dân...).

Năng lực công tác của cán bộ xã về cơ bản chưa tương xứng với nhiệm vụ, còn nhiều lúng túng trước những vấn đề đặt ra từ thực tiễn lãnh đạo, quản lý, dân vận, còn yếu về kỹ năng chuyên môn, chưa biết cách dựa vào dân và phát huy dân chủ trong quản lý điều hành.

Về phẩm chất đạo đức, bên cạnh số đông cán bộ cơ sở có phẩm chất đạo đức, ý thức trách nhiệm tốt, vẫn còn một bộ phận cán bộ chưa thật sự gương mẫu, ít rèn luyện, tu dưỡng bản thân, thiếu tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật, giảm ý chí cách mạng...; một số ít cán bộ bị thoái hóa, biến chất, quan liêu, tham nhũng, trù dập ức hiếp dân, vi phạm pháp luật, mất uy tín trước dân đã được loại bỏ nhưng vẫn gây ảnh hưởng xấu. Những yếu kém về phẩm chất đạo đức của cán bộ xã là một trong những nguyên nhân chủ yếu của tình trạng bất bình, phản ứng của nhân dân ở cơ sở.

Nguyên nhân

Khác với công chức nhà nước ở những khu vực khác, ở cán bộ xã có sự kết hợp chặt chẽ cả bốn yếu tố: người dân, người cùng họ cùng làng, người đại diện của cộng đồng và người đại diện cho Nhà nước ở địa phương. Bốn yếu tố này vừa thống nhất, vừa mâu thuẫn, xung đột nhau trong con người cán bộ xã, chi phối hoạt động của họ, nhất là trong việc giải quyết những vấn đề có liên quan đến mối quan hệ giữa các lợi ích cá nhân và cộng đồng.

Cán bộ xã đều là dân địa phương, họ làm ăn sinh sống tại xã, có quan hệ dòng tộc, láng giềng thân thiết với dân làng, có lợi ích và quan hệ gắn bó với làng xã về mọi mặt: kinh tế, văn hóa, tình cảm, đời sống, sinh hoạt...

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ xã còn nhiều bất cập cả về số lượng lẫn chất lượng. Nội dung chương trình bồi dưỡng còn chưa thật sát với đối tượng; còn nặng về lý luận chung, ít bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cụ thể. Phương thức bồi dưỡng còn nặng nề, kém hiệu quả.

Chưa xác định được rõ những yêu cầu, tiêu chuẩn cụ thể cho từng loại cán bộ xã (cán bộ bầu cử, cán bộ chuyên môn, cán bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể...) nên việc bố trí sử dụng còn tùy tiện, thiếu ổn định, thiếu nhất quán.

Chế độ chính sách đãi ngộ còn nhiều bất hợp lý giữa các đối tượng (giữa cán bộ chính quyền với cán bộ đoàn thể, giữa cán bộ quản lý chủ chốt với cán bộ chuyên môn, giữa các cán bộ chuyên môn với nhau...); chưa đủ sức thu hút những người đã qua đào tạo cơ bản về làm việc ở xã.

Chưa phát huy được dân chủ mạnh mẽ trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ xã. Cán bộ xã là cán bộ trực tiếp hàng ngày làm việc và quan hệ với nhân dân, thường xuyên chịu sự giám sát của nhân dân nhưng hiện nay chưa có một cơ chế hữu hiệu để đảm bảo cho nhân dân trực tiếp tham gia tuyển chọn và giám sát các chức danh cán bộ và trên thực tế, trong nhiều trường hợp việc thực hiện dân chủ trong công tác cán bộ ở xã còn mang tính hình thức. Đây là một trong những nguyên nhân trực tiếp của tình trạng yếu kém của đội ngũ cán bộ xã trên địa bàn nông thôn Hải Phòng hiện nay.

3.3.2. Đánh giá chung về hệ thống chính trị xã nông thôn mới

3.3.2.1. Những kết quả đạt được

HTCT các xã nông thôn Hải Phòng được củng cố ngày càng vững chắc, cụ thể:

(1) Các tổ chức Đảng xã và số các chi bộ trong sạch vững mạnh đạt tỷ lệ cao (100%), vai trò lãnh đạo của Đảng bộ các xã cũng như các chi bộ được khẳng định, phát huy tốt vai trò lãnh đạo và tạo được niềm tin trong nhân dân.

(2) Đối với chính quyền: chủ động bám sát các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, tích cực cải cách hành chính, đặc biệt xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở làm cho hiệu lực, hiệu quả của chính quyền và chỉ số hài lòng của người dân đối với chính quyền các xã được nâng lên (chính quyền các xã dựa vào dân, tôn trọng ý kiến của nhân dân, quan tâm giải quyết các nhu cầu chính đáng của nhân dân, tích cực thực hiện các hình thức dân chủ trực tiếp, đặc biệt là thực hiện quy chế dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra...). Do đó, tính công khai minh bạch trong hoạt động của chính quyền là một trong những yếu tố cơ bản làm cho chính quyền xã ngày càng đạt hiệu lực, hiệu quả hơn.

(3) MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội không ngừng đổi mới phương thức, phương pháp vận động quần chúng, có nhiều hình thức sáng tạo, thu hút khơi dậy tiềm năng và nguồn lực phục vụ xây dựng NTM đạt kết quả. Từ đó, phát

huy được vai trò làm chủ thực sự của người nông dân trong việc quyết định các vấn đề liên quan đến nhu cầu, nguyện vọng, đời sống của chính họ. Người nông dân ngày càng có niềm tin, tự giác mang trí tuệ, sức lực, vật chất để chung tay xây dựng NTM.

Với nền tảng vững chắc của HTCT xã là điều kiện đảm bảo căn bản để phát huy dân chủ ở cơ sở và nâng cao đời sống nhân dân, tiếp tục nâng cao chất lượng NTM và phấn đấu đạt “xã nông thôn kiểu mẫu”.

3.3.2.2. Hạn chế

HTCT một số xã còn thiếu tính chủ động, tích cực, còn trông chờ cấp trên, thụ động, thiếu năng động, không đủ bản lĩnh và quyết tâm vượt qua khó khăn làm cho kết quả thực hiện chương trình xây dựng NTM không tiếp tục được phát huy.

Các tổ chức thành viên của HTCT đều thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và nhân dân. Hoạt động của các tổ chức này còn mang nặng tính hình thức, hành chính hóa, thiếu sự mềm mại, khéo léo để tập hợp quần chúng.

Sự phối hợp hoạt động giữa các tổ chức thành viên của HTCT để đạt được hiệu lực, hiệu quả trong lãnh đạo, quản lý ở một số cơ sở còn nhiều hạn chế.

Ở những xã khó khăn, cơ sở vật chất, điều kiện đảm bảo cho hoạt động của HTCT còn thiếu, hầu hết các xã đều chưa trang bị đủ những công cụ, thiết bị phục vụ nền hành chính hiện đại.

Công tác tuyên truyền, giáo dục chưa được quan tâm đúng mức, nhận thức về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở chưa đồng đều; trách nhiệm của một số Ban chỉ đạo, của Mặt trận, đoàn thể có nơi, có lúc chưa được đề cao. Đến nay, vẫn còn nhiều nơi chất lượng thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở chưa cao. Sự phối hợp giữa cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể trong công tác chỉ đạo, kiểm tra, tổng kết và nhân rộng các điển hình có nơi thiếu chặt chẽ, chưa đồng bộ; thiếu kiên quyết trong việc xây dựng và ban hành các quy chế, quy định, quy trình thực hiện công khai, dân chủ...

3.3.3. Một số vấn đề đặt ra với hệ thống chính trị cấp xã đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới hiện nay

HTCT cấp xã với vai trò quan trọng - lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức nhân dân thực hiện chương trình xây dựng NTM. Do đó, các xã có đi tới thành công hay thất bại phụ thuộc vào vai trò có tính quyết định của HTCT. Xây dựng NTM là một quá trình liên tục, không ngừng đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, nâng cao chất lượng cuộc sống nông dân, đòi hỏi HTCT cấp xã phải không ngừng vận động, phát triển phục vụ nhiệm vụ đặt ra ở từng giai đoạn khác nhau.

Hiện nay, sau mười năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM, nhiều xã, huyện trên cả nước đã đạt chuẩn NTM. Các xã đạt chuẩn NTM tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí, phấn đấu đạt xã “Nông thôn mới kiểu mẫu”. Trong gian đoạn mới này đặt ra những đòi hỏi mới với HTCT xã nhằm đáp ứng yêu cầu trên, đó là:

Thứ nhất, trong điều kiện xã đạt chuẩn NTM tiếp tục phấn đấu đạt xã “Nông thôn mới kiểu mẫu” xuất hiện nhiều vấn đề đòi hỏi HTCT phải tập trung giải quyết trên cả 3 mặt: nông nghiệp, nông thôn, nông dân.

Về nông nghiệp, với yêu cầu phải phát triển nền sản xuất hàng hóa, có năng suất, chất lượng cao, đủ sức cạnh tranh trên thị trường, đòi hỏi phải chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp ở mỗi xã. HTCT phải xác định đúng cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên, tập quán sản xuất, xác định được sản phẩm của xã là gì, khẳng định nguồn gốc, chất lượng sản phẩm bằng chỉ dẫn địa lý. Quy mô sản xuất phải tăng đặt ra vấn đề dồn điền, đổi thửa, quản lý đất đai, sắp xếp tổ chức lại sản xuất một cách khoa học, hiệu quả... Vấn đề ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch trong sản xuất, nhu cầu về vốn, thị trường... Đặc biệt, việc nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp, gắn sản xuất với chế biến, tìm kiếm thị trường tiêu thụ ổn định và mở rộng xuất khẩu, kết nối nhà nông với nhà khoa học, đề xuất với nhà nước có chính sách phù hợp... là những vấn đề cần đến HTCT vào cuộc giải quyết, hỗ trợ nông dân.

Về nông thôn, diện mạo NTM đã thay đổi căn bản. Kết cấu hạ tầng đã được nâng cấp phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân nhưng quy hoạch và chất lượng

quy hoạch đảm bảo cảnh quan nông thôn vừa hiện đại, vừa gìn giữ được nét truyền thống là yêu cầu rất quan trọng đặt ra với HTCT ở xã NTM hiện nay. Vấn đề huy động nguồn lực cho việc nâng cao chất lượng các tiêu chí, nhất là chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa, dịch vụ công, thông tin, giải quyết vấn đề an sinh xã hội, ô nhiễm môi trường, nước sạch, rác thải, vệ sinh, an ninh, trật tự an toàn xã hội... Tùy thuộc vào điều kiện mỗi xã, xuất hiện những vấn đề phức tạp, khó khăn trong việc bảo vệ môi trường, cảnh quan, văn hóa, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân và an ninh, trật tự, an toàn xã hội

Về nông dân: nông dân mong muốn, yêu cầu và đòi hỏi nhiều hơn, cao hơn đối với HTCT ở xã như: giúp họ giải quyết vấn đề vay vốn, nắm bắt khoa học kỹ thuật, chính sách, pháp luật, tìm kiếm, tiếp cận thị trường, giới thiệu, quảng bá sản phẩm... giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, nhu cầu về văn hóa, thể thao... Đặc biệt, việc đảm bảo và phát huy dân chủ ở cơ sở một cách thực chất. Người nông dân là chủ thể, trực tiếp mang sức lực và trí tuệ làm nên những thành quả của chương trình ở xã NTM. Thông qua đó, năng lực làm chủ và khả năng thực hành dân chủ của họ cũng được nâng lên rõ rệt. Nông dân chủ động bàn bạc, tham gia với chính quyền, quyết định những vấn đề của địa phương, thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động và chất lượng của công trình, của các tổ chức trong HTCT. Vì vậy, vấn đề công khai, minh bạch, vấn đề thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở là những đòi hỏi có tính cấp thiết hiện nay của nông dân đối với HTCT ở xã NTM.

Như vậy, có thể thấy rằng, để phát huy những thành tựu đã đạt được, phấn đấu đạt chuẩn xã “Nông thôn mới kiểu mẫu” còn không ít khó khăn, thách thức, vấn đề đặt ra đòi hỏi HTCT tiếp tục phải củng cố, hoàn thiện, đổi mới đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng NTM trong giai đoạn hiện nay.

Thứ hai, HTCT ở xã NTM phải tự giác đổi mới, hoàn thiện đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng “Nông thôn mới kiểu mẫu”. HTCT xã được cấu trúc bởi các tổ chức thành viên, có chức năng nhiệm vụ, phương thức hoạt động theo quy định của pháp luật. Để hoàn thành sứ mệnh của mình cũng như bảo đảm sự tồn tại, phát triển, HTCT phải luôn coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn, không ngừng đổi mới, hoàn thiện, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động để có đầy đủ năng lực, trí tuệ

hoàn thành sứ mệnh trong từng giai đoạn khác nhau, đây cũng chính là nhu cầu tự thân, tự giác đảm bảo sự sống còn của HTCT.

Trong giai đoạn hiện nay, với vai trò lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân xây dựng xã “Nông thôn mới kiểu mẫu”, HTCT xã NTM đứng trước những vấn đề đặt ra sau đây:

- *Tổ chức đảng và đảng viên* phải tiếp tục phát huy vai trò hạt nhân chính trị trong việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu của xã. Đảng bộ xã phải đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo HTCT và nông dân.

Đảng bộ xã, đặc biệt là cấp ủy và người đứng đầu không thể chung chung, trông chờ nghị quyết cấp trên để ban hành nghị quyết cấp mình mà phải chủ động đề ra đường lối phát triển của xã gắn với đặc điểm và giải quyết những vấn đề đặt ra của địa phương. Nghị quyết của đảng bộ xã nào phải phù hợp với xã ấy chứ không thể mang ra thực hành ở mọi xã. Điều này đòi hỏi cấp ủy phải có đủ kiến thức về kinh tế, văn hóa, pháp luật, quản lý..., am hiểu thực tiễn địa phương, có đủ bản lĩnh, năng lực lãnh đạo, khoa học, sáng tạo và quyết tâm chính trị cao. Đảng bộ xã phải đề được những biện pháp thiết thực, phân công trách nhiệm cho tổ chức, cá nhân, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, chấn chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ... Có như vậy, đảng bộ xã mới đảm đương được vai trò lãnh đạo HTCT xã trong điều kiện hiện nay.

- *Đối với chính quyền xã đạt chuẩn NTM*, với sự thay đổi căn bản về cơ sở hạ tầng kinh tế, văn hóa, xã hội cũng như trình độ của người dân được nâng cao đã đặt ra yêu cầu mới trong quản lý của chính quyền xã để tiếp tục phát triển các xã “Nông thôn mới kiểu mẫu”, có chất lượng các tiêu chí không ngừng được nâng cao. Trách nhiệm đó thuộc về cả HTCT, trong đó chính quyền xã có vai trò trung tâm và trực tiếp.

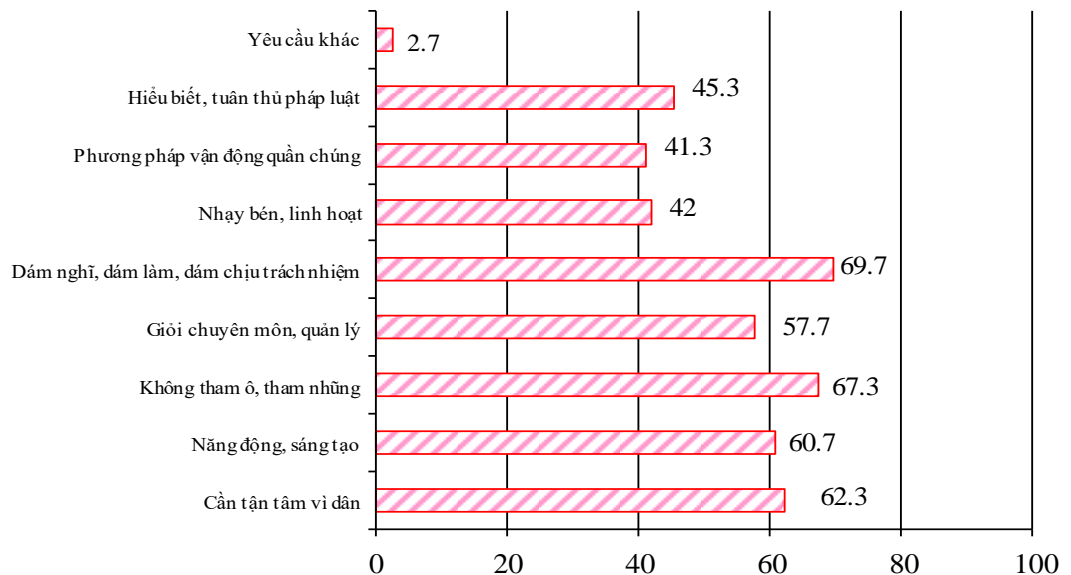
Những yêu cầu đặt ra đối với chính quyền xã đạt chuẩn NTM hiện nay là:

+ Chính quyền xã phải đổi mới tư duy và hoạt động để phục vụ tốt nhất những hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh và phát triển kinh tế ở NTM. Khác với trước đây, khi chưa đạt chuẩn NTM, chính quyền xã chủ yếu quản lý các thủ tục hành chính, thụ động, trông chờ sự chỉ đạo cấp trên thì giờ đây, chính quyền

xã phải thực hiện chức năng quản lý kinh tế, phải là cầu nối giữa nông dân với doanh nghiệp, với nhà khoa học, ngân hàng, tìm kiếm thị trường, giúp nông dân xây dựng và bảo vệ thương hiệu... Kết quả khảo sát của tác giả cho thấy, người dân mong muốn chính quyền xã phải nhạy bén, năng động, hiểu biết pháp luật, giỏi chuyên môn, quản lý, dám nghĩ, dám làm lợi cho dân...

Những phẩm chất chính quyền xã cần có để thực sự vững mạnh, phục vụ tốt yêu cầu phát triển NTM hiện nay gồm nhiều phẩm chất, sắp xếp theo thứ tự một cách tương đối 5 phẩm chất ta có: phẩm chất ưu tiên thứ nhất là dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm chiếm (69.7%). Thứ hai, không tham ô, tham nhũng (67.3%). Thứ ba, cần tận tâm vì dân (62.3%). Thứ tư, năng động, sáng tạo (60.7%) và thứ năm, giỏi chuyên môn, quản lý (57.7%). Bên cạnh đó, trên (40.0%) trong số những người được hỏi cho rằng chính quyền xã cần có một số phẩm chất khác như hiểu biết, tuân thủ pháp luật; nhạy bén, linh hoạt hay có phương pháp vận động quần chúng...

Đơn vị: %



Biểu đồ 1: Những phẩm chất chính quyền xã cần có để thực sự vững mạnh, phục vụ tốt yêu cầu phát triển nông thôn mới hiện nay

Nguồn: phiếu khảo sát của tác giả luận án

+ Chính quyền xã phải tập trung và có những biện pháp hữu hiệu nhằm tiếp tục củng cố, hoàn thiện kết cấu hạ tầng, bảo vệ môi trường, làm tốt công tác an sinh xã hội, trật tự an ninh, phát triển văn hóa... không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Mặc dù chương trình NTM đã đem lại sự thay đổi đáng kể bộ mặt nông thôn, song cũng còn rất nhiều vấn đề mà chính quyền xã cần tập trung giải quyết. Nếu chính quyền xã buông lỏng, hoặc xem nhẹ những vấn đề này sẽ ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển bền vững của các xã NTM. Những vấn đề đó là: rác thải và xử lý rác, ô nhiễm môi trường, nước sạch cho nông dân, chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp, việc làm, tệ nạn xã hội gia tăng, lối sống, nếp sống nông thôn bị phá vỡ do quá trình đô thị hóa....

Qua khảo sát thực tế, hiện nay ở các xã NTM vấn đề rác thải và xử lý rác đang được chính quyền các xã tập trung giải quyết. Rác thải sinh hoạt và rác thải trong sản xuất cần được thu gom, xử lý một cách khoa học, đảm bảo vệ sinh, cảnh quan làng xóm, vừa có thể tận dụng để làm phân bón phục vụ sản xuất, vừa bảo vệ môi trường... Những vấn đề này chính quyền phải liên kết với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân cũng như lựa chọn công nghệ xử lý, lao động, tìm nguồn kinh phí mới có thể giải quyết được. Việc làm và thu nhập của nông dân cũng là một vấn đề “nóng”, đòi hỏi chính quyền xã phải xác định đúng cơ cấu kinh tế, sản xuất theo mô hình công - nông nghiệp, sản xuất kết hợp với chế biến để làm tăng giá trị sản phẩm, nâng cao thu nhập và giải quyết việc làm. Đặc biệt, việc giữ gìn nếp sống, văn hóa truyền thống ở các làng xã nông thôn trước ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa và sự phát triển của công nghệ thông tin, internet... là vấn đề cấp bách nhằm đảm bảo an ninh trật tự và an toàn cho cuộc sống của người dân.

+ Chính quyền xã phải thực hiện tốt và phát huy tác dụng của Quy chế dân chủ cơ sở. Trình độ dân trí được nâng cao, đặc biệt là năng lực làm chủ và thực hành dân chủ của nông dân đã có những thay đổi đáng kể qua xây dựng NTM. Nông dân đã hiểu rõ hơn quyền và trách nhiệm của mình. Đặc biệt, họ đã nhận thức được vai trò chủ thể và chủ động, tích cực hơn trong việc giữ gìn và phát triển những thành quả đạt được trong quá trình xây dựng NTM. Đồng thời, họ cũng

mong muốn và đòi hỏi cao hơn đối với chính quyền xã trong lãnh đạo quản lý để cùng với nhân dân tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội. Người dân mong muốn chính quyền xã thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, làm tốt mọi lĩnh vực quản lý đáp ứng nguyện vọng của người dân địa phương, trong đó có 3 việc chiếm tỷ lệ trên (58.0%) được người dân lựa chọn là: i/ nâng cao hiểu biết về mọi mặt nhất là hiểu biết pháp luật (chiếm tới 75.3%); ii/ chấp hành tốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước (65.3%); iii/ phát triển sản xuất, làm giàu (58.3%). Bên cạnh đó, còn các hoạt động khác chính quyền xã cần làm, đó là tích cực hoạt động xây dựng chính quyền đoàn thể và tích cực tham gia hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện. Để cơ chế dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra phải thực sự đi vào đời sống, chính quyền xã phải thật sự tôn trọng người dân, lắng nghe ý kiến của dân, giải quyết kịp thời những nhu cầu chính đáng của dân, tránh tình trạng để người dân bức xúc, khiếu kiện kéo dài. Đồng thời cán bộ, công chức xã phải có đủ trình độ, phẩm chất, năng lực, bản lĩnh để phục vụ dân, không tham nhũng, sách nhiễu, cửa quyền... làm cho dân tin, dân hài lòng, dân tích cực tham gia xây dựng chính quyền và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Người dân càng chủ động, tích cực, càng đòi hỏi chính quyền phải nỗ lực, chủ động hơn, phải thực hiện công khai, minh bạch, nâng cao hiệu quả quản lý, tạo sự đồng thuận và sự hài lòng của người dân.

Trải qua phong trào xây dựng NTM, người dân đã hiểu rõ hơn vai trò chủ thể, quyền và trách nhiệm của mình. Bản thân người dân đã tự bàn bạc, bỏ công sức và tiền của, giám sát, kiểm tra, quyết định hướng đi, chất lượng của mọi công việc trong đổi mới mọi mặt ở địa phương mình. Người dân chủ động tham gia quản lý, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, tích cực xây dựng đoàn thể vững mạnh và qua đó phát huy vai trò làm chủ. Vì vậy, việc quan tâm thực hiện và thực hiện có hiệu quả nhất Quy chế dân chủ ở cơ sở là một nội dung cốt lõi trong hoạt động của chính quyền cấp xã đạt chuẩn NTM hiện nay.

Bên cạnh đó, qua khảo sát thực tiễn, tác giả nhận thấy rằng người dân ở các xã NTM vẫn gặp phải nhiều khó khăn trong sản xuất - kinh doanh, trong đó có 3 khó khăn người dân gặp phải chiếm tỷ lệ cao hơn so với các khó khăn khác

là: 1/ Thiếu vốn (61.0%); 2/ Thiếu thị trường tiêu thụ (43.7%); 3/ Thiếu kiến thức, kỹ thuật (38.0%). Những khó khăn khác người dân gặp phải trong sản xuất - kinh doanh chỉ chiếm tỷ lệ dưới (20.0%). Vấn đề này đặt ra cho chính quyền xã phải đổi mới hoạt động quản lý kinh tế, là cầu nối hỗ trợ giải quyết khó khăn của người dân.

- *Đối với Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội ở xã NTM*, người nông dân có trình độ, nhận thức, đòi hỏi cao hơn hẳn so với trước, do đó mặt trận và đoàn thể phải đoàn kết, tập hợp được họ, đại diện thực sự và bảo vệ được quyền lợi chính đáng cho họ, phải đổi mới tổ chức và hoạt động để phát huy vai trò làm chủ thực sự của đoàn viên, hội viên. Những hoạt động mang tính hình thức, không thiết thực hay hành chính hóa hoạt động của mặt trận và đoàn thể là không còn phù hợp với điều kiện hiện nay. Các tổ chức đoàn thể và mặt trận phải lựa chọn được hình thức và mô hình hoạt động sáng tạo, vận động, thu hút, hỗ trợ nông dân trong sản xuất và đời sống, phát huy tính tích cực chính trị của nông dân trong việc tự giác tham gia xây dựng NTM. MTTQ và đoàn thể phải xác định rõ việc, rõ người và rõ biện pháp, cách làm cụ thể cho từng loại công việc để tránh chồng chéo, lấn sân, sai phạm quyền hoặc làm qua loa theo phong trào, hoạt động không thiết thực dẫn đến nhàm chán... Tóm lại, mặt trận và đoàn thể ở xã NTM đứng trước yêu cầu phải thay đổi căn bản cách nghĩ, cách làm, phương pháp vận động, tập hợp và đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân trong xã, phát huy dân dân chủ cơ sở, phối hợp chặt chẽ với chính quyền để duy trì, nâng cao chất lượng xã NTM, phấn đấu sớm hoàn thành mục tiêu xây dựng xã “Nông thôn mới kiểu mẫu”.

Thứ ba, Đảng, nhà nước ta đã và đang tập trung đổi mới, sắp xếp, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả HTCT nước ta. Số lượng công chức phải giảm, bộ máy phải gọn nhưng phải giải quyết tốt mọi công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Như vậy, HTCT và đội ngũ cán bộ công chức xã vừa đứng trước đòi hỏi ngày càng cao của nhiệm vụ chính trị, vừa đứng trước yêu cầu về chất lượng, hiệu quả, tinh gọn bộ máy và cán bộ theo chủ trương của Đảng, Chính phủ. Vì thế, tự đổi mới, tự chỉnh đốn, tự giác phấn đấu, rèn luyện, nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo quản lý là vấn đề hết sức cấp thiết, là yêu

cầu tự giác đối với HTCT ở xã NTM. HTCT xã phải phục vụ tốt nhiệm vụ xây dựng NTM, đồng thời phải là niềm tin, chỗ dựa của dân, gần dân, giải quyết kịp thời nguyện vọng, bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân. Cán bộ, công chức xã phải chuyên nghiệp, đủ tâm, đủ trình độ, nhiệt huyết, vì dân, có tinh thần vượt khó, năng động, sáng tạo, không tham nhũng, sách nhiễu nhân dân... Nếu không có cán bộ, công chức xã có đầy đủ phẩm chất, năng lực (nhất là người đứng đầu) sẽ là khó khăn rất lớn cho xã đi tới mục tiêu đạt “Nông thôn mới kiểu mẫu”. Cán bộ quyết định chất lượng, hiệu quả của HTCT nói chung, ở xã NTM nói riêng.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Dựa trên khung lý thuyết ở Chương 2, số liệu thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và kết quả khảo sát của tác giả, luận án đã phân tích thực trạng xây dựng NTM, HTCT xã NTM ở thành phố Hải Phòng trên các tiêu chí về tổ chức bộ máy và hoạt động của các tổ chức thành viên, về đội ngũ cán bộ, công chức xã, về cơ sở vật chất cho hoạt động của HTCT. Luận án đã chỉ ra những thành tựu đạt được của chương trình xây dựng NTM ở thành phố Hải Phòng, với 89 xã về đích được công nhận đạt chuẩn (chiếm 64%), trong đó HTCT các xã là một trong những nhân tố có vai trò quyết định. HTCT và nông dân đã trưởng thành, có sự chuyển biến căn bản, thay đổi về chất cùng với sự phát triển toàn diện trên tất cả các mặt của xã đạt chuẩn NTM. Tuy nhiên, xây dựng NTM là một quá trình liên tục, không ngừng. Xã đạt chuẩn NTM phải tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí, phấn đấu đạt xã “Nông thôn mới kiểu mẫu”. Đây chính là yêu cầu, nhiệm vụ mới đặt ra đối với HTCT xã đạt chuẩn NTM hiện nay. Để phục vụ yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng NTM hiện nay, HTCT xã NTM phải nhận thức đầy đủ những mặt mạnh, yếu, những khó khăn, thách thức và những vấn đề đang đặt ra trong NTM mà HTCT và người dân cần tập trung giải quyết. Đây là cơ sở để luận án đề xuất giải pháp nâng cao hoạt động của HTCT đáp ứng yêu cầu xây dựng xã “Nông thôn mới kiểu mẫu” ở các xã NTM thành phố Hải Phòng nói riêng, cả nước nói chung.

CHƯƠNG 4

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ XÃ NÔNG THÔN MỚI Ở HẢI PHÒNG

4.1. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ XÃ TRONG ĐIỀU KIỆN NÔNG THÔN MỚI HIỆN NAY

4.1.1. Đảng, nhà nước có nhiều chủ trương, chính sách phát triển nông thôn theo hướng hiện đại

Trong những năm qua, Đảng, nhà nước có nhiều chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn nước ta theo hướng hiện đại, làm thay đổi căn bản bộ mặt nông thôn, nông nghiệp, nông dân. Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết, chủ trương, đường lối; nhà nước, chính phủ đã có nhiều chính sách hỗ trợ về nhiệm vụ này, cụ thể là:

- Thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng và mở rộng quy mô sản xuất, đưa sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, quy mô lớn, hiện đại.

- Có nhiều chính sách hỗ trợ nông dân: hỗ trợ giá cả, thị trường, thuế, tiêu thụ sản phẩm, khoa học kỹ thuật, cơ chế quản lý đất đai...

- Chương trình xây dựng NTM theo 19 tiêu chí do chính phủ ban hành, từng bước thay đổi căn bản toàn diện nông dân, nông nghiệp, nông thôn. Chính phủ tiếp tục chỉ đạo nâng cao chất lượng các tiêu chí ở các xã đạt chuẩn NTM, phấn đấu đạt xã “Nông thôn mới kiểu mẫu” theo tiêu chí mới ban hành.

- Thực hiện dân chủ cơ sở ở nông thôn gắn liền với quá trình phát huy quyền làm chủ của nông dân trong việc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, xây dựng đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của chính họ; phát huy dân chủ trực tiếp ở cơ sở, bảo đảm cho dân tiếp xúc dễ dàng các cơ quan công quyền, có điều kiện kiểm tra cán bộ, công chức, nhất là những người trực tiếp làm việc với dân; việc thực hiện quy chế dân chủ, thực hành dân chủ rộng rãi là yêu cầu của phát triển xã hội mà cũng là quyền lợi thiết thân của dân chúng, nhất là nông dân.

- Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là một giải pháp có ý nghĩa động lực quan trọng, đồng thời là mục tiêu của công cuộc đổi mới. Vì vậy, phải tiếp tục phát huy dân chủ, phải “thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở để Mặt trận, các đoàn thể và các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị” [32, tr.44]. Các tổ chức trong HTCT phải hoạt động theo phong cách mới, trọng dân, gần dân, hiểu dân và có trách nhiệm với dân, nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin. Vì vậy, cần thiết phải xây dựng một xã hội dân chủ, trong đó cán bộ, đảng viên và công chức phải thực sự là công bộc của dân, chịu sự giám sát của nhân dân.

- Quyền “là chủ và làm chủ” của nông dân không ngừng được đảm bảo không chỉ bằng chủ trương, chính sách mà còn được bảo đảm bằng hiến pháp và pháp luật, cụ thể là: Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18/02/1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Kết luận 65-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. Pháp lệnh 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Khóa XI) về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới. Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020. Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21/8/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Đặc biệt, Hiến pháp Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 là điều kiện đảm bảo mọi quyền chính đáng, hợp pháp của nhân dân và nông dân. Đây chính là xu hướng vận động căn bản của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa nói chung và quyền dân chủ của mọi công dân nói riêng trong đó có nông dân.

4.1.2. Hệ thống thông tin, cơ sở vật chất cho hoạt động của hệ thống chính trị ở nông thôn được đảm bảo

Chương trình xây dựng NTM là quá trình xây dựng, cải thiện chất lượng cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng nhằm thay đổi diện mạo nông thôn, nâng cao đời sống, cải thiện điều kiện làm việc của nông dân, cán bộ và HTCT.

Trong điều kiện hiện nay, với sự bùng nổ của công nghệ thông tin (điện thoại, internet..) giúp người dân, cán bộ tiếp cận nhanh mọi thông tin cũng như việc áp dụng công nghệ thông tin trong lãnh đạo, quản lý. Khi hoàn thành các tiêu chí, đạt chuẩn NTM, xã cơ bản đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, trụ sở làm việc... phục vụ hoạt động của HTCT. Vấn đề là ở chỗ cán bộ, công chức xã có khả năng khai thác, sử dụng, ứng dụng công nghệ, thiết bị hiện đại như thế nào, có quan tâm đầu tư cơ sở vật chất hiện đại cho hoạt động chung không? Rõ ràng là, cần phải nhận thức và quyết tâm cho mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT.

4.1.3. Nhu cầu, năng lực thực hành dân chủ của nhân dân được chuyển biến căn bản, dân trí được nâng cao

Thông qua việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và xây dựng NTM, đời sống vật chất và tinh thần của người nông dân, nông nghiệp, nông thôn đã được nâng lên một cách rõ rệt. Trong điều kiện mới, người nông dân đã phát triển cao hơn về nhận thức, được rèn luyện kỹ năng, thực hành dân chủ và xây dựng đời sống cộng đồng. Những nhu cầu về dân chủ, về an sinh xã hội của người nông dân không dừng lại mà tiếp tục phát triển, được nâng lên theo sự phát triển ngày càng cao của môi trường kinh tế - xã hội của địa phương và thành phố. Nhu cầu đó được thể hiện cụ thể là:

(1) Những vấn đề dân được biết thì HTCT phải đảm bảo công khai, từ đó, người nông dân có niềm tin vào sự minh bạch, đồng thời tin vào năng lực lãnh đạo quản lý của chính quyền địa phương, từ đó, họ tiếp tục mang hết sức lực để chung tay xây dựng NTM.

(2) Từ nhận thức đến trình độ của người nông dân được nâng cao thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, cũng như công tác tuyên truyền giáo dục, vận

động của HTCT xã. Nhờ đó, người nông dân sẽ ngày càng tự giác trong việc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Mặt khác, chính họ có nhu cầu đòi hỏi HTCT phải làm đúng các quy định và họ có khả năng giám sát những việc làm của HTCT thông qua các hình thức dân chủ trực tiếp, gián tiếp như: chất vấn, ban kiểm tra, ban thanh tra nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội...

(3) Đặc biệt, hiện nay Hiến pháp 2013 đã có hiệu lực, đồng thời Quyết định 217-QĐ/TW và 218-QĐ/TW của Bộ chính trị khóa 11 về Quy chế giám sát, phản biện của MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, cũng như Nghị quyết TW 4 khóa XI “một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”, các văn bản chỉ đạo của Thành ủy, HĐND, UBND thành phố Hải Phòng là cơ sở pháp lý giúp người nông dân thực hành các hoạt động dân chủ của chính họ.

4.1.4. Điều kiện mới ở các xã nông thôn mới

4.1.4.1. Chương trình nông thôn mới ngày càng hoàn thiện

Chương trình xây dựng NTM đã và đang đạt được những kết quả làm thay đổi căn bản về nông dân, nông nghiệp, nông thôn.

Thành phố Hải Phòng có 143 xã, 1.369 thôn thuộc 7 huyện; trong đó 139 xã triển khai Chương trình xây dựng NTM giai đoạn 2011-2020 với mục tiêu phấn đấu số xã đạt đến năm 2020 là 100% xã. Đến hết năm 2018, bình quân toàn thành phố đạt 17,5 tiêu chí, có 89 xã đạt chuẩn NTM (đạt 64,03%). Huyện Cát Hải và huyện An Dương đã cơ bản hoàn thành các tiêu chí về NTM: huyện Cát Hải có 6/6 xã cơ bản đạt 19 tiêu chí, bằng 100% số xã xây dựng NTM (trên địa bàn huyện còn 4 xã nằm trong quy hoạch khu công nghiệp và dịch vụ hậu cần cảng nên không tham gia xây dựng NTM); huyện An Dương có 15/15 xã cơ bản đạt 19 tiêu chí.

Có thể nói hoàn thiện chương trình xây dựng NTM là cơ sở kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội cho việc tiếp tục phát huy quyền làm chủ thực sự của người nông dân, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức trong HTCT. Tuy vậy, các xã đã hoàn thành chương trình mục tiêu xây dựng NTM cần xây dựng kế hoạch giữ

vững và nâng cao chất lượng 19 tiêu chí NTM, phấn đấu đạt xã “ Nông thôn mới kiểu mẫu” cụ thể:

- Về nông nghiệp: Cơ cấu kinh tế nông nghiệp có nhiều thay đổi theo hướng CNH, HĐH. HTCT phải đảm bảo vai trò lãnh đạo, quản lý, phát triển kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa với quy mô lớn, ứng dụng khoa học - công nghệ nhằm tăng năng suất, sản xuất sản phẩm nông sản chất lượng cao, tạo thị trường rộng lớn.

- Về nông thôn: Cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng thay đổi căn bản. HTCT phải tiếp tục lãnh đạo để giữ vững, phát huy kết cấu hạ tầng hiện đại, bảo vệ môi trường sống, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

- Về nông dân: Đời sống người nông dân được nâng cao mọi mặt vật chất, tinh thần; Việc làm, thu nhập của nông dân ngày càng ổn định; Người nông dân ngày càng chủ động, tự quyết định nhiều vấn đề liên quan đến kinh tế, chính trị, xã hội... đòi hỏi trách nhiệm của HTCT phải đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, trình độ, phẩm chất của đội ngũ cán bộ công chức để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nông dân trong đời sống, sản xuất, việc làm, dân chủ, an sinh xã hội.

4.1.4.2. Xuất hiện một số vấn đề về kinh tế, văn hóa, xã hội phải được giải quyết kịp thời

Sau hơn 30 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, tuy nhiên, vẫn phải đối mặt với những khó khăn, thách thức:

- *Về kinh tế:*

+ Những biến động về kinh tế, giá cả, thị trường đã tác động xấu đến đời sống của nhân dân, đặc biệt là nông dân vốn đã khó khăn lại càng khó khăn hơn; Cơ chế kinh tế thị trường chưa hoàn thiện đã làm cho người nông dân gặp không ít khó khăn trong quá trình định hướng sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Do đó, họ phải chịu cảnh được mùa, rớt giá hoặc là chạy theo lợi nhuận trước mắt mà phá vỡ cơ cấu kinh tế hoặc lựa chọn cơ cấu sản xuất không hợp lý, không theo định hướng bền vững; Chính sách của Đảng và Nhà nước đối với nông dân, nông nghiệp, nông thôn còn nhiều bất cập.

+ Nhiều địa phương chưa quan tâm huy động mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, chưa phát triển nhanh sản xuất, văn hóa và đời sống. Một số xã, tiêu chí NTM theo quy định quốc gia đạt, nhưng chưa bền vững.

- Về chính trị:

+ Mặc dù HTCT đã được củng cố nhưng tình trạng vi phạm quyền của người nông dân vẫn còn diễn ra (khiếu kiện về vi phạm đất đai), tham nhũng, quan liêu, cửa quyền, suy thoái biến chất của một bộ phận cán bộ đảng viên làm sứt mẻ niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ.

+ Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, gắn với những biểu hiện quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực chưa được phát hiện và đấu tranh ngăn chặn, chưa được khắc phục kịp thời.

+ Các thế lực phản động vẫn tiếp tục thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, sử dụng chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền”, tự do tín ngưỡng... gây mất trật tự, an ninh ở một số địa phương trong thành phố.

- Về xã hội:

+ Quá trình CNH, HĐH một mặt tạo điều kiện cho nông dân phát triển sản xuất, mặt khác, cũng làm cho nông dân phải đối mặt với tình trạng mất đất, thiếu việc làm, thu nhập không ổn định... tác động xấu đến đời sống vật chất và tinh thần của người nông dân; tình trạng ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, rác thải công nghiệp và nông nghiệp đổ về nông thôn khiến cuộc sống hiện tại và tương lai của người nông dân đối mặt với những rủi ro, bệnh tật, ô nhiễm môi trường sống... Tình trạng mất an ninh trật tự, tệ nạn xã hội ngày càng có xu hướng gia tăng, phát triển tràn lan ở các vùng nông thôn nhất là các vùng ven đô thị, khoảng cách về các mặt giữa vùng sâu vùng xa với đô thị ngày càng lớn.

+ Một số xã xây dựng quy chế còn dập khuôn, máy móc, chưa phù hợp với thực tế, khó thực hiện; một số địa phương trong thành phố vẫn còn tình trạng vi phạm dân chủ của nhân dân.

+ Công tác quán triệt, tuyên truyền ở nhiều xã còn hạn chế, chưa được coi trọng đúng mức. Một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa nắm rõ mục đích, yêu cầu, nội dung các tiêu chí và những vấn đề cần đặt ra khi triển khai chương trình.

+ Sự quan tâm và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết của một số cấp ủy đảng, chính quyền còn nhiều hạn chế, thiếu quyết liệt, cụ thể. Có nơi còn biểu hiện lúng túng, chưa thống nhất, thiếu sự đồng thuận trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo địa phương, dẫn đến kết quả hạn chế.

4.2. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ XÃ NÔNG THÔN MỚI Ở HẢI PHÒNG

Đổi mới HTCT nói chung, HTCT xã nói riêng là một bộ phận của công cuộc đổi mới toàn diện thành phố. Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy đảng, chính quyền, các đoàn thể nhằm đề ra những biện pháp phù hợp với tiềm năng lợi thế của từng xã, đáp ứng yêu cầu NTM với chất lượng được nâng cao, phấn đấu đạt chuẩn “Nông thôn mới kiểu mẫu”.

Đổi mới phải đồng bộ, từ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội trong đó kinh tế là trọng tâm. Do đó đổi mới phát triển kinh tế ở các xã là nội dung, yêu cầu đổi mới hoạt động của HTCT, đồng thời không ngừng phát huy năng lực làm chủ, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Đến năm 2020 có 100% HTCT các xã đạt tiêu chí số 18 để 100% xã trên địa bàn thành phố đạt chuẩn NTM theo Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng NTM.

Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả HTCT xã NTM đáp ứng yêu cầu xây dựng xã “Nông thôn mới kiểu mẫu”.

4.2.1. Tăng cường nhận thức về việc nâng cao hoạt động của hệ thống chính trị ở xã nông thôn mới

Xây dựng NTM được coi là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, lâu dài của cả HTCT và của người dân, trước hết và quan trọng nhất là HTCT cấp xã - nơi trực tiếp và chủ yếu tổ chức thực hiện công tác này. Chương trình xây dựng NTM đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận, nông thôn Việt Nam nói chung, Hải Phòng nói riêng có bước phát triển mới trên cả ba mặt: nông dân, nông nghiệp, nông thôn. Ở những xã được công nhận đạt chuẩn NTM đã khẳng định được sức mạnh tổng hợp của Nhân Dân - HTCT - sự chung tay của xã hội, trong đó vai trò lãnh đạo của HTCT xã có ý nghĩa quyết định. Nhận thức đúng đắn và đầy đủ về vai trò của HTCT xã trong xây dựng NTM là rất cần thiết và quan trọng để xây dựng HTCT

vững mạnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong từng giai đoạn của chương trình, tránh tình trạng chủ quan, “dừng nghỉ”, thỏa mãn... không thấy được vai trò, trách nhiệm mang tính quyết định của HTCT trong những nhiệm vụ tiếp theo, sau khi xã đã đạt chuẩn. Hiện nay, xã đạt chuẩn NTM tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí, phấn đấu đạt xã “Nông thôn mới kiểu mẫu”, HTCT xã tiếp tục phát huy vai trò, trọng trách lãnh đạo hoàn thành mục tiêu này.

Mặt khác, xây dựng HTCT vững mạnh là yêu cầu tự thân, việc làm thường xuyên có ý nghĩa sống còn đối với sự tồn tại, phát triển của HTCT nói chung, HTCT xã nói riêng. Mỗi tổ chức thành viên, mỗi đảng viên, hội viên, cán bộ, công chức luôn phải tự ý thức, rèn luyện, cống hiến, đóng góp tích cực xây dựng tổ chức vững mạnh, có đủ “đạo đức và trí tuệ” phục vụ sự phát triển của đất nước và nhân dân. Có thể khẳng định hoạt động của HTCT ở các xã đạt chuẩn NTM cơ bản đạt chất lượng, hiệu quả cao thông qua kết quả đạt được trong chương trình xây dựng NTM. Song, nếu thỏa mãn với những thành tích đã đạt được, không trú trọng công tác xây dựng, tiếp tục nâng cao chất lượng tổ chức và hoạt động HTCT sẽ không đáp ứng mục tiêu cao hơn, yêu cầu cao hơn của chương trình xây dựng “Nông thôn mới kiểu mẫu”. HTCT xã NTM phải không ngừng củng cố, đổi mới nội dung, đề ra những phương thức hoạt động thiết thực, hiệu quả cao.

Nhận thức đúng đắn về việc không ngừng nâng cao chất lượng tổ chức và hoạt động của HTCT xã NTM có vai trò quan trọng để từ đó, cấp ủy, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể luôn chủ động, tự giác, coi trọng công tác xây dựng HTCT vững mạnh phục vụ yêu cầu xây dựng “Nông thôn mới kiểu mẫu”. Bên cạnh đó phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền, động viên, khơi dậy tính tích cực của nông dân, sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên, khích lệ tính chủ động, hăng hái, quyết tâm cho mọi tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng thành công xã “Nông thôn mới kiểu mẫu”.

4.2.2. Tiếp tục củng cố, xây dựng hệ thống chính trị xã trong sạch, vững mạnh có đầy đủ các tổ chức thành viên theo hướng tinh gọn

HTCT được cấu trúc bởi các tổ chức thuộc 3 bộ phận, đó là đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội. Do đó, chất lượng của HTCT là

tổng hợp chất lượng của từng tổ chức hợp thành. Nói cách khác, để HTCT xã đạt trong sạch, vững mạnh thì mỗi tổ chức của hệ thống phải đạt trong sạch, vững mạnh.

Mỗi tổ chức của HTCT xã đều được quy định chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đảng bộ xã lãnh đạo toàn diện việc xây dựng, củng cố tổ chức cũng như hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác cán bộ. Vì vậy, đảng bộ xã phải thường xuyên quan tâm, ban hành nghị quyết về công tác lãnh đạo các tổ chức của HTCT, định kỳ giao ban, kiểm tra nắm bắt tình hình hoạt động, tình hình tổ chức, những diễn biến nảy sinh trên thực tiễn... đặc biệt là công tác cán bộ. Đảng bộ xã phải kịp thời biểu dương, cổ vũ và ủng hộ những biện pháp, cách làm hay của từng tổ chức nhưng đồng thời phải kịp thời phát hiện, ngăn chặn việc làm sai, sửa chữa những thiếu sót, khuyết điểm có thể diễn ra đối với một tổ chức hay cán bộ. Như thế vừa tăng cường sự lãnh đạo của đảng, vừa giúp các tổ chức, cán bộ luôn trú trọng việc củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, phòng ngừa, hạn chế những sai lầm, khuyết điểm, xây dựng tổ chức vững mạnh. Bên cạnh đó, mỗi tổ chức cũng phải chủ động, tự giác đổi mới nội dung, phương thức hoạt động. Những nội dung hoạt động mang tính hình thức, không thiết thực hay hành chính hóa đều không phù hợp, cần được thay đổi. Các tổ chức phải lựa chọn được việc, xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện, phân công nhiệm vụ, mục tiêu đạt được và thời gian hoàn thành... Sau khi kết thúc mỗi công việc hay mục tiêu phải có tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm... Mỗi tổ chức cấu thành HTCT đều hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ của mình tạo nên sức mạnh, hiệu quả của HTCT xã.

Một yếu tố quan trọng nữa để tạo nên hiệu quả của HTCT là cơ chế phối hợp của các tổ chức trong hệ thống. HTCT các xã phải xây dựng được quy chế phối hợp giữa đảng - chính quyền - mặt trận và các đoàn thể nhằm tạo ra sự thống nhất, thông suốt trong quá trình lãnh đạo, quản lý thực hiện nhiệm vụ chính trị địa phương, tránh trùng chéo, đùn đẩy trách nhiệm.

Trước hết phải xác định rằng: HTCT ở xã là hệ thống thống nhất, trong đó tổ chức đảng là hạt nhân lãnh đạo HTCT, lãnh đạo chính quyền, MTTQ và các đoàn thể. Chính quyền xã là cấp nhà nước trực tiếp quản lý, tổ chức đời sống mọi mặt ở

cấp xã, phát huy mọi tiềm năng, nhân tài vật lực ở xã hướng vào phát triển kinh tế - xã hội. MTTQ và các đoàn thể nhân dân là cầu nối giữa nhân dân với tổ chức đảng và chính quyền xã, đại biểu cho lợi ích của các tầng lớp nhân dân.

Bản chất của sự phối hợp giữa tổ chức đảng và chính quyền xã thể hiện ở việc Đảng lãnh đạo chính quyền (thông qua chi, đảng uỷ và ban thường vụ) chính quyền triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng bằng các hoạt động quản lý nhà nước; tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội và các hoạt động kinh tế, văn hoá - xã hội. Cơ chế này phải được thực hiện cụ thể giữa đảng uỷ với HĐND, UBND; giữa bí thư đảng uỷ với chủ tịch HĐND, chủ tịch UBND; giữa chi uỷ, chi bộ, Bí thư chi bộ với thôn, xóm. Đảng bộ xã lãnh đạo chính quyền bằng các chủ trương, nghị quyết, các biện pháp lớn trên tất cả các mặt về kinh tế, xã hội, quốc phòng an ninh, xây dựng chính quyền bằng việc bố trí cán bộ và công tác kiểm tra việc chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, lãnh đạo thông qua đảng viên trong chính quyền xã, đặc biệt là đảng viên là đại biểu HĐND, cán bộ, công chức UBND. Chủ tịch HĐND và UBND phải phục tùng, chịu sự lãnh đạo của Bí thư cấp uỷ, UBND xã chấp hành, tổ chức thực hiện theo chức năng, quyền hạn như luật định.

Cơ chế giữa tổ chức đảng với Mặt trận và các đoàn thể ở xã là đảng lãnh đạo Mặt trận và các đoàn thể bằng chủ trương quan điểm; bằng công tác cán bộ (dự kiến, đào tạo, đề xuất cán bộ chủ chốt và nắm chắc cán bộ chủ chốt); bằng công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục, tổ chức, kiểm tra và sự gương mẫu của đảng viên. Tuy đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của đảng bộ xã, song Mặt trận và các đoàn thể có tính độc lập tương đối về tổ chức và hoạt động. Đảng lắng nghe ý kiến đóng góp của Mặt trận và các đoàn thể đối với sự lãnh đạo của Đảng và đối với cán bộ đảng viên. Tổ chức cơ sở đảng, cấp uỷ ra nghị quyết, các đoàn thể thực hiện, nhưng ý kiến, nguyện vọng, sáng kiến đóng góp của nhân dân trong phong trào thực tiễn của các đoàn thể lại bổ sung cho những quyết định của tổ chức cơ sở đảng, của cấp uỷ cơ sở.

Cơ chế phối hợp giữa Chính quyền và Mặt trận và các đoàn thể ở xã để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật. Hiến pháp 2013 (sửa đổi,

bổ sung) khẳng định: “MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Mặt trận phát huy truyền thống đoàn kết toàn dân, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân, tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, cùng Nhà nước chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân...”. Nhà nước tạo điều kiện để MTTQ và các tổ chức thành viên hoạt động có hiệu quả.

Mặt trận tham gia xây dựng, giám sát và phản biện chính quyền như: vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện quyền làm chủ, bầu ra HĐND, giám sát hoạt động của chính quyền, đại biểu HĐND và cán bộ công chức; tham gia xây dựng pháp luật và chính sách; vận động nhân dân xây dựng các quy ước, quy chế trên địa bàn cư trú; tham gia tuyên truyền phổ biến pháp luật trong nhân dân. Đặc biệt MTTQ được giao nhiệm vụ chủ trì hiệp thương, lập danh sách các ứng cử viên để bầu vào HĐND. MTTQ là một thành viên của hội đồng bầu cử, tham gia tổ chức và giám sát cuộc bầu cử HĐND. Mỗi năm hai lần, Chủ tịch HĐND thông báo bằng văn bản đến MTTQ về tính hình hoạt động của HĐND và nêu những kiến nghị với MTTQ. Ngược lại, trong kỳ họp HĐND, đại diện MTTQ cùng đại diện các đoàn thể được mời họp và phải thông báo về hoạt động của mình trong việc xây dựng chính quyền. Đại diện MTTQ và các đoàn thể được mời dự các cuộc họp của UBND về những vấn đề có liên quan.

Chính quyền dựa vào Mặt trận và các đoàn thể để phát huy quyền làm chủ và sức mạnh có tổ chức của nhân dân, tôn trọng và tạo mọi điều kiện để nhân dân trực tiếp hoặc thông qua đoàn thể của mình tham gia xây dựng chính quyền; phối hợp với Mặt trận chăm lo lợi ích chính đáng của nhân dân, động viên các tầng lớp nhân dân đẩy mạnh phong trào hành động thực hiện thắng lợi các chương trình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh ở địa phương.

HTCT xã yêu cầu phải có đầy đủ các tổ chức và cơ chế phối hợp của các tổ chức này là rất quan trọng. Song cần sắp xếp, củng cố tổ chức, bộ máy của từng tổ chức trong hệ thống theo hướng tinh gọn nhưng vẫn đảm bảo chất lượng, hiệu quả của công tác lãnh đạo, quản lý. Căn cứ vào quy định, hướng dẫn của cấp trên và đặc điểm, phân bố địa lý trên địa bàn để cấu trúc hệ thống đơn vị cấp dưới trực thuộc HTCT xã (Chi bộ, thôn, chi đoàn, chi hội...) hợp lý, khoa học, thiết thực, hiệu quả,

tránh tình trạng manh mún, chia quá nhỏ làm cho bộ máy công kênh hoặc quá lớn không kiểm soát được.

Hiện nay Quốc hội, Chính phủ đang thực hiện việc sáp nhập các đơn vị hành chính theo Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, do vậy, công tác chuẩn bị cho nhiệm vụ này cũng đặt ra cho HTCT xã phải nghiên cứu, lập phương án đảm bảo ổn định kinh tế - xã hội, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo cuộc sống của dân cư.

Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong lãnh đạo, quản lý cũng là yêu cầu và điều kiện đặt ra để HTCT xã phải sắp xếp theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

4.2.3. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động các tổ chức của hệ thống chính trị xã phục vụ tốt nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu

HTCT xã tiếp tục phát huy vai trò, trách nhiệm để khơi dậy được nhiều hơn các động lực, huy động đầy đủ hơn các nguồn lực cho xây dựng NTM, tập trung tháo gỡ khó khăn, phấn đấu tiếp tục nâng cao chất lượng các xã đạt chuẩn NTM, phấn đấu đạt xã “Nông thôn mới kiểu mẫu”.

Những giải pháp cần thực hiện để nâng cao hiệu quả hoạt động HTCT đáp ứng được những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ở NTM trong những năm tới của Thành phố Hải Phòng cần tập trung vào một số giải pháp cơ bản và cụ thể dưới đây:

4.2.3.1. Đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của tổ chức Đảng xã nông thôn mới ở Hải Phòng

Đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của cấp ủy đảng xã là vấn đề then chốt có tính quyết định cho quá trình xây dựng HTCT xã vững mạnh.

Phương thức lãnh đạo là hệ thống các phương pháp, cách thức, biện pháp, hình thức, mà đảng bộ, chi bộ vận dụng để tác động vào HTCT, các tầng lớp nhân dân và các lĩnh vực của đời sống xã hội ở xã nhằm đạt được mục tiêu, nội dung đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng ở xã.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy có nhiều nội dung:

- *Trước hết* là cách thức ra nghị quyết, triển khai thực hiện nghị quyết, tổ chức thực hiện nghị quyết:

+ Về cách thức ra nghị quyết, qua khảo sát ở các xã cho thấy hầu hết các cấp ủy cơ sở đều dựa vào nghị quyết của cấp trên rồi đưa ra nghị quyết của địa phương mình mà không căn cứ vào thực trạng, đặc điểm của địa phương dẫn đến tình trạng nghị quyết nhiều nhưng không khả thi. Vì vậy, đổi mới việc ra nghị quyết cho sát hợp với tình hình thực tế là công việc đầu tiên. Cần mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước nhân dân để cấp ủy ban hành được những nghị quyết đúng đắn, thiết thực. Tùy thuộc vào yêu cầu nhiệm vụ, những vấn đề cần thiết, cấp bách mà cấp ủy xã cần ra những nghị quyết chuyên đề để công tác lãnh đạo được sâu sát, thiết thực, hiệu quả.

+ Cách thức triển khai nghị quyết là rất quan trọng, cần phải đổi mới. Nội dung nghị quyết đúng đắn, thiết thực nhưng cách triển khai, tổ chức thực hiện không tốt thì hiệu quả đạt được không cao. Có chủ trương nghị quyết rồi, làm sao để dân biết, dân hiểu, dân làm là cả một vấn đề. Đây cũng là một trong những vấn đề mà nhiều cấp ủy còn trăn trở. Thông thường khi triển khai nghị quyết, các cấp ủy đều triển khai ở chi bộ, sau đó giao cho đồng chí phụ trách phổ biến cho nhân dân (thế là xong bước dân biết). Đến bước dân hiểu, dân làm mới thực sự khó khăn. Do đó, mỗi cấp ủy cần xác định rõ các biện pháp triển khai nghị quyết của Đảng đến từng người dân để tạo nên sự đồng thuận về nhận thức, thống nhất cao trong hành động.

+ Triển khai thực hiện nghị quyết là vấn đề có tính cốt lõi, các cấp ủy phải tiếp tục tìm tòi học hỏi, lựa chọn các biện pháp để đưa nghị quyết vào cuộc sống mà ở đây vai trò của từng cấp ủy viên, người đứng đầu, đảng viên và các tổ chức trong HTCT giữ vai trò nòng cốt, gương mẫu.

- *Thứ hai*, phải đổi mới cách thức làm việc của cấp ủy đảng, không nên làm theo lối mòn đơn điệu mà phải phát huy, sử dụng công nghệ hiện đại để triển khai các chủ trương, yêu cầu về công tác lãnh đạo một cách nhanh chóng, thường xuyên, kịp thời. Các đồng chí có trách nhiệm phải trực tiếp giải quyết những vấn đề quan trọng và chịu trách nhiệm về những quyết định của mình, không đùn đẩy, trốn tránh. Phải phân công cụ thể nhiệm vụ cho các tổ chức, cá nhân một cách khoa học, hợp lý. Thực hiện chế độ giao ban, kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng công việc một cách nghiêm túc.

- *Thứ ba*, phải xác định rõ ràng, cụ thể cách thức, phương pháp lãnh đạo đối với từng tổ chức trong HTCT, không chung chung, đùn đẩy hoặc lẩn sâu, làm thay. Đảng ủy xã cần xây dựng quy chế làm việc với từng tổ chức để từ đó có kế hoạch cụ thể trong công tác lãnh đạo với các tổ chức trong HTCT.

- *Thứ tư*, cấp ủy đảng phải thực sự tiên phong, có đủ kiến thức, trí tuệ, năng động, chủ động, sáng tạo để tiếp tục nâng cao chất lượng của các xã NTM. Đảng ủy xã phải tiếp tục tập trung lãnh đạo các vấn đề kinh tế (quy mô sản xuất lớn, vấn đề ruộng đất cho sản xuất lớn, lựa chọn sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, giá trị sản phẩm, thị trường tiêu thụ...); quy chế dân chủ cơ sở, năng lực thực hành dân chủ của nông dân, phát huy vai trò của đoàn thể chính trị - xã hội, xây dựng chính quyền thực sự phục vụ nhân dân, trong sạch, vững mạnh...; các vấn đề văn hóa - xã hội (an sinh xã hội, việc làm, đời sống, văn hóa, an ninh trật tự, môi trường, y tế, giáo dục...)

- *Thứ năm*, đảng bộ xã thường xuyên, trú trọng công tác xây dựng Đảng, giữ vững kỷ luật Đảng, thực hiện Nghị quyết TW4 (khóa XI, XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, kiện toàn tổ chức, xây dựng chi bộ vững mạnh, đảng viên tiên phong, gương mẫu, rèn luyện, trau dồi đạo đức theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, kiên quyết chống tham nhũng, suy thoái, biến chất của bộ phận cán bộ, đảng viên...

- *Thứ sáu*, đổi mới công tác tuyên truyền vận động nhân dân, phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo của tổ chức đảng và đảng viên, tạo dựng niềm tin của quần chúng với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, phát huy tính tích cực chính trị, vai trò chủ thể của nông dân ở NTM. Gần gũi, lắng nghe, tôn trọng ý kiến, nguyện vọng của nhân dân, phải xuất phát từ yêu cầu của dân để suy nghĩ và hành động, tạo niềm tin vững chắc của dân với đảng, chính quyền xã.

- *Thứ bảy*, các tổ chức Đảng xã phải xây dựng cụ thể về quy chế hoạt động trên cơ sở Điều lệ Đảng, tránh sa vào tính sự vụ hoặc nặng tính hình thức, kèm theo việc thực hiện quy chế một cách nghiêm túc và thực chất. Các quy định của các cấp lãnh đạo Đảng và thực tiễn mọi mặt của tổ chức đảng xã cần tránh xảy ra tình trạng rập khuôn, cấp huyện uỷ trực tiếp gợi ý, hướng dẫn định hướng cho các tổ chức

đảng xã - nhất là tổ chức đảng ở các xã còn khó khăn, các xã thuộc huyện đảo trong quá trình xây dựng và thực hiện quy chế. Xây dựng quy chế cụ thể về hoạt động của tổ chức đảng xã phải bao hàm cả nội dung xây dựng và thực hiện quy chế làm việc giữa Bí thư cấp uỷ với Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND, Chủ tịch Ủy ban MTTQ và những người đứng đầu các đoàn thể nhân dân xã theo nguyên tắc tập trung dân chủ để bàn và giải quyết kịp thời những công việc quan trọng và bức xúc trên địa bàn, bảo đảm cho cấp uỷ đảng quán xuyên được các mặt công tác ở xã. Sớm khắc phục tình trạng chưa có thói quen làm việc bằng pháp luật, bằng quy chế thông qua việc thiết lập chế tài ràng buộc.

Đồng thời, các tổ chức đảng xã phải xây dựng chương trình kế hoạch công tác lãnh đạo của mình và tổ chức chỉ đạo việc triển khai thực hiện, chấm dứt hẳn tình trạng Đảng bộ, chi bộ tổ chức thực hiện chương trình công tác của UBND. Trong quá trình xây dựng và thực hiện chương trình kế hoạch phải có sự định hướng giúp đỡ của huyện uỷ và tạo điều kiện để các tầng lớp nhân dân tham gia góp ý xây dựng và kiểm tra giám sát quá trình tổ chức thực hiện chương trình kế hoạch công tác lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng.

- *Thứ tám*, đổi mới nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng: Về sinh hoạt đối với những cơ sở là chi bộ thì định kỳ mỗi tháng một lần, đối với cơ sở đảng là Đảng uỷ thì mỗi tháng thực hiện giao ban một lần, ba tháng họp một lần và phải đúng là một cuộc hội nghị của tổ chức cơ sở đảng trực thuộc, nội dung cuộc họp phải được chuẩn bị kỹ lưỡng (tránh nội dung không đầy đủ, nghèo nàn, đơn điệu), giải quyết những vấn đề thuộc phạm vi chức năng lãnh đạo mọi mặt trên một vùng lãnh thổ ở cơ sở (chứ không sa vào tính chất một cuộc họp chi bộ thôn làng hoặc tính chất một cuộc giao ban). Do năng lực của cán bộ cấp uỷ và cán bộ chủ chốt cấp xã còn bất cập, vì vậy cần thiết phải có sự định hướng gợi ý trực tiếp của cấp huyện uỷ đối với quá trình chuẩn bị nội dung các kỳ họp. Những kỳ họp giải quyết những vấn đề quan trọng cần thiết thì ra nghị quyết, nếu chưa thật cần thiết thì các nội dung thảo luận giải quyết tại kỳ họp được ra dưới dạng các kết luận lớn, cụ thể và tổ chức thực hiện ngay.

Các tổ chức cơ sở đảng phải nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc tự đánh giá chất lượng hoạt động của mình, kết hợp với sự đánh giá của quần chúng nhân dân và của cấp trên. Tổ chức các hình thức lấy ý kiến của quần chúng nhân dân ở địa bàn xã để làm căn cứ thực tiễn trong nhận xét đánh giá đảng viên và tổ chức đảng xã. Thông qua họp dân, qua cá nhân các quần chúng tích cực bằng bỏ phiếu định kỳ hoặc thư góp ý, từ đó tổng hợp và phân tích các ý kiến nhận xét để nhìn nhận một cách toàn diện và đúng thực chất về chất lượng, hiệu quả của tổ chức đảng xã.

Tích cực chú trọng công tác phát triển đảng viên, làm tốt công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ kế cận.

- *Thứ chín*, việc quản lý cán bộ, nhất là đối với cán bộ xã phải thực hiện nghiêm túc cả 5 nội dung về quản lý cán bộ; nhưng trên thực tế, nhiều cấp uỷ địa phương đã buông lỏng, thả nổi công tác này, vì trong khi yêu cầu cán bộ phải không ngừng tu dưỡng, phấn đấu, rèn luyện, chúng ta lại thiếu biện pháp kiểm tra, giám sát, đây thực sự là kiểu đánh trống, bỏ dùi. Các điểm nóng ở nông thôn đều có liên quan trực tiếp đến sự buông lỏng công tác quản lý cán bộ, dẫn tới cán bộ thoái hoá, biến chất. Vì thế, phải không ngừng chú trọng và tăng cường công tác kiểm tra đảng viên chấp hành Nghị quyết của đảng bộ, Điều lệ Đảng và cả tư cách đảng viên. Chú trọng tìm hiểu, lắng nghe ý kiến nhận xét, đánh giá của quần chúng đối với đảng viên và tổ chức đảng thông qua việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Hằng năm, Bí thư cấp uỷ, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND tự phê bình trước đại diện của nhân dân. Thực hiện việc kiểm tra định kỳ và đột xuất, kết hợp với nắm bắt ý kiến phản ánh của nhân dân để phát hiện kịp thời các sai phạm của đảng viên nhằm ngăn chặn và xử lý kiên quyết, thích hợp, không bao che xử lý nội bộ, khi xử lý công khai cho nhân dân biết để nhân dân tham gia giám sát quá trình phấn đấu khắc phục khuyết điểm, sửa chữa sai lầm của đảng viên.

4.2.3.2. Đổi mới hoạt động của chính quyền xã

Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được đảm bảo, phát huy thông qua hoạt động của HĐND và UBND. Mọi hoạt động của chính quyền xã tuyệt đối tuân thủ pháp luật, thực hiện nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách,

pháp luật của nhà nước, phục vụ nhân dân, ổn định, phát triển địa phương. HĐND và UBND xã phải coi trọng việc đổi mới phương thức hoạt động để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ.

Nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND xã

Đại biểu HĐND phải thực sự gắn bó mật thiết với nhân dân, tận tụy vì dân, tạo được niềm tin của nhân dân. Mặc dù đại biểu HĐND xã chủ yếu là đại biểu không chuyên trách nhưng phải có đủ phẩm chất, năng lực, trình độ, hiểu biết và có kỹ năng hoạt động chuyên nghiệp. Có như vậy thì HĐND xã mới đảm trách được chức năng, nhiệm vụ của mình.

HĐND xã tập trung vào việc xác định nội dung từng kỳ họp để bàn bạc, đi đến thống nhất ra được nghị quyết. Nghị quyết của HĐND xã là căn cứ, cơ sở cho UBND thực hiện, vì thế phải sát thực, có tính khả thi, giải quyết những vấn đề đặt ra của xã, tránh mang tính hình thức, rập khuôn, sao chép, sai thẩm quyền, trái với qui định của pháp luật, sự chỉ đạo của cấp trên và nghị quyết đảng ủy xã.

HĐND xã phải xây dựng được kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của nhiệm kỳ, của từng năm, từng quý, xác định được nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ ưu tiên, nhiệm vụ cấp bách. Từ đó cần thiết ban hành nghị quyết chuyên đề.

Tăng cường hoạt động giám sát, kiểm tra của HĐND xã đối với UBND, tạo ra sự chuyển biến chất lượng các kỳ họp của Hội đồng, từ chuẩn bị văn bản đến thảo luận, chất vấn, quyết định.

Đổi mới cách thức, nội dung tiếp xúc cử tri. Việc tiếp xúc cử tri ở xã phải coi là việc thường xuyên, cụ thể, hiệu quả, thiết thực, thu hút đông cử tri tham gia, phải là cuộc đối thoại từ 2 phía, tránh hình thức, chiếu lệ.

HĐND xã phải có quy chế làm việc thật cụ thể trong đó phân công rõ ràng những việc phải làm cho từng đại biểu trong tháng, trong quý, năm và cả nhiệm kỳ. Sau một năm cần đánh giá, phân tích rút kinh nghiệm, chỉ rõ những việc mà đại biểu đã làm được, làm chưa có hiệu quả hoặc chưa làm, nhắc nhở các đại biểu chưa hoàn thành nhiệm vụ công tác trong năm, biểu dương các đại biểu hoàn thành tốt công tác trong năm.

HĐND xã phải xây dựng quy chế phối hợp, quy chế làm việc với UBND xã, với các đoàn thể cũng như với đảng ủy xã.

Đối với Thường trực HĐND xã: phải lựa chọn Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐND là người có đủ trình độ năng lực thực hiện được chức năng nhiệm vụ do pháp luật quy định, phải có kỹ năng và khả năng chuẩn bị hoặc thẩm định nội dung các kỳ họp hội đồng cũng như chương trình hoạt động của HĐND xã. Đồng thời, họ phải có khả năng tổ chức cụ thể hoá và thực hiện chương trình đó, cũng như có khả năng điều khiển các kỳ họp một cách chủ động, khoa học. Thường trực HĐND phải duy trì chế độ làm việc nền nếp và đôn đốc các đại biểu thực hiện chức năng nhiệm vụ của người đại biểu.

Các kỳ họp HĐND phải được tiến hành đúng thủ tục và quy trình, nội dung phải được chuẩn bị kỹ lưỡng, tập trung vào các vấn đề lớn ở xã. Thường trực HĐND xã chủ trì kỳ họp phải định hướng và có khả năng làm chủ, kiểm soát được các nội dung thảo luận để các đại biểu thảo luận đúng vấn đề đúng trọng tâm. Nghị quyết các kỳ họp phải được thể hiện đầy đủ các vấn đề thảo luận thống nhất tại kỳ họp và được trình bày đầy đủ, ngắn gọn, xúc tích có thể đề cập theo dạng kết luận của kỳ họp thay cho nghị quyết.

Đại biểu HĐND xã là những người đủ khả năng làm nhiệm vụ đại biểu, khả năng này bao gồm: học vấn, năng lực, phẩm chất, kinh nghiệm, uy tín đối với quần chúng. Các đại biểu khi được bầu phải được bồi dưỡng định kỳ về kỹ năng hoạt động của đại biểu, nhất là kỹ năng giám sát, chất vấn, kỹ năng diễn đạt ý kiến của mình. Cải tiến chế độ đãi ngộ đối với đại biểu HĐND.

Cơ cấu tổ chức HĐND xã thực sự biểu thị được quyền lực của nhân dân, thực sự là đại biểu đại diện cho nhân dân. Phải cải thiện thành phần của HĐND, có thêm nhiều đại biểu là dân, là người ngoài Đảng, không giữ chức vụ Đảng và chính quyền, là đại diện cho tinh thần và năng lực tự quản của dân từ các cộng đồng thôn.

Đổi mới và kiện toàn hoạt động UBND cấp xã

UBND xã là cơ quan hành chính, quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực, trực tiếp giải quyết yêu cầu của dân theo thẩm quyền và các qui định của pháp luật. UBND xã làm việc tại trụ sở, theo giờ hành chính. Đội ngũ nhân lực của ủy ban là

công chức nhà nước. Tính chất này đòi hỏi công chức xã phải làm việc có kỷ cương, chuyên nghiệp, thông suốt, hiệu quả. Xây dựng và hoàn thiện quy chế làm việc của UBND xã, trong đó, đề cao trách nhiệm cá nhân, chế độ làm việc tập thể, quy định cụ thể thẩm quyền và trách nhiệm của tập thể UBND, Chủ tịch UBND và các thành viên trong UBND, về mối quan hệ phối hợp giữa các bộ phận cũng như có cơ chế để nhân dân tham gia quản lý và giám sát hoạt động của UBND xã.

UBND xã phải chủ động phát huy vai trò, thực hiện chức năng, thẩm quyền trong định hướng phát triển địa phương một cách toàn diện, cụ thể là:

Thứ nhất, tập trung giải quyết vấn đề ruộng đất, xây dựng cánh đồng mẫu lớn để đưa sản xuất nông nghiệp lên quy mô lớn. Đây là tiền đề cho việc thực hiện cơ giới hóa, chuyên canh, áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất hàng hóa. Trong điều kiện NTM, đây là nội dung có ý nghĩa tiên quyết cho phát triển sản xuất với qui mô lớn, hiện đại - yếu tố quyết định sự phát triển toàn diện kinh tế - xã hội địa phương bền vững. Tuy nhiên đây là vấn đề phức tạp nhất, còn tồn tại nhiều bất cập trên thực tế. Muốn vậy, UBND xã phải tuyệt đối tôn trọng pháp luật, vận dụng linh hoạt và sáng tạo những qui định của nhà nước vào điều kiện địa phương theo thẩm quyền, tranh thủ sự ủng hộ của chính quyền cấp trên, đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết. Hơn nữa, UBND xã cần tôn trọng dân, phải tuyên truyền, vận động, thuyết phục nhân dân, bàn bạc với dân để dân chủ động, tự giác thực hiện, công khai, minh bạch trong mọi quyết định, biện pháp để dân tin, dân làm. Đồng thời cần phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, của tập thể thường trực UBND cũng như tính chuyên nghiệp của đội ngũ công chức chuyên trách, tham mưu cho lãnh đạo UBND.

Thứ hai, lựa chọn, xác định được cơ cấu kinh tế phù hợp nhất của địa phương nhằm khai thác, tận dụng lợi thế về tự nhiên, kinh tế - xã hội. Thực tế chứng minh rằng, có nhiều lãnh đạo địa phương do nhận thức, trình độ hạn chế hoặc chủ quan duy ý chí nên chưa xác định được đúng đắn cơ cấu kinh tế, do đó làm cho kinh tế địa phương chậm phát triển, gây lãng phí nhiều nguồn lực và hệ lụy xã hội khác. Để đạt được nhiệm vụ này đòi hỏi đội ngũ lãnh đạo, công chức UBND phải

có trình độ nhất định về kinh tế, chính trị, xã hội, phải xác định đúng cơ cấu kinh tế trên cơ sở khoa học, thực tiễn địa phương.

Thứ ba, lựa chọn sản phẩm hàng hóa phù hợp, định hướng cho nông dân tiến hành sản xuất một cách thích hợp, tránh hiện tượng sản xuất theo phong trào, phát triển sản phẩm với quy mô lớn quá mức dẫn đến tình trạng không tiêu thụ được sản phẩm, tình trạng “được mùa rớt giá, được giá mất mùa”. Vấn đề này đòi hỏi đội ngũ lãnh đạo xã phải nhạy bén, linh hoạt, có tầm nhìn, có bản lĩnh, tránh chủ quan, duy ý chí, dập khuôn, máy móc.

Thứ tư, tìm kiếm, kết nối với doanh nghiệp giúp nông dân nâng cao giá trị sản phẩm, kết nối 4 nhà (nhà nước, nhà nông, nhà khoa học, nhà kinh doanh), xây dựng thương hiệu của sản phẩm, đăng ký bảo hộ thương hiệu và chỉ dẫn địa lý. Chỉ đạo nông dân áp dụng thành tựu khoa học - công nghệ để đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, năng suất cao.

Thứ năm, tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm của người nông dân tránh tình trạng được mùa mất giá, mất mùa thì giá cao.

Thứ sáu, giải quyết vấn đề về văn hóa - xã hội: tập trung vào vấn đề môi trường, rác thải, sản xuất an toàn, việc làm cho nông dân, giải quyết tình trạng “lỳ nông”... Các vấn đề về an ninh trật tự, xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, gìn giữ nét đẹp văn hóa đặc trưng của địa phương.

Thứ bảy, UBND xã chủ trì triển khai quy chế dân chủ ở cơ sở, thực sự phát huy tính tích cực chính trị của nông dân, vai trò tự quản của thôn làng, tuyên truyền, giáo dục ý thức tôn trọng, hiểu biết pháp luật. Thực hiện cơ chế “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” trong việc nâng cao chất lượng NTM.

Thứ tám, UBND tập trung thực hiện cải cách hành chính, phục vụ yêu cầu của nhân dân nhanh chóng, kịp thời. Áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý để nâng cao hiệu quả.

Thứ chín, đội ngũ cán bộ, công chức phải có tinh thần phục vụ, thái độ, đạo đức công vụ, trình độ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người dân mà thước đo là sự hài lòng của họ.

Thứ mười, UBND xã xây dựng quy hoạch sản xuất, triển khai công tác dồn điền đổi thửa một cách khoa học, phù hợp với thực tiễn sản xuất của từng địa phương, không làm theo phong trào. Tìm mọi giải pháp để thu hút doanh nghiệp về nông thôn, làm sao để doanh nghiệp là cầu nối giữa nông dân, nông nghiệp với thị trường, hướng dẫn, trợ giúp nông dân có thị trường. Tăng cường và đổi mới hoạt động của công tác khuyến nông theo hình thức dạy nghề, rèn việc, đào tạo trực tiếp cho nông dân làm nông nghiệp, để nông dân có đủ sức tiếp cận với khoa học kỹ thuật mới. Cần hướng dẫn mô hình cụ thể cho người dân thấy, bởi “trăm nghe không bằng một thấy”, phải làm rất cụ thể. Ví dụ, muốn hướng dẫn nông dân làm sạch làng, sạch cho nhà mình, thì phải làm hầm biogaz, biết thu gom, xử lý rác thải... Cung cấp thông tin cho dân bằng nhiều hình thức, tuyên truyền cho nhân dân hiểu những công việc HTCT đang làm hôm nay, cũng như trách nhiệm và lợi ích họ đạt được tham gia chương trình này.

Về xây dựng mối quan hệ chính quyền xã và cộng đồng tự quản ở thôn (quan hệ giữa quản lý và tự quản).

Một là, cần sớm khắc phục tình trạng đùn đẩy mọi công việc, trách nhiệm xuống cho thôn, buông lỏng quản lý, xóa bỏ những biểu hiện lệch lạc: biến xã thành trung gian, biến thôn thành cơ sở, xa rời tự quản, sa vào quản lý vốn không thuộc phạm vi chức trách, thẩm quyền của mình.

Hai là, thành lập và củng cố các tổ tự quản ở tất cả các xã. Mặc dù, nó tuy không phải là cấp chính quyền nhưng nó là tổ chức quần chúng có chức năng tự quản lý và giải quyết các công việc nội bộ của cộng đồng, đảm bảo đoàn kết, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, vệ sinh môi trường, giúp đỡ nhau trong cuộc sống và sản xuất. Tổ tự quản là nơi nhân dân gửi gắm tình cảm, tâm tư, nguyện vọng, yêu cầu bức xúc của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Ba là, củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng. Đây là những tổ chức được phép thành lập khi thực hiện chương trình xây dựng NTM. Nhân dân cần sáng suốt lựa chọn được những người thực sự xứng đáng (tâm huyết, trách nhiệm, có trình độ, năng lực, nắm chắc các quy định của pháp luật, có phương pháp làm việc hiệu

quả...) tham gia vào công việc này. Các Ban Thanh tra cần có kế hoạch hoạt động một cách chủ động, phối hợp chặt chẽ với chính quyền, nhân dân trong xã để thực hiện tốt cơ chế: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Cấp ủy, chính quyền xã phải xây dựng được nguyên tắc, chế phối hợp với các tổ chức này, nhằm vừa đảm bảo tính độc lập tương đối, vừa tạo điều kiện về môi trường cho các tổ chức hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao tính minh bạch, hiệu quả hoạt động của chính quyền, là chỗ dựa để nhân dân tham gia giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước ở cơ sở.

4.2.3.3. củng cố, xây dựng và đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc xã và các đoàn thể nhân dân vững mạnh

Một là, cần đổi mới nhận thức ở các cấp ủy đảng, chính quyền để xác định đúng vị thế của tổ chức MTTQ và các đoàn thể nhân dân trong thực tiễn hoạt động của HTCT xã trước yêu cầu của tình hình hiện nay. Cần phải sớm khắc phục ngay một số biểu hiện trong công tác tổ chức cán bộ coi thường vị thế của MTTQ và các đoàn thể nhân dân cấp xã khi cho rằng: nếu cán bộ không đảm nhận được công việc của chính quyền thì đẩy sang làm công tác Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Đồng thời, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng xã đối với công tác dân vận, phải coi trọng công tác vận động quần chúng, tạo điều kiện thuận lợi để MTTQ cùng với các đoàn thể nhân dân đóng vị trí là cơ sở nền tảng của chính quyền và cả HTCT xã.

Hai là, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân xã cần đổi mới nội dung và phương thức hoạt động nhằm phù hợp với từng đối tượng vận động, đa dạng hoá các hình thức tập hợp quần chúng để thực hiện tốt vai trò nòng cốt của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trong hoạt động của hệ thống Mặt trận và các đoàn thể nhân dân từ xã đến thôn, làng, cần chủ động và có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về nội dung sinh hoạt theo hướng thiết thực, cụ thể. Kết hợp, phối hợp các hình thức hoạt động giữa các tổ chức chính thống và phi chính thống để đưa công tác Mặt trận, đoàn thể đến từng hộ gia đình, để tăng cường tập hợp quần chúng, nâng cao tính tích cực chính trị - xã hội, tính tự quản, đoàn kết cộng đồng dân cư vào việc xây dựng cuộc sống mới, vào đẩy mạnh Quy chế dân chủ cơ sở đối với nông thôn của Hải Phòng. Cụ thể hơn, trước hết Mặt trận cùng các đoàn thể nhân dân xã cần chú ý và nên biết kết hợp

sử dụng cán bộ với phát huy vai trò tích cực của trưởng dòng họ, trưởng thôn, cựu chiến binh, những người có uy tín trong cộng đồng thôn làng nhằm đoàn kết động viên họ tham gia vào các hoạt động kinh tế xã hội, các sinh hoạt chung của cộng đồng thôn làng thì sẽ dễ dàng hơn trong tập hợp và vận động quần chúng, giải quyết những mâu thuẫn nội bộ, xây dựng đời sống nông thôn ấm êm, đoàn kết phát triển, cũng như phòng chống kịp thời âm mưu diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch đang lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền để tuyên truyền xuyên tạc nhằm phá hoại chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng và Nhà nước ta.

Ba là, xây dựng cơ chế giám sát và phản biện của MTTQ đối với hoạt động của chính quyền và các đoàn thể, hoạt động và lối sống của cán bộ công chức từ thành phố đến cơ sở sinh sống trên địa bàn dân cư của xã. Cấp uỷ đảng, chính quyền xã cần tăng cường tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân, thường xuyên lắng nghe ý kiến Mặt trận và các đoàn thể nhân dân của xã phản ánh với Đảng, Nhà nước những vấn đề mà nhân dân quan tâm, tham gia xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật phù hợp với đời sống.

Bốn là, hiện nay thành phố Hải Phòng đã tập trung đẩy mạnh xây dựng các đoàn thể xã vững mạnh. Tuy nhiên, cán bộ khối đoàn thể cần được lựa chọn từ những người có khả năng tác chiến “cầm tay chỉ việc” và kinh nghiệm trong vận động quần chúng, có uy tín và bản lĩnh. Đồng thời, cần điều chỉnh kinh phí và các chế độ, chính sách thích hợp cho các đoàn thể cấp xã hoạt động theo tinh thần “khoán” đối với mỗi đoàn thể.

4.2.4. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu

Cán bộ là gốc, quyết định sự thành công hay thất bại của công việc. Để hoàn thành mục tiêu xây dựng xã “Nông thôn mới kiểu mẫu” đòi hỏi phải đặc biệt quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức xã không ngừng nâng cao về chất lượng, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao, phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng xã “Nông thôn mới kiểu mẫu” là khâu then chốt, quyết định chất lượng, hiệu quả của hệ thống chính trị.

Cán bộ xã, nhất là người đứng đầu có vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của đại phương. Để đáp ứng những yêu cầu mới, cần tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ xã xứng tầm, có đủ trình độ, phẩm chất, năng lực, trách nhiệm, nhiệt huyết hoàn thành nhiệm vụ trong điều kiện mới.

Một là, đổi mới nhận thức về đội ngũ cán bộ xã, bao gồm cả nhận thức của tổ chức, cấp lãnh đạo và bản thân người cán bộ. Rõ ràng là, cán bộ như người lái thuyền nhưng công tác cán bộ nói chung, công tác cán bộ xã nói riêng còn nhiều bất cập. Công tác cán bộ xã - cấp thấp nhất trong HTCT 4 cấp nhưng không đồng nghĩa là cấp ít quan trọng nhất. Do đó, cấp lãnh đạo có thẩm quyền cũng như cấp ủy phải hết sức coi trọng, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác cán bộ nhằm lựa chọn, giới thiệu được người xứng đáng, đầy đủ phẩm chất và năng lực đảm nhiệm trọng trách lãnh đạo, quản lý ở xã NTM. Trên thực tế, từ công tác bầu cử, quy hoạch, sử dụng, đề bạt, luân chuyển, đánh giá cán bộ, khen thưởng, kỷ luật... đều cần phải hoàn thiện, chỉnh sửa, bổ sung. Đặc biệt cần lượng hóa về tiêu chuẩn từng chức danh, công khai, minh bạch về quy trình tuyển chọn, bầu cử. Mặt khác, cán bộ xã chủ yếu là dân địa phương, họ làm ăn sinh sống tại xã, có quan hệ dòng tộc, láng giềng thân thiết với dân làng, có lợi ích và quan hệ gắn bó với làng xã về mọi mặt: kinh tế, văn hóa, tình cảm, đời sống, sinh hoạt... nên cũng cần lưu ý những đặc thù này đối với công tác cán bộ. Công tác cán bộ ở xã NTM phải được đổi mới, hoàn thiện cả về các quy định pháp luật đến công tác lãnh đạo của cấp ủy và cơ quan có thẩm quyền.

Đối với cán bộ, khi được giữ chức vụ lãnh đạo, cần coi đây là trách nhiệm và vinh dự của bản thân, không được tự kiêu, tự mãn, thiếu rèn luyện mà phải khiêm tốn, tận tâm, tận lực phục vụ nhân dân, làm cho quê hương không ngừng phát triển. Người cán bộ phải luôn tự ý thức đối với bản thân và công việc, cần phải thường xuyên rèn luyện, tu dưỡng, học tập để không ngừng nâng cao phẩm chất đạo đức, chuyên môn, nghiệp vụ, tác phong công tác... dám nghĩ, dám làm, năng động, sáng tạo.

Thứ hai, cán bộ xã phải được đào tạo cơ bản những kiến thức về quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội..., thường xuyên được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng (đàm phán,

thuyết trình, giao tiếp, xử lý tình huống chính trị - xã hội...). Chỉ khi cán bộ có đủ trình độ, năng lực và bản lĩnh thì mới có khả năng sáng tạo, năng động và dám chịu trách nhiệm trước quyết định của mình. Trong điều kiện xã đạt chuẩn NTM, người dân đòi hỏi người cán bộ xã phải có khả năng hỗ trợ, giải quyết những vấn đề về sản xuất (vốn, kỹ thuật, liên kết các nhà, thị trường tiêu thụ, nâng cao giá trị sản phẩm...), về an sinh xã hội (việc làm, dịch vụ y tế, giáo dục, môi trường, nước sạch, an ninh trật tự, kết cấu hạ tầng nông thôn...), về nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần (giữ gìn giá trị văn hóa truyền thống, xây dựng văn hóa nông thôn văn minh, phát huy dân chủ cơ sở...) Vì vậy, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xã cần được thay đổi cơ bản về nội dung, hình thức, chất lượng. Phải lựa chọn được những nội dung thiết thực cho từng vị trí lãnh đạo, theo lĩnh vực cán bộ phụ trách và kiến thức về pháp luật, văn hóa, xã hội, gắn nhiều với thực tiễn, cung cấp nhiều kinh nghiệm, bài học thực tiễn... tránh dàn trải, xa vời, nội dung không cần thiết. Hình thức đào tạo linh hoạt, tiết kiệm, giảm thời gian học lý thuyết, tăng thời gian học thực hành, ứng dụng. Cần mở lớp đào tạo, bồi dưỡng theo chuyên đề, theo chức vụ, vị trí lãnh đạo. Đặc biệt, phải có giảng viên, báo cáo viên giàu tri thức, kinh nghiệm, có phương pháp sư phạm tốt, am hiểu thực tiễn. Công tác quản lý cũng cần phải thắt chặt, tránh tình trạng học viên chỉ đánh trống, ghi tên, tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá đúng thực chất.

Thứ ba, người cán bộ xã luôn tự giác rèn luyện về mọi mặt, giàu ý chí, nghị lực, có khát vọng làm giàu, phát triển địa phương, có kỹ năng, phong cách lãnh đạo, làm việc chuyên nghiệp. Cán bộ thiếu kiến thức, kỹ năng thì hiệu quả thấp. Cán bộ thiếu rèn luyện đạo đức, phẩm chất dễ dẫn đến sai lầm, khuyết điểm, phạm tội... làm mất niềm tin của dân, ảnh hưởng đến uy tín chính quyền, HTCT, của Đảng, Nhà nước. Cán bộ thiếu hoài bão, khát vọng sẽ không có ý chí vươn lên, dễ thỏa mãn, ngại khó, ngại khổ, lười suy nghĩ, lười sáng tạo, không dám nghĩ, dám làm, không biết lo cho dân. Chính vì vậy, cán bộ lãnh đạo xã phải thường xuyên học tập, tự nâng cao tri thức, mở rộng tầm nhìn, phát hiện, nắm bắt nhanh những vấn đề của thực tiễn, nhạy bén, khéo léo, linh hoạt, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm... Đồng thời cán bộ xã phải luôn là người gương mẫu, có uy tín với nhân dân, được

dân tin, dân tôn trọng và dân làm theo. Cán bộ xã phải thường xuyên rèn luyện phong cách làm việc khoa học, hiệu quả, nói đi đôi với làm, lắng nghe, tôn trọng ý kiến nhân dân, tránh thói quan liêu, gia trưởng, bè phái, coi thường nhân dân...

Cán bộ xã gần dân, sát dân nhất, trực tiếp tổ chức thực hiện mọi chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, đồng thời nắm bắt thực tiễn, ý nguyện của dân nhanh nhất. NTM đạt được sự phát triển cao hơn, thay đổi về chất là yêu cầu khách quan đối với sự thay đổi cả về chất và lượng đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo xã nói chung, cán bộ lãnh đạo chính quyền xã nói riêng. Sự thay đổi đó không chỉ đòi hỏi nỗ lực của bản thân cán bộ mà còn từ những quan điểm, chính sách, pháp luật của Đảng, nhà nước, cấp ủy, lãnh đạo địa phương. Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo chính quyền xã có đầy đủ năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu mới là yếu tố quan trọng phát triển bền vững xã NTM ở Hải Phòng nói riêng, cả nước nói chung.

Đội ngũ công chức chuyên môn ở xã cần được quan tâm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức văn hóa trong thi hành công vụ. Công chức chuyên môn xã ở 7 vị trí : công chức Văn phòng - thống kê, Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường ,Tài chính - kế toán, Tư pháp - hộ tịch, Văn hóa - xã hội, chỉ huy trưởng quân sự, trưởng công an xã là những người tham mưu cho cấp ủy, chính quyền đồng thời giải quyết công việc hàng ngày trực tiếp với dân, theo yêu cầu của dân trên mọi lĩnh vực của đời sống. Công chức xã được tuyển dụng phải đảm bảo đầy đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, phẩm chất, năng lực, sức khỏe... tuyệt đối không để tình trạng “con ông, cháu cha” vừa yếu về chuyên môn, thiếu năng lực, trách nhiệm đối với công việc được tuyển làm công chức xã. Cấp ủy, lãnh đạo chính quyền thường xuyên quan tâm bồi dưỡng công chức về phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, cập nhật kiến thức về chính sách pháp luật. Công chức xã phải tuyệt đối tuân thủ pháp luật, làm theo đúng chính sách, đường lối của Đảng, nhà nước, công tâm, khách quan, không được nể nang hay bị chi phối bởi quan hệ họ hàng, làng xã. Công chức xã phải tận tụy, mẫn cán với công việc, có đạo đức, văn hóa ứng xử lịch sự, văn minh khi thi hành công vụ. Đặc biệt công chức xã phải gần dân, bám sát địa bàn, lắng nghe ý kiến của dân, tôn trọng nhân dân và chịu sự giám sát của dân, không được quan liêu, cửa quyền, hách dịch, bắt nạt, ức hiếp nhân dân,

không được tham nhũng vật... Đảng bộ chính quyền xã phải xây dựng được quy tắc ứng xử đối với cán bộ công chức; ban hành được quy định về đạo đức, phong cách, thái độ, trách nhiệm của cán bộ công chức; thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh từ người dân, tổ chức, doanh nghiệp. Lấy sự hài lòng của dân là thước đo hiệu quả, đánh giá công chức. Cấp ủy, chính quyền xã phải thường xuyên chăm lo đời sống của cán bộ, công chức, thực hiện chế độ động viên, khen thưởng kịp thời, kỷ luật nghiêm minh, đồng thời mạnh dạn, kiên quyết sàng lọc những cán bộ công chức không đủ phẩm chất, năng lực, có biểu hiện tiêu cực trong thực thi công vụ ra khỏi đội ngũ cán bộ, công chức. Công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho công chức cũng hết sức cần thiết. Hằng năm, chính quyền xã phải tạo điều kiện để công chức được tham gia học tập các lớp bồi dưỡng về chuyên môn, kỹ năng làm việc. Công chức thiếu, yếu về kỹ năng nào cần được kịp thời bồi dưỡng bổ sung ngay. Đảng bộ, chính quyền xã phải xây dựng được môi trường làm việc dân chủ công bằng, công khai, minh bạch, tạo động lực cho công chức sáng tạo, nhiệt huyết, cống hiến hết mình, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Công tác quy hoạch cán bộ cũng phải được chú trọng để xây dựng đội ngũ cán bộ xã ổn định, có tính liên tục, kế thừa. Hiện nay, quá trình CNH, đô thị hóa dẫn đến tình trạng cán bộ, nông dân “ly nông”, ra thành thị, khu công nghiệp kiếm việc làm tăng thu nhập, không “an cư” ở nông thôn như trước đây. Do đó, tình trạng thiếu cán bộ, thiếu lao động nông nghiệp đang là thực tế đáng lo ngại. Vì vậy công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và tạo điều kiện, môi trường cho cán bộ trưởng thành, tâm huyết xây dựng quê hương nói chung, HTCT xã nói riêng là một yêu cầu rất quan trọng đối với HTCT xã NTM hiện nay.

Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức xã mạnh về chuyên môn, có phẩm chất đạo đức và nhiệt huyết, năng động, sáng tạo, có bản lĩnh vững vàng, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, cống hiến hết mình cho sự phát triển quê hương là điều kiện quyết định cho sự thành công trong việc hoàn thành mục tiêu xây dựng xã “nông thôn kiểu mẫu”.

4.2.5. Đẩy mạnh việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở là khâu đột phá để xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị xã nông thôn mới ở Hải Phòng

Nhận thức đúng là mở đầu cho hành động đúng. Tuy nhiên, trên thực tế không phải mọi người dân đều hiểu đúng ý nghĩa của việc thực hiện Quy chế dân chủ, cần nhận thức rõ rằng dân chủ là quyền tất yếu, là lợi ích tự thân của nhân dân nói chung và nông dân nói riêng, thực hành dân chủ là tuân theo quy luật khách quan của một xã hội phát triển, không có “mở rộng” hay “ban phát” dân chủ cho nhân dân, mà chỉ có dân chủ tuyệt đối của nhân dân. Để thực hiện được như vậy, cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, gắn với đẩy mạnh dân chủ là chú trọng việc nâng cao dân trí cho nhân dân, mà trước hết nâng cao dân trí bằng phổ cập giáo dục từng bậc học. Tuy nhiên, vấn đề nâng cao dân trí phải đi liền với phát triển kinh tế, cải thiện đời sống của nhân dân, xóa đói giảm nghèo, chăm sóc sức khỏe của nhân dân là tạo tiền đề điều kiện cho việc thực hiện tốt dân chủ cơ sở. Người dân không thể làm chủ xã hội khi còn nghèo nàn lạc hậu, ốm đau bệnh tật, mù chữ. Bác Hồ đã từng chỉ rõ: “quan tham vì dân đại” [54, tr.641].

Hai là, phải đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật trong nhân dân. Trước hết, yêu cầu cán bộ, đảng viên ở xã phải hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Chỉ có thể nắm vững các nội dung dân chủ nói chung và dân chủ cơ sở nói riêng trong các chỉ thị, văn bản của Đảng và Nhà nước, từ đó tuyên truyền giải thích cho nhân dân rõ: dân chủ là gì, gồm có cái gì, dân chủ không phải là vô tổ chức kỷ luật mà là dân chủ gắn với kỉ cương phép nước. Đội ngũ cán bộ xã không chỉ phải nắm vững tinh thần nội dung của quy chế dân chủ và gương mẫu thực thi, mà còn phải rèn luyện nâng cao khả năng nghiên cứu và công tác tuyên truyền vận động quần chúng nhằm tuyên truyền giải thích cho dân hiểu nội dung dân chủ và đảm bảo các điều kiện, cũng như động viên nhân dân thực hiện đúng quy chế dân chủ, ngăn chặn loại bỏ các biểu hiện độc đoán chuyên quyền, trù dập nhân dân, biểu hiện dân chủ hình thức, dân chủ một chiều, dân chủ cực đoan... Có vậy, nhân dân hiểu để tự mình thực hiện dân chủ, yêu cầu cán bộ thực hiện dân chủ và ngăn chặn, lên án, loại bỏ các biểu hiện lợi dụng

dân chủ để chống phá, gây rối mắt đoàn kết. Về hình thức tuyên truyền, đối với xã thì ưu thế có hiệu quả hơn đó là sử dụng hệ thống phát thanh. Đồng thời, kết hợp gắn liền xây dựng hệ thống các hương ước, quy ước văn hoá thôn làng (có nội dung gồm các phong tục, chuẩn mực làng xã tốt đẹp và không trái với pháp luật) liên hệ mật thiết với nội dung quy chế dân chủ của Nhà nước, nhằm làm cho bản chất dân chủ xã hội chủ nghĩa thấm sâu vào suy nghĩ, tâm tư, tình cảm, nếp sống, phong tục và khả năng sáng tạo của mỗi người dân, mỗi cộng đồng. Cần phát huy các hình thức tự quản của cộng đồng dân cư và làm nòng cốt thúc đẩy thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Kinh nghiệm thực tiễn ở Hải Phòng cho thấy, nơi nào việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước thông qua trước tiên ở việc vận động quy tụ các trưởng thôn để phổ biến, sau đó đưa ra toàn dân thì nơi đó chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước đi vào cuộc sống nhanh chóng và có hiệu quả. Từ đó mới giúp người dân hiểu rõ, thực hiện đúng các quy định của pháp luật, đây cũng chính là cách tốt nhất đảm bảo cá nhân thực hiện dân chủ và được hưởng các quyền tự do dân chủ, xoá bỏ các tập tục lạc hậu trái với thuần phong mỹ tục và trái pháp luật, hình thành các tập tục mới phù hợp với đời sống hiện đại và truyền thống dân tộc, pháp luật của Nhà nước. Đây mạnh việc xây dựng các hương ước, quy ước với nội dung như đã nói trên, đảm bảo 100% các thôn làng có hương ước, quy ước và thực hiện đầy đủ các nội dung hương ước, quy ước đó. Thực hiện bằng các biện pháp cụ thể tác động đến tâm lý, lợi ích vật chất và tinh thần. Vì vậy cần thiết có thêm chế tài trong các bản hương ước, quy ước, chế tài này phải được xây dựng trên cơ sở tinh thần của pháp luật, và sự tự do bàn thảo, nhất trí của cộng đồng, không được mang hoặc tác động bởi ý chí riêng tư của bất kỳ cá nhân nào.

Ba là, phải gắn chặt việc tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở với việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khoá IX về: “Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng HTCT cơ sở, xã, phường, thị trấn”. Do đó, phải tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng đối với việc thực hiện dân chủ cơ sở. Đảng vừa là thành viên của HTCT xã, vừa là người lãnh đạo HTCT xã, xây dựng tổ chức đảng xã vững mạnh mới thực sự đảm bảo phát huy và thực hiện tốt dân chủ cơ sở. Tăng cường sự

lãnh đạo của cấp uỷ đảng đối với chính quyền xã để xây dựng chính quyền xã thật sự coi trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Chỉ đạo các cấp, ngành nâng cao vai trò quản lý nhà nước về lĩnh vực khiếu nại, tố cáo, đồng thời thường xuyên kiểm tra, đôn đốc xã trong việc thực hiện Luật khiếu nại, tố cáo của công dân và thực hiện công tác tiếp dân. Nâng cao vai trò giám sát và chức năng phản biện của MTTQ và các đoàn thể xã đối với việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. MTTQ thành phố chủ trì phối hợp với các ngành liên quan xây dựng quy chế giám sát theo hướng giám sát phi quyền lực nhà nước và mang tính quan sát phát hiện, để từ đó phản ánh với các cơ quan có thẩm quyền. UBND huyện tăng cường việc kiểm tra hoạt động mọi mặt của chính quyền xã, hình thức kiểm tra vừa định kỳ vừa đột xuất, có thể dùng phương pháp kiểm tra chọn mẫu làm căn cứ rút ra các vấn đề áp dụng cho toàn địa phương.

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ đảng; sự phối hợp giữa Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhằm đẩy mạnh hơn nữa công tác kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. củng cố ban chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cả ba cấp thành phố, huyện, xã. Tăng cường việc tổ chức triển khai thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở đi đôi với việc thường xuyên kiểm tra, đánh giá, sơ - tổng kết rút bài học kinh nghiệm nhằm tiếp tục hoàn thiện và thực hiện triệt để Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Bốn là, thực hiện có hiệu quả, thực chất cơ chế “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

Phải quy định và thực hiện nghiêm những nội dung dân biết, đặc biệt là vấn đề liên quan trực tiếp đến cuộc sống, lợi ích của nhân dân, những vấn đề nhạy cảm như chủ trương đầu tư, dự án, đất đai... để dân thấy được tính công khai, minh bạch trong lãnh đạo, quản lý của HTCT, từ đó tạo được niềm tin và ý thức trách nhiệm của người dân trong xây dựng, phát triển địa phương.

Người dân ở các xã đạt chuẩn NTM là chủ thể của quá trình xã hoàn thành các tiêu chí, họ cùng với lãnh đạo xã bàn và quyết định mức độ, biện pháp, nguồn lực... để xây dựng NTM. Trải qua chương trình này, nông dân đã trưởng thành và chủ động rất nhiều, nhưng không dừng lại ở đó, trong những nhiệm vụ tiếp theo,

nhân dân phải được bàn, được quyết định những vấn đề xây dựng xã “Nông thôn mới kiểu mẫu”.

Người dân thực hiện công tác kiểm tra thông qua các đoàn thể chính trị - xã hội của xã, đồng thời thông qua ban thanh tra nhân dân, ban giám sát của xã. Hai tổ chức này đã hoạt động hiệu quả trong xây dựng NTM, đưa xã về đích, được công nhận xã NTM. Cần tiếp tục củng cố, phát huy vai trò của hai tổ chức này trong xây dựng xã “Nông thôn mới kiểu mẫu”.

Năm là, cần đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất để nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT xã.

Nỗ lực chủ quan của HTCT là nhân tố quyết định hiệu quả hoạt động nhưng những nỗ lực đó mới là điều kiện đủ. Điều kiện cần để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của HTCT xã chính là cơ sở vật chất, trang thiết bị, hệ thống thông tin, tài chính ngân sách.

Trước hết, các xã cần tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin để đảm bảo hệ thống thông tin thông suốt, chính xác, chủ động hoàn thiện các trang thiết bị (máy tính kết nối internet, điện thoại...). Đó là phương tiện tối thiểu, cần thiết cho nền hành chính hiện đại, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý.

Cần phải nâng cao trình độ khai thác sử dụng hệ thống thông tin trong lãnh đạo quản lý để tăng tính công khai minh bạch, tạo được niềm tin của nhân dân đối với HTCT.

Thứ hai, HTCT các xã cần quan tâm, huy động các nguồn lực để mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động quản lý, đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ xã (bàn ghế, điện, nước...) và xử lý các mối quan hệ với dân (trụ sở, cơ sở vật chất cần thiết). Việc mua sắm, sử dụng các thiết bị cần hợp lý, tiết kiệm, chống lãng phí.

Thứ ba, các xã cần được cấp kinh phí hoạt động theo quy định. Bên cạnh đó cần có những biện pháp tích cực, chủ động để huy động được nhiều nguồn kinh phí phục vụ hoạt động của HTCT cũng như sự phát triển của địa phương, nhất là nguồn kinh phí phục vụ xây dựng NTM.

4.3. MỘT SỐ BIỆN PHÁP ĐẢM BẢO TÍNH ĐỒNG BỘ VÀ THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ CÁC GIẢI PHÁP ĐÃ ĐỀ RA

Căn cứ thực tiễn hoạt động của HTCT các xã của Hải Phòng, cần có một số biện pháp để đảm bảo tính đồng bộ và thực hiện có hiệu quả các giải pháp đã đề ra, cụ thể :

Một là, thành phố tập trung những biện pháp chỉ đạo để duy trì, nâng cao chất lượng các xã NTM, phát triển bền vững.

Hai là, nghiên cứu, khảo sát để xây dựng cấu trúc bộ máy HTCT xã theo hướng tinh gọn, hiệu quả, không chồng chéo chức năng, không nhất thiết cấp trên có cấu trúc như thế nào thì cấp dưới cũng có như vậy; đồng thời phải nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ kết hợp với tinh giản biên chế.

Ba là, cần cải tiến công tác đào tạo, bồi dưỡng, cần thay đổi căn bản quan niệm về đào tạo, thiết kế lại nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện theo hướng: lý luận cơ bản nhưng hết sức tinh gọn và đảm bảo thiết thực. Đặc biệt, cần chú trọng đúng mức đến mảng kiến thức thực tiễn, bố trí và tăng thời lượng thực hành làm bài tập và kỹ năng thực hành, các thao tác xử lý các tình huống, mâu thuẫn trong nội bộ dân, cách làm chính trị thông qua kinh tế và văn hóa. Do vậy, trước hết cần phải chú trọng trang bị kiến thức văn hoá và truyền thống phục vụ trực tiếp cho công tác của từng cán bộ sau này (những tri thức về truyền thống lịch sử, văn hoá, phong tục, tập quán, tăng cường kiến thức về tôn giáo, tín ngưỡng...), không ngừng cập nhật sự hiểu biết các tri thức về pháp luật, chính sách, các hiểu biết về quản lý và tự quản.

Bốn là, Hải Phòng cần đề ra chính sách thu hút cán bộ giỏi, có khả năng “cầm tay chỉ việc” và kinh nghiệm trong vận động quần chúng, có uy tín và bản lĩnh để tăng cường xây dựng HTCT cấp xã và chế độ đãi ngộ thoả đáng.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 4

Trên cơ sở kết quả khảo sát, đánh giá thực trạng hiệu quả hoạt động của HTCT các xã đạt chuẩn NTM ở thành phố Hải Phòng, những vấn đề đặt ra và xu hướng vận động của xã NTM trong thời gian tới, luận án đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT ở xã NTM. Những giải pháp đó là: i) Tăng cường nhận thức về việc nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT xã; ii) Tiếp tục xây dựng HTCT xã trong sạch, vững mạnh, có đầy đủ thành viên; iii) Đổi mới, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong HTCT xã NTM phục vụ tốt nhiệm vụ xây dựng “Nông thôn mới kiểu mẫu”; iv) Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; v) Đẩy mạnh việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Đồng thời luận án cũng đề xuất một số biện pháp mà thành phố Hải Phòng cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tạo nên sự thống nhất, đồng bộ, thực hiện có hiệu quả các giải pháp xây dựng HTCT xã đạt chuẩn NTM vững mạnh, phục vụ yêu cầu xây dựng xã “Nông thôn mới kiểu mẫu”.

KẾT LUẬN

Xã là cấp cuối cùng trong quản lý xét theo chức năng và thẩm quyền, nhưng nó lại là cấp đầu tiên, trực tiếp nhất và đặc biệt quan trọng. HTCT ở xã là nền tảng xây dựng chế độ dân chủ của toàn bộ HTCT nước ta trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội. Xác định rõ một số vấn đề về HTCT ở nông thôn, đặc biệt là ở các xã NTM có ý nghĩa thực tiễn trong tình hình hiện nay.

Luận án đã tập trung hệ thống hóa, luận giải những vấn đề lý luận về HTCT và hoạt động của HTCT xã. Từ việc tập trung hệ thống hóa, luận giải những vấn đề lý luận về HTCT và HTCT xã NTM, phân tích khái niệm HTCT, luận án đi đến khái niệm HTCT xã, phân tích vai trò, đặc điểm, cấu trúc, chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ giữa các tổ chức thành viên của HTCT xã; đưa ra khái niệm xã NTM; HTCT xã NTM. Luận án đã phân tích làm sáng tỏ mối quan hệ biện chứng giữa xây dựng NTM với việc phải tiếp tục củng cố HTCT xã đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM hiện nay - xây dựng xã “Nông thôn mới kiểu mẫu”. Theo đó, HTCT xã NTM cần được tập trung, củng cố nâng cao chất lượng về tổ chức, bộ máy (có đầy đủ tổ chức thành phần của hệ thống); về đội ngũ cán bộ; về kết quả hoạt động của các tổ chức thành viên phải đạt tiên tiến trở lên; HTCT xã phải đạt trong sạch, vững mạnh. Luận án chỉ ra những đòi hỏi khách quan phải nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của HTCT xã đáp ứng yêu cầu xây dựng “Nông thôn mới kiểu mẫu” hiện nay.

Luận án đã phân tích thực trạng, đánh giá hoạt động của HTCT các xã NTM ở thành phố Hải Phòng trên các tiêu chí về tổ chức bộ máy và hoạt động của các tổ chức thành viên, về chất lượng và hiệu quả của đội ngũ cán bộ, công chức xã, về cơ sở vật chất cho hoạt động của HTCT, về cơ chế phối hợp của các tổ chức. Luận án đã chỉ ra nguyên nhân của những kết quả đạt được và hạn chế trên cơ sở thực trạng hoạt động của các tổ chức thành viên cũng như những vấn đề đặt ra trong NTM mà HTCT và người dân cần tập trung giải quyết.

Trên cơ sở luận giải những yêu cầu đặt ra phải nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của HTCT các xã NTM, luận án đề xuất 5 giải pháp, đó là: i) Tăng cường nhận thức về việc nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT xã; ii) Tiếp tục xây dựng

HTCT xã trong sạch, vững mạnh, có đầy đủ các tổ chức thành viên; iii) Đổi mới, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong HTCT phục vụ tốt nhiệm vụ xây dựng “Nông thôn mới kiểu mẫu”; iv) Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; v) Đẩy mạnh việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Đồng thời luận án cũng đề xuất một số biện pháp mà thành phố Hải Phòng cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tạo nên sự thống nhất, đồng bộ, thực hiện có hiệu quả các giải pháp xây dựng HTCT xã đạt chuẩn NTM vững mạnh, phục vụ yêu cầu xây dựng xã “Nông thôn mới kiểu mẫu”.

Trước yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, việc đổi mới, hoàn thiện HTCT xã trên địa bàn thành phố Hải Phòng là vấn đề rất quan trọng và cấp thiết để đảm bảo sự ổn định, phát triển lâu bền của nông thôn đi lên chủ nghĩa xã hội và hoà nhập chung với tiến trình phát triển của đất nước. Những phương hướng cơ bản và một số giải pháp đổi mới cả về mặt nhận thức và thực tiễn được đề cập ở nội dung trên cần được triển khai một cách đồng bộ mới mang lại hiệu quả trong quá trình hoàn thiện HTCT xã NTM trên địa bàn Hải Phòng hiện nay.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH VÀ BÀI BÁO CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Vũ Thị Loan (Chủ nhiệm), Phạm Thị Thúy, Phạm Thị Huyền, Trần Thị Minh, Vương Toàn Thu Thủy, Lê Khắc Nguyên Anh (2015), *Các giải pháp đảm bảo dân chủ và an sinh xã hội nông thôn mới thành phố Hải Phòng*, ĐT.XH.NTM.2013.635, Hải Phòng.
2. Lê Khắc Nguyên Anh (2015), “Về phát huy dân chủ và đổi mới hệ thống chính trị cơ sở xây dựng nông thôn mới (trường hợp thành phố Hải Phòng)”, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, số 392, tr. 15-22.
3. Vũ Thị Loan, Lê Khắc Nguyên Anh (2015), “Đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị cấp xã nhằm phát huy dân chủ xây dựng nông thôn mới ở thành phố Hải Phòng”, *Tạp chí Khoa học Đại học Hải Phòng*, số 3, tr. 3-10.
4. Lê Khắc Nguyên Anh (2018), “Thành phố Hải Phòng: Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí An ninh & Xã hội*, số 11, tr. 12-14.
5. Lê Khắc Nguyên Anh (2018), “Những yêu cầu đặt ra đối với hoạt động của chính quyền xã đạt chuẩn nông thôn mới ở thành phố Hải Phòng hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Đại học Hải Phòng*, số 31, tr. 8-15.
6. Lê Khắc Nguyên Anh (2019), “Hải Phòng xây dựng đội ngũ cán bộ chính quyền xã đạt chuẩn nông thôn mới”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 279, tr. 74-76.
7. Lê Khắc Nguyên Anh (2019), “Đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị cấp xã ở Hải Phòng hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 4, tr. 82-89.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Lưu Văn An (2012), *Thế chế chính trị Việt Nam - Lịch sử hình thành và phát triển (2012)*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
2. Lưu Văn An (2014), *Lý thuyết và mô hình phát triển xã hội*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
3. Alfred de Grazia (1963), *Chính trị học yếu lược*, Trung tâm nghiên cứu Việt Nam dịch và xuất bản, Sài Gòn.
4. Alexis De Tocquecill (2007), *Nền kỹ trị Mỹ*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
5. Nguyễn Thọ Ánh (2012), *Thực hiện chính sách phản biến xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Ban Dân vận Trung ương (2012), *Công tác dân vận với chương trình xây dựng nông thôn mới*, Nxb. Lao động, Hà nội.
7. Ban Tuyên giáo Thành ủy Hải Phòng (2018), *Một số kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hải Phòng (2016-2018)*, Nxb. Hải Phòng, Hải Phòng.
8. Ban Tuyên giáo Trung ương (2008), *Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế*, Nxb. Lao động xã hội, Hà nội.
9. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (2008), *Việt Nam - WTO những cam kết liên quan đến nông dân, nông nghiệp, nông thôn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Hoàng Chí Bảo (2004), *Hệ thống chính trị ở cơ sở nông thôn nước ta hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội
11. Hoàng Chí Bảo (2006), *Văn hoá và con người Việt Nam trong tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Hoàng Chí Bảo (2007), *Dân chủ và dân chủ ở nông thôn trong tiến trình đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà nội.
13. Hoàng Chí Bảo (2009), *Bảo đảm bình đẳng và tăng cường hợp tác giữa các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Nguyễn Trần Bạt (2006), *Văn hoá và con người*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

15. Nguyễn Đức Bình, Trần Ngọc Hiên, Đoàn Trọng Truyền, Nguyễn Văn Thảo, Trần Xuân Sầm (1999), *Đổi mới và tăng cường hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
16. Nguyễn Đức Bình (2005), *Về công tác tư tưởng của Đảng cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 3, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
20. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 6, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. C.Mác và Ph.Ăngghen (2002), *Toàn tập*, tập 17, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Vũ Hoàng Công (2002), *Hệ thống chính trị cơ sở - đặc điểm, xu hướng và giải pháp*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Cục Thống kê thành phố Hải Phòng (2018), *Kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản thành phố Hải Phòng giai đoạn 2011-2016*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam (1976), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
26. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
27. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
28. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
29. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
31. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
32. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

33. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện hội nghị lần thứ 7- Ban chấp hành Trung ương khoá X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
34. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Phạm Đi (2016), *Xây dựng Nông thôn mới ở Việt Nam hiện nay (nghiên cứu vùng duyên hải Nam Trung bộ)*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
37. Nguyễn Thị Kim Hoa (2013), *Tính tích cực chính trị của nông dân Việt Nam trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
38. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Phân viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa Chính trị học (2005), *Chính trị học Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
39. Hội đồng lý luận Trung ương (2008), *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
40. Hội nông dân Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, nhiệm kỳ 2013 - 2018*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
41. Hội nông dân Việt Nam (2011), *Nông dân làm giàu*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
42. Đinh Thế Huynh, Phùng Hữu Phú, Lê Hữu Nghĩa, Vũ Văn Hiền, Nguyễn Việt Thông (2015), *30 năm đổi mới và phát triển ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
43. Nguyễn Văn Huyền (2009), *Con người chính trị Việt Nam truyền thống và hiện tại*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
44. Nguyễn Văn Huyền (2010), *Đảng Cộng sản cầm quyền - Nội dung và phương thức cầm quyền của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
45. Bùi Huy Khiên (2011), *Những bài học từ hai cuộc cải cách hành chính dưới triều vua Lê Thánh Tông và vua Minh Mệnh*, Nxb. Lao Động, Hà Nội.
46. Nhị Lê, Không ngừng đổi mới chính trị, vì sự phát triển toàn diện, đồng bộ và tiếp tục thành công của sự nghiệp đổi mới, *Tạp chí Cộng sản*, số 883 (5/2016), 884 (6/2016), tr 42 - 55, tr 54 - 67.

47. Đỗ Thị Thanh Loan (2016), *Chuyên dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp vùng đồng bằng sông Hồng trong bối cảnh hội nhập quốc tế*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
48. Marcel Prélot, Georges Lescuyer, *Lịch sử tư tưởng chính trị (Histoire des idées politiques)*, Nxb. Précis Dalloz (xuất bản lần thứ 5), 1975, Tài liệu dịch.
49. Hoàng Phê, Chủ biên (2000), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
50. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
51. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
52. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
53. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
54. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
55. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
56. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
57. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
58. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
59. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
60. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
61. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
62. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
63. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
64. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
65. Trần Thị Ngọc Minh (2014), *Vốn để phát triển kinh tế Nông nghiệp, Nông thôn ở tỉnh Yên Bái*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
66. Nguyễn Minh Phương, Chủ biên (2015), *Quản lý phát triển xã hội của chính quyền cơ sở một số nước trên thế giới*, Nxb. Lao động - Xã hội, Hà Nội.
67. Lê Minh Quân (2003), *Xây dựng nhà nước pháp quyền đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
68. Lê Minh Quân (2006), *Về một số xu hướng chính trị chủ yếu trên thế giới hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
69. Lê Minh Quân (2009), *Tư tưởng chính trị của C.Mác, Ph.Ăngghen V.I.Lênin và Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

70. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*.
71. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật tổ chức chính quyền địa phương*.
72. Nguyễn Văn Sáu, Hồ Văn Thông (2001), *Cộng đồng làng xã Việt Nam hiện nay*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
73. Nguyễn Văn Sáu, Hồ Văn Thông (2003), *Thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở và xây dựng chính quyền cấp xã ở nước ta hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
74. Nguyễn Văn Sáu, Hồ Văn Thông, Chủ biên (2005), *Thế chế dân chủ và phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
75. Đặng Kim Sơn (2006), *Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam - 20 năm đổi mới và phát triển*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
76. Đặng Kim Sơn (2008), *Kinh nghiệm quốc tế về nông nghiệp, nông thôn, nông dân trong quá trình công nghiệp hóa*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
77. Đặng Kim Sơn (2008), *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam - hôm nay và mai sau*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
78. Đặng Kim Sơn (2011), *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong mô hình tăng trưởng kinh tế mới giai đoạn 2011- 2020*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
79. Phan Xuân Sơn - chủ biên (2010), *Các chuyên đề bài giảng chính trị học - Dành cho cao học chuyên Chính trị học*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
80. Nguyễn Văn Tài (2002), *Phát huy tích cực xã hội của đội ngũ cán bộ nước ta hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
81. Thanh tra Chính phủ (2012), *Quyền và nghĩa vụ của công dân trong phòng chống tham nhũng*, Nxb. Lao động - Xã hội, Hà Nội.
82. Nguyễn Đăng Thành, Vũ Hoàng Công, Nguyễn An Ninh (2017), *Đổi mới bộ máy của Đảng, bộ máy của nhà nước trong điều kiện mới*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
83. UBND thành phố Hải Phòng (2016), *Báo cáo kết quả 5 năm xây dựng nông thôn mới ở thành phố Hải Phòng 2011 - 2016*.
84. Nguyễn Quang Việt (2010), *Định hướng đào tạo nghề cho lực lượng lao động trong các làng nghề truyền thống*, Nxb. Lao động - Xã hội, Hà Nội.

85. Nguyễn Văn Vĩnh (2004), *Văn hoá chính trị và vai trò của nó trong việc hình thành phẩm chất và năng lực của người cán bộ lãnh đạo chính trị*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
86. Viện nghiên cứu khoa học tổ chức nhà nước (2004), *Hệ thống chính trị cơ sở - Thực trạng và một số giải pháp đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
87. Viện Nghiên cứu Phát triển IDS (2008), *Nông dân, nông thôn và nông nghiệp, những vấn đề đang đặt ra*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
88. V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 31, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
89. V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 39, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
90. V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 43, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
91. V.I. Lênin (2006), *Toàn tập*, tập 36, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
92. V.I. Lênin (2006), *Toàn tập*, tập 41, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
93. V.I. Lênin (2006), *Toàn tập*, tập 44, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Nguồn tư liệu khai thác trên mạng Internet:

94. <http://sohoa.vnexpress.net/>
95. <http://oxfam.org.uk/>
96. <http://haiphong.gov.vn/>
97. <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=382&idmid=&ItemID=18863>
98. Cổng thông tin điện tử Chính phủ.

Tiếng Anh

99. Almond G. and verba S. (1963), *The Civic Culture*, Boston: little, Brown & Co.G.
100. John Kemp (1968), *The Philosophy of Kant*.
101. Popkin, Samuel (1979) *The Rational Peasant: The Political Economy of Rural Society in Vietnam*, Berkely: California University Press.
102. Row E. (1974), *Modern Politics*, London, Routlege and Kegan Paul.
103. Scott, Jame (1976), *The Moral Economy of Peasant*, Yale University Press, New Haven.
104. Tocqueville A. (1996), *Democracy in America*, ed. By J.P. Mayer, trans. By George Lawrence, NewYork: Happer &Row.

PHỤ LỤC
**Phụ lục 1: Bảng hỏi hệ thống chính trị cấp xã trong
 xây dựng nông thôn mới**

Kính thưa ông/bà!

Nhằm tìm hiểu, đánh giá vai trò của hệ thống chính trị trong xây dựng nông thôn mới ở Hải Phòng hiện nay, chúng tôi mong ông/bà cộng tác bằng việc trả lời các câu hỏi sau đây. Ông/bà đánh dấu (x) hoặc khoanh tròn vào các phương án mà mình cho là phù hợp. Những thông tin ông/bà cung cấp sẽ được bảo mật theo nguyên tắc khuyết danh và chỉ sử dụng vào mục đích nghiên cứu.

Trân trọng cảm ơn!

B1. Xin ông/bà cho biết cảm nhận của mình sau khi xã được công nhận hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới?

1. Rất phấn khởi 2. Phấn khởi 3. Bình thường 4. Lo lắng

B2. Đánh giá của ông/bà về kết quả thực hiện các chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới ở địa phương?

Stt	Nội dung	Rất tốt	Tốt	Bình thường	Không tốt	Không quan tâm
1	Quy hoạch, bố trí các công trình hạ tầng, khu sản xuất, khu dân cư tại xã					
2	Hệ thống giao thông tại địa phương phục vụ nhu cầu đi lại, sản xuất, kết nối thị trường, tiêu thụ sản phẩm					
3	Hệ thống tưới, tiêu phục vụ sản xuất, phòng chống thiên tai tại xã					
4	Đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định cho nhân dân tại xã					
5	Chất lượng giáo dục của các trường học tại xã					
6	Công tác chăm lo sức khỏe cho người dân, chất lượng khám chữa bệnh của bệnh trạm y tế					
7	Các hoạt động văn hóa, nghệ thuật phục vụ nâng cao chất lượng đời sống tinh thần của người dân địa phương					
8	Việc hỗ trợ phát triển sản xuất, giảm nghèo bền vững, nâng cao thu nhập					

9	Việc người dân được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch cho sinh hoạt					
10	Kết quả xử lý, hạn chế ô nhiễm môi trường ở địa phương và ý thức tham gia của người dân					
11	Về cảnh quan, không gian sinh sống của người dân					
12	Việc lấy ý kiến người dân khi chính quyền triển khai xây dựng các công trình phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân					
13	Tình hình an ninh trật tự an toàn xã hội và quốc phòng tại địa phương					
14	Việc huy động sự đóng góp của nhân dân phục vụ xây dựng nông thôn mới (tiền, vật chất, lao động...)					
15	Việc cải cách các thủ tục hành chính ở địa phương và tinh thần, thái độ phục vụ của đội ngũ công chức địa phương					
16	Vai trò chỉ đạo, quản lý của các cấp ủy đảng, chính quyền và công tác tuyên truyền, vận động của Mặt trận, đoàn thể trong xây dựng nông thôn mới					
17	Khác (ghi rõ).....					

B3. Ông/bà có thể đánh giá thực trạng những vấn đề sau ở địa phương mình sau khi xã được công nhận hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới?

	Tốt	Bình thường	Yếu kém	Không có
1. Hệ thống đường giao thông thôn xã				
2. Hệ thống thủy nông				
3. Điện khí hoá nông thôn				
4. Cơ khí hoá nông thôn				
5. Nước sinh hoạt				
6. Chợ				
7. Trường học				
8. Trạm y tế thôn/xã				
9. Hệ thống loa/đài truyền thanh trên địa bàn thôn/xã				
10. Lối sống văn minh hơn				
11. Có nhiều cơ hội làm giàu hơn, giảm tỷ lệ thất nghiệp				
12. Đời sống vật chất, tinh thần được nâng lên				

13. Đẩy mạnh các phương thức sản xuất mới tạo ra các quan hệ xã hội mới				
14. Cách thức tổ chức xã hội ở làng xã cũng thay đổi nhiều				
15. Là một trong những nguyên nhân dẫn tới các tệ tham nhũng, đầu cơ và các tệ nạn xã hội khác				
16. Tệ nạn xã hội được giảm dần				
17. Khác				

B4: Sau khi được công nhận là xã nông thôn mới, quy mô chăn nuôi, trồng trọt của hộ gia đình ông/bà như thế nào?

Ngành nghề	Giữ nguyên	Mở rộng	Thu hẹp	Bỏ hẳn	Từ trước đến nay không làm
Lúa (diện tích)					
Hoa màu (diện tích)					
Chăn nuôi gia súc (số lượng)					
Chăn nuôi gia cầm (số lượng)					
Nuôi trồng thủy sản (diện tích)					
Nghề truyền thống (số lượng)					
Buôn bán/ dịch vụ (số lượng)					
Nghề khác (.....)					

B5: Việc sản xuất - kinh doanh của ông/bà đã thay đổi như thế nào so với trước khi chưa hoàn thành xây dựng nông thôn mới?

1. Chưa thay đổi
2. Thay đổi ít
3. Thay đổi nhiều

B6: Nếu đã thay đổi thì lý do nào dẫn đến sự thay đổi đó (Chọn tối đa 3 p/án)?

1. Do có những điều kiện, môi trường mới xuất hiện sau khi có nông thôn mới
2. Do chính sách xây dựng nông thôn mới hỗ trợ
3. Do chính quyền quan tâm hướng dẫn
4. Do tự học hỏi ở người khác
5. Học được qua sách báo và phương tiện truyền thông
6. Khác (ĐTV ghi rõ).....

B7: Những khó khăn ông/bà đang gặp phải trong sản xuất- kinh doanh là gì?

1. Thiếu vốn
2. Thiếu kiến thức, kỹ thuật
3. Thiếu máy móc, công nghệ
4. Thiếu đất đai, nhà xưởng
5. Thiếu nhân lực
6. Thiếu thị trường tiêu thụ
7. Thiếu chính sách hỗ trợ của nhà nước
8. Thiếu kinh nghiệm
9. Mô hình phát triển chưa phù hợp
10. Khác (ghi rõ).....

B8: Ông/bà đã nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ, hỗ trợ nào từ hệ thống chính trị của xã để khắc phục những khó khăn trên?

1. Về kiến thức
2. Về vốn
3. Chính sách bao tiêu sản phẩm
8. Vật tư/nguyên liệu
9. Về kỹ thuật
10. Mở lớp đào tạo để theo học

- | | |
|-----------------------|------------------------------|
| 4. Môi trường pháp lý | 11. Quan tâm của chính quyền |
| 5. Công nghệ | 12. Quan tâm của đoàn thể |
| 6. Mặt bằng làm ăn | 13. Thuế thu nhập/ môn bài |
| 7. Trang thiết bị | 14. Khác |

B9. Xin ông/bà cho biết thu nhập bình quân/Đầu người/năm của gia đình năm vừa qua là bao nhiêu ?

- | | |
|---------------------------|----------------------------|
| 1. Dưới 1 triệu | 4. Từ >3 triệu đến 5 triệu |
| 2. Từ 1 đến 2 triệu | 5. >5 triệu |
| 3. Từ 2 triệu đến 3 triệu | |

B10. Ông/bà hãy tự xếp hạng theo giá trị kinh tế của gia đình mình hiện nay?

- | | |
|--------------|-----------------------|
| 1. Rất nghèo | 4. Đủ ăn (Trung bình) |
| 2. Nghèo | 5. Giàu |
| 3. Khá | |

B11. Ông/bà cho biết cuộc sống của gia đình, người dân địa phương hiện nay so với khi chưa công nhận xã nông thôn mới?

- | | |
|----------------------|---------------|
| 1. Tốt hơn rất nhiều | 3. Vẫn như cũ |
| 2. Tốt hơn | 4. Kém hơn |

B12. Xin ông/bà đánh giá về vai trò các tổ chức của hệ thống chính trị? (Cho điểm từ 1 đến 10)

	Điểm		Điểm
1. Tổ chức Đảng		6. Hội Phụ Nữ	
2. HĐND		7. Hội Cựu chiến binh	
3. UBND		8. Hội Nông dân	
4. Đoàn thanh niên		9. Khác (ghi rõ).....	
5. Mặt trận Tổ quốc			

B13. Ông/bà mong muốn đảng ủy xã phải làm tốt những việc gì để tiếp tục lãnh đạo phát triển xã nông thôn mới?

1. Xác định đúng hướng phát triển của xã về mọi mặt
2. Xây dựng khối đoàn kết
3. Thực hiện có hiệu quả Quy chế dân chủ cơ sở
4. Xây dựng chính quyền vì dân, phục vụ nhân dân
5. Xây dựng các đoàn thể vững mạnh
6. Cán bộ xã, thôn có đạo đức, lối sống tốt, vì dân
7. Đảng viên gương mẫu
8. Những việc khác

B14. Ông/bà mong muốn chính quyền xã cần làm tốt những việc gì

1. Phục vụ thật tốt những yêu cầu chính đáng của nhân dân
2. Phát triển mạnh kinh tế của địa phương
3. Tạo mọi điều kiện để dân phát triển sản xuất - kinh doanh

4. Giúp dân giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong sản xuất, cuộc sống
5. Nâng cao đời sống của nhân dân về mọi mặt
6. Bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn mọi lúc, mọi nơi trong xã
7. Nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, văn hóa, môi trường
8. Những việc khác

B15. Để chính quyền xã thực sự vững mạnh, phục vụ tốt yêu cầu phát triển nông thôn mới hiện nay, theo ông/bà cần phải ?

1. Cần tận tâm vì dân
2. Năng động, sáng tạo
3. Không tham ô, tham nhũng
4. Giỏi chuyên môn, quản lý
5. Dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm
6. Nhạy bén, linh hoạt
7. Phương pháp vận động quần chúng
8. Hiểu biết, tuân thủ pháp luật
9. Yêu cầu khác

B16. Theo Ông/bà để nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống chính trị đáp ứng được những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn mới trong những năm tới cần phải thực hiện những giải pháp nào sau đây?

1. Tổ chức Đảng và chính quyền phải thực sự trong sạch và có đủ khả năng lãnh đạo nhân dân trong điều kiện mới
2. Trình độ dân trí (văn hoá, giáo dục) phải được nâng cao
3. Phải tập trung phát triển kinh tế, xác định đúng cơ cấu, qui mô kinh tế của địa phương
4. Phải khơi dậy, phát huy vai trò là chủ, làm chủ của người dân trong xã
5. Phải tranh thủ được các nguồn lực từ bên ngoài
6. Phải phát huy sức mạnh đoàn kết của nhân dân và các tổ chức CT-XH
7. Phải nắm bắt, vận dụng linh hoạt, sáng tạo các chính sách của Nhà nước
8. Phải tiếp cận và nhanh chóng ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại
9. Những giải pháp khác

B17. Theo ông/bà cần làm gì để nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị cơ sở nông thôn mới ? (chọn 5 phương án cho là quan trọng nhất)

1. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ cơ sở
2. Nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức
3. Xây dựng chương trình phòng chống tham nhũng, học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh
4. Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của các tổ chức trong HTCT
5. Tăng cường kiểm tra, giám sát của nhân dân
6. Xây dựng quy chế phối hợp giữa các tổ chức của hệ thống chính trị cơ sở

7. Thực hiện có hiệu quả Quy chế dân chủ cơ sở
8. Theo dõi, tổng kết, rút kinh nghiệm trong quá trình xây dựng NTM

B18. Ngoài những nội dung trên, Ông/bà có ý kiến khác để nâng cao vai trò, trách nhiệm của hệ thống chính trị cơ sở trong xây dựng nông thôn mới không?

.....

.....

.....

.....

.....

B19. Tại địa phương mình, ông/bà nhận thấy có vấn đề gì đang nổi lên mà hệ thống chính trị cơ sở cần tập trung giải quyết ngay

- | | |
|--|--|
| 1. Vấn đề tranh chấp đất đai | 8. Trình độ, năng lực, uy tín cán bộ yếu |
| 2. Tình trạng khiếu kiện | 9. Mất đoàn kết trong lãnh đạo |
| 3. Thiếu kỹ thuật, công nghệ mới để sản xuất | 10. Mất đoàn kết trong dân (giữa thôn, xóm, dòng họ..) |
| 4. Thiếu vốn sản xuất | 11. Môi trường ô nhiễm |
| 5. Tiêu thụ sản phẩm khó khăn | 12. Tệ nạn xã hội ngày càng gia tăng |
| 6. Tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm | 13. Khác (ghi rõ)..... |
| 7. Chính quyền xã quan liêu, cửa quyền | |

B20. Để xây dựng nông thôn mới ngày càng phát triển, ông/bà thấy bản thân mình cần thay đổi những vấn đề gì?

1. Nâng cao hiểu biết về mọi mặt nhất là hiểu biết pháp luật
2. Phát triển sản xuất, làm giàu
3. Chấp hành tốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của nhà nước
4. Tích cực hoạt động xây dựng chính quyền, đoàn thể
5. Tích cực tham gia hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện
6. Những vấn đề khác

THÔNG TIN NGƯỜI TRẢ LỜI

- 1. Giới tính** Nam Nữ
- 2. Trình độ học vấn**
- | | |
|--|---|
| <input type="checkbox"/> Không biết chữ | <input type="checkbox"/> Trung cấp - Cao đẳng |
| <input type="checkbox"/> Tiểu học | <input type="checkbox"/> Đại học |
| <input type="checkbox"/> Trung học cơ sở | <input type="checkbox"/> Sau đại học |
| <input type="checkbox"/> Trung học phổ thông | <input type="checkbox"/> Khác :..... |
- 3. Độ tuổi**
- | | |
|---------------------------------------|--|
| <input type="checkbox"/> Dưới 18 tuổi | <input type="checkbox"/> 41 - 50 tuổi |
| <input type="checkbox"/> 18 - 30 tuổi | <input type="checkbox"/> 51 - 60 trở lên |
| <input type="checkbox"/> 31 - 40 tuổi | <input type="checkbox"/> 61 trở lên |
- 4. Nghề nghiệp:**
- | | |
|--|---|
| <input type="checkbox"/> Nông dân | <input type="checkbox"/> Dịch vụ |
| <input type="checkbox"/> Ngư dân | <input type="checkbox"/> Nghề tự do |
| <input type="checkbox"/> Công nhân | <input type="checkbox"/> Nghi hưu, mất sức |
| <input type="checkbox"/> Thợ thủ công | <input type="checkbox"/> Chưa có việc làm |
| <input type="checkbox"/> Cán bộ viên chức | <input type="checkbox"/> Học sinh/Sinh viên |
| <input type="checkbox"/> Kinh doanh/Buôn bán | <input type="checkbox"/> Việc khác..... |

Xin cảm ơn ông/bà đã cộng tác!

Địa bàn khảo sát Xã/huyện:.....

Họ tên điều tra viên:

Thời gian phỏng vấn:giờ ngày...../...../2018

**Phụ lục 2: Danh sách các xã đạt chuẩn, các xã xây dựng
Nông thôn mới năm 2018, 2019**

TT	Huyện, xã	Tổng	Các xã đã công nhận đạt chuẩn	Các xã hoàn thành tiêu chí; đánh giá, xét công nhận năm 2018	Các xã cơ bản hoàn thành tiêu chí năm 2019	Ghi chú
1	Vĩnh Bảo	29	11 xã: Nhân Hòa, Vĩnh Tiến, Tam Đa, Hòa Bình, Tân Liên, Cổ Am, Tân Hưng, Hiệp Hòa, Đồng Minh, Tiên Phong, Vĩnh Long	02 xã: Thanh Lương, Hưng Nhân. 01 xã: Liên Am (kế hoạch 2017)	15 xã: Trần Dương, Vinh Quang, Lý Học, Cộng Hiền, Vĩnh An, Thắng Thủy, Hùng Tiên, Cao Minh, Việt Tiến, An Hòa, Tam Cường, Vĩnh Phong, Dũng Tiên, Trung Lập, Giang Biên.	Xã Liên Am đã thẩm định năm 2017, chưa đạt Chỉ tiêu 18 về HTCT và Tiếp cận pháp luật
2	Tiên Lãng	22	10 xã: Toàn Thắng, Cấp Tiến, Quyết Tiến, Vinh Quang, Kiến Thiết, Tiên Thắng, Quang Phục, Đại Thắng, Bạch Đằng, Tiên Hưng	02 xã: Tiên Tiến, Đoàn Lập. 01 xã: Đông Hưng (kế hoạch 2017)	09 xã: Khởi Nghĩa, Tiên Cường, Hùng Thắng, Tiên Thanh, Tụ Cường, Tây Hưng, Tiên Minh, Bắc Hưng, Nam Hưng.	Xã Đông Hưng đã thẩm định năm 2017, chưa đạt Chỉ tiêu 19 về Quốc phòng và An ninh
3	An Lão	15	07 xã: An Thắng, Chiến Thắng, Quang Trung, Mỹ Đức, Trường Thành, An Thái, Tân Dân	02 xã: An Thọ, Quốc Tuấn. 01 xã: Tân Viên (kế hoạch 2017)	05 xã: Thái Sơn, Bát Trang, Trường Thọ, Quang Hưng, An Tiến.	Xã Tân Viên đã thẩm định năm 2017, chưa đạt Chỉ tiêu 18 về HTCT và Tiếp cận pháp luật
4	Kiến Thụy	17	10 xã: Đoàn Xá, Hữu Bằng, Tân Phong, Ngũ Đoan, Tân Trào, Thuận Thiên, Đông Phương, Thụy Hương, Ngũ Phúc, Minh Tân	02 xã: Đại Hà, Thanh Sơn.	05 xã: Đại Đồng, Đại Hợp, Kiến Quốc, Tú Sơn, Du Lễ.	

5	An Dương	15	09 xã: An Hồng, Tân Tiến, Đặng Cương, An Hòa, An Hưng, Đồng Thái, Hồng Thái, Nam Sơn, Lê Lợi	05 xã: Lê Thiện, Đại Bản, Bắc Sơn, Hồng Phong, Quốc Tuấn. 01 xã: An Đông (kế hoạch 2017)		Xã An Đông đã thẩm định năm 2017, chưa đạt Chỉ tiêu 19 về Quốc phòng và An ninh
6	Thủy Nguyên	35	17 xã: Đông Sơn, Phục Lễ, Lưu Kiến, Thủy Sơn, Hoa Động, Thiên Hương, Lâm Động, Dương Quan, Kiên Bái, Thủy Đường, Phù Ninh, Liên Khê, Kênh Giang, Hoà Bình, Phả Lễ, Mỹ Đồng, Tân Dương	02 xã: Hoàng Động, Lưu Kỳ.	16 xã: Minh Tân, Hợp Thành, Lập Lễ, An Sơn, Lại Xuân, Quảng Thanh, An Lư, Trung Hà, Ngũ Lão, Thủy Triều, Chính Mỹ, Tam Hưng, Kỳ Sơn, Cao Nhân, Gia Minh, Gia Đức.	
7	Cát Hải	6	06 xã: Trân Châu, Xuân Đám, Phù Long, Hiền Hào, Gia Luận, Việt Hải			
	Tổng	139	70 xã	19 xã - 15 xã kế hoạch 2018. - 04 xã kế hoạch 2017	50 xã	

Nguồn: Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Hải Phòng

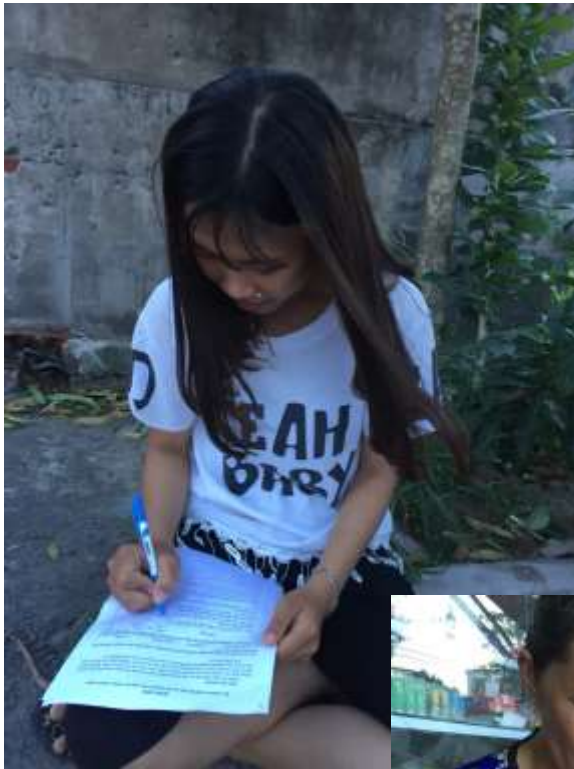
Phụ lục 3: Các xã nông thôn mới tiến hành khảo sát

HUYỆN	XÃ	ĐẶC ĐIỂM
An Dương	<i>An Hồng</i>	Xã thuần nông
	<i>An Hòa</i>	Xã thuần nông
	<i>Nam Sơn</i>	Xã thuần nông
An Lão	<i>Quang Trung</i>	Xã có đường cao tốc chạy qua, mức sống và dân trí khá cao
	<i>Tân Dân</i>	Xã thuần nông
	<i>Trường Thành</i>	Xã gần núi Voi - địa điểm du lịch
Cát Hải	<i>Phù Long</i>	Chủ yếu nuôi trồng và đánh bắt hải sản
	<i>Trần Châu</i>	Xã thuần nông
	<i>Xuân Đám</i>	Xã thuần nông
Kiến Thụy	<i>Đoàn Xá</i>	Xã thuần nông
	<i>Minh Tân</i>	Xã thuần nông
	<i>Ngũ Phúc</i>	Xã thuần nông
Tiên Lãng	<i>Kiến Thiết</i>	Xã thuần nông, có phong trào dẫn đầu huyện, sản xuất đặc sản thuốc Lào, rươi
	<i>Tiên Hưng</i>	Xã ven biển, nhỏ nhất huyện, dân số ít, mới thành lập 25 năm, còn khó khăn
	<i>Tiên Thắng</i>	Xã thuần nông, đông dân
Thủy Nguyên	<i>An Sơn*</i>	Xã miền núi, thuần nông
	<i>Liên Khê</i>	Xã thuần nông
	<i>Thủy Đường</i>	Xã ven đô
Vĩnh Bảo	<i>Hòa Bình</i>	Xã thuần nông
	<i>Nhân Hòa</i>	Xã thuần nông
	<i>Tân Liên</i>	Xã thuần nông

* Xã cơ bản hoàn thành nông thôn mới

Phụ lục 4: Một số hình ảnh lấy số liệu khảo sát





Phụ lục 5: Bản đồ hành chính thành phố Hải Phòng

(Nguồn: <http://lib.hunre.edu.vn>)

